



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 548-4148 / (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐĐ. Thích Quảng Hiếu**
Thư ký: **ĐĐ. Thích Đồng Thiện**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**
Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình ảnh: **Free-Photos (pixabay)**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo / Phát hành:
(714) 638-0989
(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email: baivochanhphap@gmail.com.

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **LÀM GI TRƯỚC DỊCH NGHIỆP** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 8
- ♦ **AVALOKITA** (thơ Pháp Hoan), trang 9
- ♦ **BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 10
- ♦ **THÔNG TƯ VỀ LỄ TRUY TÁN CÔNG HẠNH ĐLHT THÍCH QUẢNG ĐỘ** (Sa môn Thích Tín Nghĩa), trang 14
- ♦ **"TƯỢNG VƯƠNG HỒI XỬ..." / ĐÃ BỊ NGẠN RỒI...** (thơ TK Nhật Trí & Toại Khanh), trang 15
- ♦ **VẠN HẠNH VỚI MỘT NỀN GIÁO DỤC TỔNG HỢP** (HT. Thích Quảng Độ), tr. 16
- ♦ **THÔNG TƯ KHẨN...** (GHPGVNTN Hoa Kỳ), trang 19
- ♦ **THÔNG BÁO TẠM NGỪNG MỌI SINH HOẠT** (Chùa Bát Nhã Calif.), trang 20
- ♦ **NHẬN THỨC SAI LÂM** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 21
- ♦ **COVID-19 HAY LỜI CẢNH TỈNH TRẦN GIAN** (thơ Thích Viên Thành), trang 24
- ♦ **HÓA THÂN THẦY** (Thích Thanh Thắng), trang 25
- ♦ **TRÌ AN NGƯỜI PHIÊN DỊCH KINH SÁCH CHO TA TU HỌC** (Thích Hoàng Trí), trang 26
- ♦ **LONG TƯỢNG, TÒNG LÂM THẠCH TRỤ** (thơ Đồng Thiện), trang 28
- ♦ **TỪ GIÁO LÝ TỰ DIỆU ĐỀ NGHỊ VỀ ĐẠI DỊCH CORONA** (Chúc Phú), trang 29
- ♦ **QUẢN TỰ TẠI BỒ TÁT** (thơ Tuệ Nha), trang 31
- ♦ **KHÔNG KỶ THỊ TÔN GIÁO – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 32
- ♦ **HỘI AN NAM PHẬT HỌC TRUNG KỲ**, t.t. (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ **TỔNG BIỆT HÀNH, THẦY THÍCH QUẢNG ĐỘ** (thơ Vi Linh), trang 36
- ♦ **SUY NGHĨ TỪ BÁT NHÃ TÂM KINH** (Nguyễn Lang), trang 37
- ♦ **BUÔNG BỎ CHẤP THỦ TỰ NGÃ ĐỂ AN VUI LÂU DÀI** (Quảng Tánh), trang 44
- ♦ **HOANG CẢNH, NGHIỆP LỰC ĐÔI HỒI...** (thơ Phù Du), trang 45
- ♦ **THIỆN PHẬT GIÁO PHÁT TRIỂN TRONG XÃ HỘI THIÊN CHỨA GIÁO** (Huỳnh Kim Quang), trang 46
- ♦ **QUAY VỀ ĐÊM HỒM TRƯỚC** (thơ Trần Thiên Thi), trang 49
- ♦ **TỪ BI HỖ XẢ TRONG KINH PHÁP CÚ** (TM Ngô Tăng Giao), trang 50
- ♦ **TÂM** (thơ Tánh Thiện), trang 53
- ♦ **GÓT CHÂN ACHILLS** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 54
- ♦ **GIỮ TÂM AN BÌNH** (thơ Diệu Đạo Song Phương), trang 56
- ♦ **NẤU CHAY: ĐẬU HŨ CHIÊN XÓT CÀ CHUA** (cooky.vn) trang 57
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 58
- ♦ **TIÊU SÓN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 60
- ♦ **GIỚI THIỆU "TRÁI ĐẤT VÀ SỰ SỐNG"** (Thích Như Điển), trang 62
- ♦ **NÓI VỚI Đứa CHÁU NHỎ MỚI SANH** (Nguyễn Văn Sâm), trang 64
- ♦ **CÔNG CHỨA NHẬT QUANG** (Truyện cổ Phật giáo), trang 66
- ♦ **VONG CỔ HƯƠNG** (thơ Diệu Viên), trang 68
- ♦ **HỒI CHUÔNG CẢNH TỈNH** (Nhuận Hùng), trang 69
- ♦ **TÀN MẠN ĐÊM MƯA** (thơ TN Huệ Hoàn), trang 72
- ♦ **MÙA HẠ CHIỀU PHƯƠNG NGOẠI** (Du Tâm Lăng Từ), trang 73
- ♦ **PHÚT GIẤY NGẪU HƯNG** (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 75
- ♦ **STORY OF CITTA, THE HOUSE HOLDER** (Daw Tin), trang 76
- ♦ **GIẾT CON CHO ĐỦ GÁNH** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 77
- ♦ **THÔNG BÁO HỦY BỎ BUỔI SINH HOẠT CỎ MẶT CHO NHAU 7 & 8** (Tâm Thường Định), trang 78
- ♦ **NGON NÉN TRONG ĐÊM, LỜI NGUYỆN CẦU** (thơ Thục Uyên), trang 79
- ♦ **NÚI XANH MÂY HỒNG – chương 4** (Vĩnh Hào), trang 80
- ♦ **KHOI VỢ!** (thơ Triều Nguyên), trang 81

Báo Chánh Pháp số 101 tháng 04.2020, do ĐLHT. Thích Thắng Hoan (CA) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện Đại Lão Hòa Thượng pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ; chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

KHÉP LẠI NHỮNG CON ĐƯỜNG

Người ta nói, đại dịch đã đến rồi. Các công sở sẽ đóng cửa. Các con đường sẽ đóng bớt lại. Nhà hàng, rạp hát, những nơi vui chơi giải trí... tất cả đều phải đóng. Mỗi người hãy tự cách ly, đừng lang thang bên ngoài nữa. Một sẽ hại tất cả, và tất cả chung quanh cũng sẽ hại cho một. Mỗi cá nhân đều có liên hệ hỗ tương với gia đình và xã hội; tuy lý cách nhưng thực ra không ai tách rời khỏi thế giới. Mỗi người hãy tự ý thức vai trò và trách nhiệm của mình trong cuộc đời. Đừng ích kỷ, tham lam, chỉ biết có mình và người thân của mình. Tánh xấu của cá nhân luôn ảnh hưởng đến người khác, vật khác; trong trường hợp của đại dịch là vô tình/gián tiếp giết hại đồng loại, phá hoại môi trường. Hãy ngừng lại cái tâm bé xíu nhỏ mọn; và hãy mở lòng ra, biết yêu thương mình, yêu thương người, yêu thương vật. Tự phòng vệ cũng chính là bảo vệ cho người khác. Ý tưởng này hẳn đã nghe quen trong Phật giáo: một là tất cả, tất cả là một (1). Vậy thì, hãy dừng lại, dừng lại. Trở về với gia đình, trở về với tự thân. Đóng lại các căn trần. Khép lại những con đường...

Con đường đi quanh, hoa cỏ hồn nhiên mọc tràn lưng núi. Bướm cải du xuân vàng rợp đồng xanh. Chim trắng như bông, chao lượn góc trời. Dáng sắc lung linh trong nắng xé. Muôn màu vẽ nhòa trên tóc xưa. Dấu chân ai còn in lối về. Chiều tàn lưu luyến buổi bình minh. Buồn vui khép lại trong đôi mắt sâu. Ngày như đêm không còn thấy gì.

Con đường bằng ngang bờ bãi quanh. Nghe gió chuyển rung những tán lá. Sóng nước vỗ nhịp cho bản trường ca không biết bắt đầu tự khi nào. Tiếng ca cất lên nơi hoang dã, vượt khỏi những cung bậc, chạm đến tầng mây cho mưa

rơi xuống. Tiếng mưa rào rào lúc ban đầu, rồi chậm chậm, tí tách... rồi lặng im. Cơn suy-thịnh buông theo lời ca, tiếng nói. Giọng ai bật cười lúc sáng tinh mơ. Từ nay khép lại đôi tai này. Không còn những thanh, âm. Không còn tiếng vô thanh.

Con đường phố thị ngào ngạt những hương thơm. Mùi thức ăn đánh thức cơn đói giữa chiều. Mùi xăng từ khối xe gởi nhớ những chuyến đi xa. Mùi vải mới gởi nhớ ngày xưa thơ ấu trong áo quần ngày đầu xuân. Mùi muôn hoa kết tụ trong tinh dầu, phảng phất trên những làn da. Mùi da thơm gởi nhớ những cuộc tình. Những cuộc tình đời này hay nhiều đời trước, vẫn còn vương hương. Ngồi lặng im, khép lại cánh mũi này, cho lắng hết dư hương. Dư hương lắng hết rồi mà bỗng liên tưởng một mùi hương chưa từng ngửi qua: hương thơm từ cõi Chúng Hương của Phật Hương Tích (2).

Hương thơm cõi Chúng Hương thì không thể mừng tượng ra nổi, nhưng từ bát cơm thơm mà vị "hóa bồ-tát" (3) đem về từ tay Phật Hương Tích, gởi lại một bát cơm trắng dẻo, thơm tho của cõi trần. Lưỡi này đã kinh qua bao vị mặn, ngọt, cay, chua, đắng, chát, mềm, giòn, khô, ướt... của hàng trăm món ăn phương đông, phương tây. Đạm bạc đơn giản cũng có, sơn hào hải vị cũng có. Ăn vì đói hay ăn cho ngon cũng đều đã nếm qua. Nhưng giá trị của mỹ vị thường khi chỉ được nhận chân với bụng rỗng. Miếng cơm trong tù. Miếng ăn của người đói. Nhu cầu lấp vào bao tử trống tạo nên ảo giác ngon cho vị giác. Vậy rồi, cũng chính từ nhu cầu và ảo giác ấy, người ta đã sáng tạo ra bao món ăn cầu kỳ, tỉ mỉ, tinh tế, tuyệt hảo. Giờ này ngồi lại giữa phòng không, không nói không ăn, miệng hàm hoa, nhẹ thơm cam-lồ vị.



Thân đã rong chơi muôn dặm ngoài.
Nóng, lạnh chiêu cảm hết những mùa
qua. Ngõ hẹp gặp nhau ắt phải vầy oan
trái. Tử thuở tóc xanh đã miên man dỗi
theo những bóng sắc. Ôm nhau cho trọn
duyên tình gieo từ bao kiếp xa xôi không
thể nhớ. Để rồi, giữa trời đất mênh
mông, bỗng chốc muôn trùng xa hút
bóng cổ nhân. Tóc râm. Chùn gối. Thân
hạc đứng lại bên sông xưa, ngẫm tà huy
rơi trên núi non điệp trùng.

Những con đường khép lại, nhưng
tâm thức lại mở ra muôn hướng, với
những chiều sâu thăm thẳm. Một đường
mở ra muôn đường. Mỗi đường lại mở ra
vô tận con đường... Hình sắc, âm thanh,
hương vị và cảm giác xúc chạm trộn lẫn
vào nhau, nhào nặn ra những ảnh tượng
hữu lý và phi lý. Ngựa bay trên không.
Chim bơi dưới nước. Không gì thật, mà
cũng không gì không thật...

Ngồi im mà nhận ra ý thức đang
chuyển động theo Tâm Kinh: không màu
sắc, không âm thanh, không hương,
không vị, không xúc... Không thấy cả
người quan sát. Không nghe cả sự thỉnh
lặng. Không ngửi cả cái không mùi.
Không nếm cả cái không vị. Không xúc
chạm cả cái không xúc chạm. Không khởi
ý, cũng không khởi cái ý chấm dứt ý
tưởng. Không gì ngăn ngại, không gì hãi
sợ. Đoạn dứt các vọng duyên. Đoạn dứt
người đoạn dứt. Tự tại vô ngại, đi đứng
nằm ngồi mà bất động như như. Ma-ha
Bát-nhã Ba-la-mật-đa.

GHI CHÚ:

- 1) "*Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất*": tư tưởng cốt lõi của Kinh Hoa Nghiêm. Câu này cũng được nói lại trong Tín Tâm Minh (câu 70) của Thiền sư Tăng Xán (?-606), Tổ thứ ba của Thiền tông Trung Hoa, nổi pháp Nhị tổ Huệ Khả.
- 2) "*Duy Ma Cát Sở Thuyết*," bản dịch và chú giải của Tuệ Sỹ. Dịch phẩm này dựa trên bản Hán của Cưu Ma La Thập, đối chiếu bản Phạn và Tạng ngữ; cẩn thận đối chiếu luôn cả 2 bản Hán dịch khác của Chi Khiêm (Phật Thuyết Duy Ma Cát Kinh), và Huyền Trang (Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh). Bản của Cưu Ma La Thập dịch là "cõi Chúng Hương," Huyền Trang dịch là "Phật-độ Nhất Thiết Diệu Hương;" Đức Phật Hương Tích thì Huyền Trang dịch là Đức Phật "Nhất Thiết Hương Đài." Theo kinh văn, "*cách thế giới này vượt qua bốn mươi hai Hằng hà sa số cõi Phật, có một nước tên là Chúng hương, có Phật hiệu Hương Tích nay đang tại thế. Hương thơm của quốc độ này át hẳn mọi hương thơm của chư thiên trong các quốc độ khắp mười phương... Ở đó hương thơm tạo ra mọi thứ như lâu các, đất đai, vườn tược và hoa viên khiến chúng tỏa mùi thơm ngát. Còn thực phẩm thì có mùi thơm lan tỏa đến vô lượng thế giới khắp mười phương.*"
- 3) "*Duy Ma Cát Sở Thuyết*," Phẩm 10, Phật Hương Tích, bản dịch của Tuệ Sỹ, nhà xuất bản Phương Đông 2008.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

CỘNG HÒA KALMYKIA (Liên bang Nga): Cuộc triển lãm tôn vinh 15 Phép màu của Đức Phật

Vào ngày 24-2, ngày đầu tiên của Tháng Trắng linh thiêng, một nghi lễ cổ xưa và một cuộc triển lãm tôn vinh 15 Phép màu của Đức Phật đã được tổ chức tại Chùa Trung tâm Hoàng Kim Trạch của Thích Ca Mâu Ni Phật ở Kalmykia.

Triển lãm còn có 15 tranh Thangka Tây Tạng, giới thiệu cuộc đời và công việc của đại sư Tây Tạng Je Tsongkhapa (1357-1419), người sáng lập trường phái Gelug của Phật giáo Tây Tạng. Số tranh thangka này do Văn phòng của Đức Đạt lai Lạt ma tặng cho Chùa Hoàng Kim Trạch.

Tháng Trắng, tháng đầu tiên của Năm mới Âm lịch, được tổ chức trên khắp thảo nguyên phía nam Siberia, Mông cổ và các khu vực rộng lớn của Trung Quốc. Đây là một trong những ngày lễ quan trọng nhất trong khu vực này và trùng với Năm Mới (Losar) của người Tây Tạng.

(Buddhistdoor Global - February 27, 2020)



Lễ khai mạc cuộc triển lãm tôn vinh 15 Phép màu của Đức Phật



Tranh Thangka Tây Tạng miêu tả cuộc đời và công việc của đại sư Tây Tạng Je Tsongkhapa
Photos: khurul.ru

TRỞ VỀ MỤC LỤC

NEPAL: Một triệu lượt người tham dự lễ hội Phật giáo Samyak Mahadan ở Patan

Tại thành phố Patan, lễ hội cúng dường hàng ngàn năm tuổi Samyak Mahadan của Phật giáo đã được tổ chức trên một khu đất rộng lớn vào 2 ngày 26 và 27-2-2020.

Trọng tâm chính của lễ hội là tôn vinh chư Phật, đặc biệt là Phật Dipankara, vị Phật mà ở kiếp trước đã tiên đoán sự giác ngộ của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Năm nay là năm thứ 472 lễ hội Samyak Mahadan diễn ra tại thành phố Patan, với hơn một triệu lượt người tham gia.

Sự kiện này được tổ chức bởi Đại Tịnh xá Hiranva Varna, còn gọi là Chùa Vàng, với sự tài trợ từ Ittilihane Samyak Mahadan Ayojak Samittee - một đơn vị của Đại Tịnh xá này.

(Buddhistdoor Global - February 28, 2020)



Hình ảnh lễ hội cúng dường Samyak Mahadan
Photos: kath-mandupost.com

NHẬT BẢN: Đôi dép rơm khổng lồ tại cổng chùa Senso-ji ở Tokyo

Tại cổng Hozomon của Chùa Senso-ji ở Asakusa, một trong những địa điểm nổi tiếng nhất tại Tokyo, người ta có thể thấy sự trang trí khác thường: một đôi dép rơm khổng lồ cao 4.5 m và nặng 500 kg.

Đôi dép này là một phiên bản lớn hơn của một loại dép quai làm từ dây rơm. Đây là loại phổ biến ở Nhật Bản cho đến thế kỷ 19. Đôi dép khổng lồ của chùa Senso-ji được dệt theo cách truyền thống, và được tạo tác bởi hội đồng thị trấn Tate'oka-aramachi, Murayama ở tỉnh Yamagata.

Người ta nói rằng đôi dép tượng trưng cho sức mạnh của Niō, những vị hộ pháp thần lực của chùa chiến Phật giáo. Sự hiện diện của chúng khiến ma quỷ phải tránh xa vì tin rằng ngôi chùa là nhà của một người khổng lồ bất khả chiến bại.

Đôi dép được giới thiệu lần đầu tiên cho chùa Sensō-ji vào năm 1941, và kể từ đó, khoảng 10 năm một lần, đã được thay thế bằng một đôi mới. Đôi hiện tại được đưa vào vị trí vào năm 2018, và theo báo cáo đã cần đến khoảng 900 công nhân để làm chúng trong một tháng.

(atlasobscura.com - March 2, 2020)

Đôi dép rơm khổng lồ tại cổng chùa Senso-ji ở Tokyo
Photos: atlasobscura.com



LÀO: Các tượng Phật cổ từ Pháp được trả về Lào

Vientiane, Lào - Ba pho tượng Phật cổ bị lấy đi từ Lào cách đây nhiều thập kỷ đã được một ngôi chùa Lào tại Paris (Pháp) trả lại.

Phật tử đã tập trung tại chùa Ongteu ở Vientiane vào ngày 27-2 để cúng kính và chào đón sự trở lại của những pho tượng quý giá này.

Sư trụ trì của ngôi chùa Lào ở Paris cho biết đây là 3 pho tượng Phật ngôi do một người phụ nữ Lào tặng cho chùa nhiều năm trước, sau khi chồng bà qua đời. Bà được thông báo rằng những bức tượng này đã bị lấy đi từ Lào vào thời của Vương quốc Lane Xang.

Sư trụ trì đã quyết định phải trả lại cho Lào những tượng Phật nói trên.

Vào ngày 28-2, lễ cúng dường vật phẩm và các nghi lễ tôn giáo khác đã diễn ra để tôn vinh những tượng này.
(ANN - March 2, 2020)



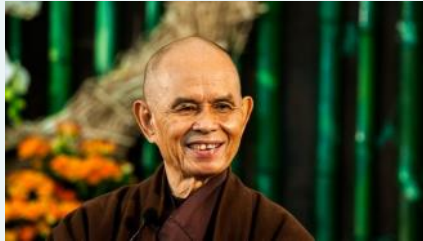
*Các tượng Phật cổ từ Pháp được trả về Lào và trưng bày tại chùa Ongteu ở Vientiane
Photo: ANN*

ANH QUỐC: Đúc Đạt lai Lạt ma đứng đầu danh sách các nhà lãnh đạo tinh thần có ảnh hưởng nhất thế giới

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đứng đầu danh sách 100 Người Còn sống Có ảnh hưởng Tinh thần Lớn nhất của Watkins cho năm 2020. Nhà sách Watkins ở Luân Đôn (Anh Quốc) đã tổng hợp danh sách này từ năm 2011, như một cách để tôn vinh các vị thầy tâm linh hiện đang còn sống.

Cùng với Đức Đạt lai Lạt

ma, các nhân vật hàng đầu khác được liệt kê bao gồm Giáo hoàng Francis xếp thứ 2, nhà hoạt động môi trường tuổi teen Greta Thunberg xếp thứ 3, người dẫn chương trình trò chuyện kiêm doanh nhân Oprah Winfrey thứ 5, và nhà lãnh đạo Phật giáo Việt Nam Thích Nhất Hạnh thứ 7.



Danh sách nói trên có sẵn trong số phát hành mùa xuân của tạp chí Watkins Mind Body Spirit. Ấn bản đặc biệt này có 16 trang dành riêng cho hình ảnh, tiểu sử và thông tin chi tiết về mỗi người trong danh sách.

(Buddhistdoor Global - March 3, 2020)

MIỄN ĐIỆN: Chuông đồng lớn thứ ba trong nước sắp hoàn thành

Mandalay, Miến Điện - Các nghệ nhân vùng Mandalay sắp hoàn thành việc đúc chiếc chuông đồng lớn thứ ba của đất nước, U Aung Than Maw, người sở hữu và điều hành cửa hàng làm chuông, nói.

Chuông Thiri Thumana này được làm bằng khoảng 32 tấn đồng, sẽ được lắp đặt tại Trung tâm Thiền định Mogok Vipassana ở thành phố Sagaing.

Công việc đúc chuông bắt đầu từ chín tháng trước tại làng Ta Daing Shey ở thị trấn Pathasingyi, Mandalay, và nó sẽ được chuyển đến Sagaing vào ngày 11- 3, U Aung Than Maw nói.



"Chuông cao khoảng 4.8 mét và đường kính 2.8 mét ở miệng. Đây là chiếc chuông lớn thứ ba ở Miến Điện, và cũng là chuông lớn nhất đang được đúc hiện nay. Theo như tôi biết, nó là chuông lớn nhất trên thế giới được đúc trong 100 năm qua", ông nói.

Chuông lớn nhất ở Myanmar là chuông Mingun bằng đồng, nặng 90 tấn. Lớn thứ hai là chuông Tharrawaddy nặng 42 tấn tại chùa Shwedagon.

(Tipitaka Network - March 7, 2020)

NHẬT BẢN: Ngôi chùa ở Nara tổ chức nghi lễ cầu nguyện cho dịch corona-virus sớm chấm dứt

Yoshino, Nara - YOSHINO, Nara - Một nghi lễ Phật giáo để cầu nguyện cho sự kết thúc sớm của sự bùng phát corona-virus mới đã được tổ chức tại chùa Kinpusen-ji, được chỉ định là Di sản Văn hóa Thế giới của UNESCO, tại thị trấn lịch sử Yoshino (tỉnh Nara) vào ngày 6-3-2020.

Bắt đầu từ 1 giờ chiều, chùa Kinpusen-ji đã phát trực tiếp trên phương tiện truyền thông xã hội về nghi thức "goma" của việc đốt các lễ vật để cầu xin sự giúp đỡ thiêng liêng, và cũng yêu cầu mọi người trong các chùa, đền thờ, hộ gia đình và văn phòng trên khắp Nhật Bản cùng nhau cầu nguyện. Chùa này cho biết đã có hơn 600 người trong nước bày tỏ sự ủng hộ.

Khoảng 50 người tham gia nghi lễ tại chỗ là thành viên của chùa Kinpusen-ji và chùa Ominesan-ji ở làng Tenkawa của tỉnh Nara, là những người tu khổ hạnh trên núi.

Yoshitomo Gojo, tu sĩ trưởng tại chùa Kinpusen-ji, nói: "Khi các sự kiện tôn giáo đã bị hủy bỏ trên khắp Nhật

*Chuông Thiri Thumana, lớn thứ ba tại Miến Điện, đang được đúc tại làng Ta Daing Shey ở thị trấn Pathasingyi, Mandalay
Photo: Phyo Wai Kyaw*



Bản, tôi muốn tập hợp nhiều lời cầu nguyện trong thời điểm khó khăn này và hy vọng mọi người sẽ có trái tim mạnh mẽ khi họ đối mặt với cuộc khủng hoảng này."

(The Mainichi - March 7, 2020)



Nghi thức "goma" cầu nguyện cho sự kết thúc sớm của sự bùng phát coronavirus, diễn ra tại chùa Kinpusen-ji ở thị trấn Yoshino (tỉnh Nara) vào ngày 6-3-2020

Photo: Kenichi Kayahara

TÍCH LAN: Đình chỉ các chuyến hành hương đến Ấn Độ vì sự bùng phát của vi rút corona

Ngày 9-3-2020, Tích Lan đã đình chỉ các chuyến hành hương đến Ấn Độ do xét thấy sự bùng phát của vi rút corona, và cho rằng những chuyến đi này chủ yếu được thực hiện bởi những người cao tuổi, vốn dễ bị tổn thương nhất với Covid-19.

Tour tham quan tôn giáo này - thường được gọi là 'Dambadiva Vandana' - bao gồm các chuyến đi đến các đền thờ Phật giáo tại Bồ đề Đạo tràng, Varanasi và Sarnath ở Ấn Độ và Lâm Tì Ni ở Nepal.

Động thái của chính phủ Tích Lan là một phần của một loạt các biện pháp phòng ngừa sau sự bùng phát virus, bao gồm: Hãng hàng không Tích Lan tạm dừng vô hạn định các chuyến bay đến Trung Quốc và Ả Rập Saudi, và tất cả hành khách đến từ Hàn Quốc, Iran và Ý được gửi đến các trung tâm kiểm dịch ở tỉnh miền Đông của Tích Lan.

(republicworld.com - March 10, 2020)



*Coronavirus (Covid-19)
Photo: republicworld.com*

NHẬT BẢN: Qua 9 năm, nhà sư ở Fukushima đã lái xe 400.000 km để thăm các tín đồ

Fukushima, Nhật Bản - Nhà sư Ryushin Hangai, 68 tuổi, là sư trưởng chùa Henshoji ở thị trấn Okuma của tỉnh Fukushima. Ông đã lái xe 400.000 km để đi thăm tín đồ, là những người đã ly tán trên khắp Nhật Bản trong chín năm kể từ khi thảm họa tháng 3 năm 2011 xảy ra ở tỉnh này.

Sau trận động đất và sóng thần mạnh, cùng với vụ tai nạn hạt nhân xảy ra sau đó, khoảng 40.000 người từ Fukushima vẫn đang sống như những người di tản trong và ngoài tỉnh. "Trước thảm họa, hầu hết tín đồ từng sống trong phạm vi 10 km của chùa, nhưng hiện tại họ đang sống rải rác trên khắp đất nước", sư Ryushin Hangai nói.

Tất cả cư dân của Okuma, tổng cộng khoảng 11.500 người, đã buộc phải rời khỏi thị trấn này sau thảm họa. Khoảng 600 hộ gia đình tín đồ của chùa đã trú ẩn trong các tỉnh khác, bao gồm Miyagi và Oita lân cận ở phía tây nam Nhật Bản.

Với vị trí của bản tự nằm trong khu vực cấm vào được chỉ định, sư Hangai đến thăm tín đồ từ một chùa chi nhánh mới thành lập ở thị trấn Hirono gần đó.

(jenjiji.com - March 11, 2020)



ẤN ĐỘ: Lễ cầu nguyện đặc biệt của chư tăng tại Bồ đề Đạo tràng để diệt trừ vi rút corona

Bihar, Ấn Độ - Trong khi dịch coronavirus bùng phát, hàng ngàn tu sĩ Phật giáo đã tập trung dưới gốc cây bồ đề tại Bồ đề Đạo tràng vào ngày 9-3, và tụng niệm những lời cầu nguyện đặc biệt cho việc tiêu diệt coronavirus chết người.

Gọi rằng đây là ngày lành, Huizhong Yang, người tổ chức buổi cầu nguyện đặc biệt này, nói rằng hàng ngàn tăng ni và những người khác đã cùng tham gia lễ cầu nguyện đặc biệt cho sự an lạc của công chúng nói chung.

"Hôm nay là một ngày rất đặc biệt, ngày trăng tròn trong lịch Phật giáo. Nhân dịp tốt lành này, Quý Mahakaruna và trung tâm thiền quốc tế Mahabudh đã tổ chức lễ cầu nguyện toàn cầu cho việc tiêu diệt coronavirus", nhà tổ chức Huizhong Yang nói.

"Khoa học và công nghệ y tế đang cố gắng hết sức để kiểm soát sự lây lan của coronavirus. Nhưng có một số sự việc nào đó ngoài tầm công nghệ y tế. Chúng ta cần những lời cầu nguyện. Trường hợp khoa học thất bại, thì tâm linh lại thành công", ông nói thêm.

(republicworld.com - March 10, 2020)



Lễ cầu nguyện toàn cầu vì coronavirus tại Bồ đề Đạo tràng, Ấn Độ—Photo: ANI

*Sư trưởng Ryushin Hangai của chùa Henshoji và tín đồ
Photo: Jiji Press*



THÁI LAN: Sự kiện Ngày Vesak của Liên Hiệp Quốc lần thứ 17 bị hủy vì lo ngại coronavirus

Trước những bất ổn và rủi ro liên quan đến sự bùng phát COVID-19 ở tầm quốc tế đang lớn dần, Hội đồng Ngày Vesak Quốc tế (ICDV) đã quyết định hủy bỏ sự kiện Vesak của Liên hiệp quốc lần thứ 17 sắp diễn ra, dự kiến sẽ được tổ chức tại Thái Lan vào tháng 5-2020.

ICDV nêu trong một lá thư ngày 6-3 và được chia sẻ rộng rãi trên phương tiện truyền thông xã hội: "Vi sự bùng phát gần đây của bệnh coronavirus 2019 (COVID-19), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã tuyên bố căn bệnh này là một 'Cấp cứu Y tế Công cộng của Mọi quan tâm Quốc tế', và Bộ Y tế Công cộng Thái Lan vào ngày 26-2-2020 đã chỉ định nó là một bệnh truyền nhiễm nguy hiểm".

"Vi những lý do này, Hội đồng Tối cao Thái Lan, vào ngày 28-2-2020, đã ban hành Nghị quyết số 37/2563 về các biện pháp phòng ngừa chống lại sự lây lan của bệnh coronavirus 2019 (COVID-19)". "Xem xét tình hình này, Hội đồng Ngày Vesak Quốc tế đã quyết định hủy bỏ sự kiện Ngày Vesak lần thứ 17 của Liên Hiệp Quốc vào năm 2020 được tổ chức tại Thái Lan."

Bức thư được ký bởi Hòa thượng Giáo sư Tiến sĩ Pra Brahmappundit, thành viên của Hội đồng Tối cao Thái Lan và chủ tịch Hội đồng Ngày Vesak Quốc tế.

Buddhistdoor Global – March 10, 2020)

MIẾN ĐIỆN: Các chuyên gia sẽ đo lường lượng vàng trong tượng Phật ở Mandalay

Các chuyên gia sẽ sử dụng các cảm biến siêu âm để đo lường vàng trong bức tượng Phật Mahamuni (Đại Hiện Thánh) được tôn kính tại một trong những ngôi chùa cổ ở Vùng Mandalay.

Các ủy viên của chùa và chuyên gia đang tìm cách sửa chữa những vết nứt xuất hiện

trong bàn thờ tôn trí tượng Phật Mahamuni này.

Ông U Soe Lin, trưởng ủy ban quản lý của chùa này, nói, "Chúng tôi sẽ đo âm lượng để xem tượng hiện tại khác với tượng gốc như thế nào. Tôi nghĩ rằng những người hành hương đã mạ quá nhiều vàng trong thân tượng."

Ước tính ban đầu của lượng vàng đưa vào trong bức tượng khổng lồ này là khoảng 653.2 kg, ông U Soe Lin cho biết.

"Hai nhiệm vụ dài hạn bao gồm đánh giá lượng vàng được thêm vào trên tượng Phật này và sức chịu đựng của vàng", ông nói. "Chúng tôi sẽ tìm cách để kiểm tra và củng cố bàn thờ, đó sẽ là một nhiệm vụ lâu dài".

(Myanmar Times – March 9, 2020)



Chiêm bái tượng Phật Mahamuni tại Mandalay, Miến Điện— Photo: Phyo Wai Kyaw

HỒNG KÔNG: Chùa Fook Wai Ching She xin lỗi vì gây ra cụm lây nhiễm vi rút corona

Chùa Fook Wai Ching She đã xin lỗi vì vô tình để cho một cụm lây nhiễm coronavirus xảy ra, khiến 19 người kể cả sư trưởng của chùa mắc phải COVID-19 trong thành phố.

Được thành lập tại khu dân cư North Point của Đảo Hồng Kông vào năm 1958, chùa Fook Wai Ching She thừa nhận rằng sự phát tán lây lan này là kết quả của sự thiếu đồng thuận giữa những tín đồ của chùa về việc có nên đóng cửa hội trường hay không đối với các cuộc tụ họp

công cộng trong thời gian Tết Nguyên đán gần đây vào cuối tháng 1-2020.

Theo các quan chức y tế địa phương, dấu vết của virus đã được tìm thấy bên trong hội trường, trên một vòi nước và một sổ sách, sau khi các cuộc họp mặt công cộng được tổ chức tại chùa trong thời gian Năm Mới của Trung Quốc, trong đó những người tham dự chia sẻ các bữa ăn chay. Chính quyền đã đóng cửa chùa Fook Wai Ching She vào tháng 2, trong khi một cuộc điều tra đang diễn ra.

(Big News Network – March 15, 2020)



*Tòa nhà nơi có chùa Fook Wai Ching She ở Hồng Kông
Photo: scmp.com*

ẤN ĐỘ: Lo sợ vì rút corona: Tất cả các tu viện Phật giáo ở Thung lũng Spiti đóng cửa đối với người ngoài

Himachal Pradesh, Ấn Độ – Mọi người bên ngoài và du khách tại Spiti đã được yêu cầu phải rời đi trong vòng 3 ngày.

Tất cả các địa điểm tôn giáo tại Thung lũng Spiti ở huyện bộ tộc Lahaul và Spiti đã quyết định đóng cửa đối với người bên ngoài do lo sợ vì rút corona.

Những địa điểm tôn giáo này bao gồm tất cả 5 tu viện Phật giáo Kye, Tabo, Dhankar, Kungri và Tnagud tọa lạc tại Thung lũng Spiti đẹp như tranh vẽ.

Chấp nhận sự xa cách xã hội từ những người bên ngoài, ngoại trừ các quan chức chính phủ, người ta đã quyết định rằng các tu viện này sẽ đóng cửa cho đến ngày 30-4 và nếu cần có thể kéo dài để tiếp tục theo dõi tình hình.

(thestatemans.com - 3. 2020)

LÀM GÌ TRƯỚC DỊCH NGHIỆP

Điều ngự tử Tín Nghĩa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Báo số 100 vừa mới hoàn thành đến với chư Tôn đức, quý đọc giả và Phật tử bốn phương; thì số 101 cũng tiếp theo lại có những vấn đề không kém phần quan trọng. Số là tất cả nhân loại trên thế giới vừa vui xuân Canh tý chưa dứt thì, Đại nạn tử Vũ Hấn, Trung Quốc lại ập đến cho loài người. Âu cũng là nghiệp dĩ chung của chúng sanh, ...

Đã là Nghiệp thì khó có bất cứ ai tránh khỏi cho được. Ngay trong hàng tu chứng tử Sơ quả đến Tam quả cũng còn trả nghiệp khi ngọn gió Tỳ-lam thổi đến lên tầng trời tam thiên thì chỉ có Tứ quả (*A la hán*) mới tránh khỏi, tức là cảnh giới của Di Lạc nội viện. Do vậy, muốn tránh khỏi lưới nghiệp thì chỉ có tu.

Theo giáo lý Phật đà, tu tức là chuyển đổi từ xấu qua tốt, từ ác qua thiện, từ mê qua ngộ, ... đó là cách nói thông thường cho nhau nghe. Trên thực tế thì, tu là chuyển nghiệp như thế nào để có quả thiện. Giáo lý nhà Phật là giáo lý như quả. Không tin vào giáo lý như quả là không phải Phật giáo.

Trong kinh Pháp Cú, có hai câu đối xứng nhau, đức Phật đã rằng dạy như:

1. "Trong các Pháp, Tâm dẫn đầu, Tâm làm chủ, Tâm tạo tác tất cả. Nếu đem Tâm ô nhiễm (Ác) tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự đau khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe;" và:

2. "Trong các Pháp, Tâm dẫn đầu, Tâm làm chủ, Tâm tạo tác tất cả. Nếu đem Tâm thanh tịnh (Thiện) tạo nghiệp nói năng hoặc hành động, sự vui vẻ sẽ theo nghiệp kéo đến như bóng theo hình."

Qua hai câu kinh dạy trên đây, tức là khuyên mọi loài chúng sanh (*đặc biệt là con người*) phải tu mà là tu thiện. Tức bỏ ác làm lành, bỏ tà quy chánh. Cái thiện vốn có gọi là tính thiện, cái thiện do tu mà thành, gọi là tu thiện. Tu thiện tức là tính thiện, đó là lời bàn



chung của Phật giáo Đại thừa. Tu ở đây tuy nói chung cho mọi loài, nhưng thực ra là chỉ cho con người đặc biệt là cho chính mình. Tu là tu chỉnh, rèn luyện thân tâm. Trong Nho giáo cũng hướng dẫn cho con người:

"Tu thân, tể gia, trị quốc, bình thiên hạ".

Muốn làm việc lớn, chung đưng với mọi hoàn cảnh trong xã hội, trước phải tu thân, ... Cái thân có tề chỉnh, đoạn nghiêm, lời nói đi đôi với tâm từ bi thì mới mong khi ra ứng xử có hiệu quả.

Trở lại vấn đề oan nghiệp chung của nhân loại như hiện nay, ngoài vấn đề khoa học là tìm thuốc chữa trị cho loại vi trùng mới "*Triệu chứng nhiễm COVID-19*" hay "*Corona Virus*" do tổ chức Y tế Thế giới (*WHO*)

đã tuyên bố thì chúng ta lấy tâm từ để thương yêu nhau, giúp đỡ nhau theo hoàn cảnh có được của chính mình, không phân biệt sắc tộc, không phân biệt màu da... Đó là thể hiện đại từ đại bi thương xót chúng sanh vậy.

Riêng hàng Phật tử mỗi khi tụng niệm, cầu nguyện nên mật thăm câu: "*Hôm nay con (tên của chính mình), pháp danh (nếu có), phát tâm trì tụng phẩm kinh (tên gì), nguyện vì bản thân, vì cha mẹ bà con, vì lục thân quyến thuộc, vì người thân kẻ thù, vì mọi người và vì chúng sanh*", để hồi hướng và cầu nguyện điều mình phát nguyện.

Nhơn đây, bút giả xin mạo muội gửi đến liệt quý vị một vài phương pháp trị liệu với của tổ chức Y tế Thế giới hướng dẫn mà chúng tôi sưu tầm được như sau:

Loại virus này chỉ sinh sôi ở khí hậu lạnh, vì thế, mọi người nên tăng cường uống nước, ăn cam, giữ ấm cơ thể để tăng sức đề kháng, tránh thức đêm khiến cơ thể mệt mỏi dễ bị nhiễm bệnh nhé. Chứ không phải ăn chơi hết mình, đi mua sắm 3 cái khẩu trang là chống được đại dịch tầm cỡ thế giới đâu ạ.

Cách Phòng Tránh Dịch Có Hiệu Quả

1. Tuyệt đối không đến những chỗ đông người như đền chùa, trung tâm thương mại, lễ hội đầu năm... Tết năm nào cũng có nhưng mạng người chỉ có một mà thôi ! Việc hủy toàn bộ các hoạt động nơi công cộng là điều cần thiết và bắt buộc trong thời điểm này.

2. Cho trẻ em nghỉ học hoàn toàn trong vòng ít nhất 2 tuần. Học là việc cả đời chứ không phải chuyện một tuần hay một tháng, đừng để bị cuốn vào "dịch bệnh" thành tích của hệ thống giáo dục.

3. Dự trữ thực phẩm để sử dụng trong vòng 3 - 4 tuần. Bài học của Vũ Hán, Trung Cộng là một số thành phố bùng phát dịch đã xuất hiện tình trạng khan hiếm lương thực, thậm chí có nguy cơ chết đói (như Vũ Hán).

4. Xông nhà mỗi ngày để thanh lọc không khí, diệt khuẩn và tăng sức đề kháng cho các thành viên gia đình. Các loại tinh dầu hữu cơ như eucalyptus, cam, sả, chanh, bạc hà, quế, bách xù ... cực kì hiệu quả với các công dụng trên. Các bạn có thể xông từng loại tinh dầu đơn, mỗi loại cách nhau 2-3 giờ. Nên kết hợp sử dụng máy khuếch tán khí nén với máy khuếch tán bằng sóng âm để tăng độ ẩm trong nhà (*corona virus phát triển kém trong môi trường ẩm cao*).

5. Rửa tay ngay khi vừa đi bên ngoài về bằng các loại nước rửa tay. Nếu phải ra ngoài lâu nên đem theo một chai nước rửa tay khô.

Virus không chịu nhiệt và sẽ bị yếu ở nhiệt độ 38 độ. Do đó, hãy uống nhiều nước nóng hơn. Bạn có thể nói với bạn bè và người thân của mình uống nhiều nước nóng hơn để ngăn chặn nó.

Gần đây trời rất lạnh và uống nước nóng cũng rất thoải mái. Nó không phải là thuốc chữa bệnh và tốt cho cơ thể. Uống nước ấm có hiệu quả đối với tất cả các loại virus. Hãy cố gắng không uống nước đá, hãy nhớ! Chia sẻ cho mọi người phòng tránh.

Đôi lời thổ lộ, bút giả tâm sự cùng quý đọc giả và hy vọng chúng ta sớm thoát qua cơn hoạn nạn đang hoành hành hiện trên khắp hoàn cầu. Và, chúng ta đồng cầu nguyện cho những người không may, mắc phải bệnh này sớm được gặp thấy, gặp thuốc và không bị mất mạng,...

Hy vọng lắm thay!

Quý xuân Canh Tý—
March, 10th 2020



AVALOKITA

*Đặt bàn tay vào mây đen
mây tan thành gió
thả một chân vào sóng cả
sóng nổ thành hoa
Bà nhật trái tim của mình sáng nay lên quan sát
tiếng đập vẫn đương nhộn nhịp trong lòng bàn
tay
Ngày nắng đẹp
bà hoá thân thành nghìn bông hoa sóng
tan mát vào lòng biển xanh
mãi hội tụ ở bến bờ xa xôi nhất
Ngày biển động
gió giật mạnh trước trận cuồng phong
bà phân thân thành nghìn cánh chim trắng
bay vào bốn phía mệnh mông*

thơ **PHÁP HOAN**

(từ Lịch Mùa, Ajar Press 2016)

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHÁT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

a/4- Biện Minh Tướng Phương Tiện:

Bài Tụng:

"Nương nơi Thức có chỗ chứng đắc, cảnh không chỗ chứng đắc sanh khởi; nương nơi cảnh không chỗ chứng đắc, Thức không chỗ chứng đắc sanh khởi. Do Thức có tánh chứng đắc, cũng thành không chỗ chứng đắc, nên biết hai Tánh có chứng đắc và không chứng đắc đều bình đẳng."

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây đều là trình bày rõ Tướng Phương Tiện. Tướng phương tiện chính là nương nơi Thức Tướng đã trình bày ở trước để chứng vào pháp môn phương tiện của cái Không Vô Tướng (*cái Không không có tướng*). Pháp môn phương tiện đây theo Bồ Tát Thiên Thân giải thích thì chỉ có một bài Tụng và một bài Tụng kế tiếp là trình bày rõ Tướng Sai Biệt của các pháp không giống nhau. Hiện tại cái Ngã căn cứ theo tư tưởng nhất quán của văn Tụng, đem hai pháp môn đầu tiên hợp lại làm một pháp môn, cho nên chín Tướng của pháp tướng đầu tiên đã trình bày qua, hiện tại chỉ còn lại bảy Tướng mà thôi.

Nương nơi Thức có chỗ chứng đắc và cảnh không chỗ chứng đắc sanh khởi, nghĩa là do có Thức Năng Biến, biến hiện ngay cảnh tợ hồ sáu Trần và tợ hồ sáu Căn tợ của hữu tình, v.v..., nhờ đó các thứ Năng Thủ và Sở Thủ mới có chỗ để chứng đắc; suy cứu căn nguyên của sáu trần và sáu căn hoàn toàn là nương nơi Tâm Thức biến hiện thành hình tợ hồ như có Năng Thủ và Sở Thủ hiện hữu ở trong, mà kỳ thật không phải có. Như cảnh thật không phải có đây của văn trước đã giải thích chính là cảnh

vật nương nơi Thức để biến hiện mà thật tế không hề có thật, nghĩa là không có nguyên nhân cho nên không có chỗ để chứng đắc. Do cảnh không có chỗ để chứng đắc thì ý nghĩa của tất cả vạn pháp Duy Thức đồng thời cũng không thể thành lập. Tức là cái Có của các pháp là do Thức mà có, có tợ hồ mà không phải chận thật, nhờ khả năng thấu rõ cảnh không có chỗ chứng đắc mà trí tuệ liền được sanh khởi. Nhờ trí tuệ sanh khởi cho nên mới biết rõ cảnh là không, chẳng hề có. Lại tiến thêm một bước nữa, tất cả vũ trụ vạn hữu chúng tỏ đều không có chỗ chứng đắc, xét cho cùng đều là không, Thức năng biến của chúng cũng là không và nhờ đó trí tuệ thấu rõ Thức năng biến là không liền được sanh khởi. Ý đây chính là nói: Thức Năng Thủ sở dĩ sanh khởi đều do nơi Sở Thủ và Sở Thủ đã là không thì Năng Thủ đương nhiên cũng là không; hai Thủ đã không liền chứng được Viên Thành Thật của tất cả vô tướng. Do Thức có tánh chứng đắc cũng thành không có chỗ chứng đắc, nghĩa là nơi các pháp hư vọng của năng thủ sở thủ để có chứng đắc, những pháp hư vọng đây đều do Thức giả hiện, xét cho cùng đều không thật thể để có chứng đắc, cho nên nói pháp có chỗ chứng đắc đó chính là trở thành không có chỗ chứng đắc. Nên biết hai tánh có chứng đắc và không chứng đắc đây là hai câu văn kết thúc, nghĩa là chỉ cho hai thứ năng thủ và sở thủ mặc dù có khả năng chứng đắc, nhưng vì hai thứ này mà thể của các pháp không thể thành lập. Tại sao thế? Lý do hai thứ này thuộc về loại hư vọng phân biệt, xét cho cùng chúng nó đều là không, không có thật thể, cho nên chúng nó mặc dù có chứng đắc lại trở thành không chứng đắc, nguyên vì sự chứng đắc cái không thật cho nên trở thành không chứng đắc, do đó gọi là chứng đắc cái không chỗ chứng đắc.

Hơn nữa hai cái không trong chỗ không

chứng đặc của năng thủ và sở thủ chính là chỉ cho các pháp duyên sanh hư vọng phân biệt, nguyên vì các pháp này cũng do Thức giả hiện đều không thật thể để có chứng đặc; từ đó cho thấy hai tánh có chứng đặc và không chứng đặc đều bình đẳng hoàn toàn không thật thể nên gọi là Không. Vấn đề này như trước đã giải thích, nơi đây chỉ có cái không của năng thủ sở thủ và nơi kia cũng có pháp hư vọng phân biệt nơi đây là nghĩa giống nhau. Nếu có thể hiểu rõ cái Có của hư vọng phân biệt đây xét cho cùng không có chỗ chứng đặc, vì ngoại cảnh đều là không, ý nghĩa rất rạo Cảnh và Thức Phân Biệt cũng đều không, do nhờ thể nhập được phương tiện vô tướng cho nên có thể đạt đến được chỗ có chứng đặc chính là không chứng đặc, trong không chứng đặc cũng chỉ có pháp hư vọng để có thể chứng đặc, nhờ đó đi đến trong chỗ chứng ngộ hoàn toàn của đạo thật tướng.



HT Thắng Hoan

a/5- Biện Minh Tướng Dị Môn:

Bài Tụng:

“Tâm và Tâm Sở trong ba cõi đều là hư vọng phân biệt, chỉ hiểu được cảnh đích danh là Tâm, cũng biệt danh là Tâm Sở.”

Giải Nghĩa:

Tướng Dị Môn nghĩa là ở trên cùng một thứ pháp nào đó mà kiến lập các thứ tên riêng. Như trên Luận đây nói hư vọng phân biệt, lại có khi gọi là Thức, v.v... Thí dụ như một ngôi nhà mở riêng từng cửa khác nhau, cho nên gọi là Dị Môn Tướng. Tâm và Tâm Sở trong ba cõi đều là hư vọng phân biệt, nghĩa là chỉ cho tám Thức Tâm Vương và các Tâm Sở. Tâm Sở là chỉ cho các pháp thuộc sở hữu của Tâm Vương, lại nữa Tâm Vương là tên gọi chung và Tâm Sở là tên gọi riêng. Tâm Sở là thuộc tánh của Tâm Vương, như trên Nhãn Thức có cảm thọ tiếp thụ khổ lạc, nắm lấy, xả bỏ tốt xấu là những chỗ phát khởi tham sân, v.v..., đây là những Tâm Sở lệ thuộc nơi Nhãn Thức. Tâm Sở thì có rất nhiều gồm năm mươi một thứ, như năm Biển Hành, năm Biệt Cảnh, v.v... đều gọi là Tâm Sở. Tâm Sở Hữu Pháp lại tùy theo hữu tình trong ba cõi mà có sai khác, như người và trời, v.v... những chúng sanh trong sáu đường chỗ có Tâm Vương và Tâm Sở đều thuộc về Tâm Vương và Tâm Sở của cõi Dục. Vượt qua cõi Dục Tâm Vương và Tâm Sở của hữu tình trong cõi Sắc so cùng với cõi Dục thì không giống nhau. Bởi vì cõi Dục thì nhân tàn, mà cõi Sắc thì luôn luôn ở trong định. Từ Nhị Thiên trở lên, năm Tâm Thức thì lại không có, chỉ có ba loại Thức là Ý Thức, Mạt Na Thức và A Lại Da Thức, cho đến các Tâm Sở ở đó so sánh cõi Dục thì thiếu rất nhiều, nhân vì ở đó không có cái khổ của sân của ưu sầu. Còn đến cõi Vô Sắc kể

cả căn thân và khí giới cũng không có, chỉ có Tâm Vương và pháp Tâm Sở. Các Tâm Vương và Tâm Sở hư vọng phân biệt đây nếu như phân tích vi tế thì sâu xa khó lường, do chỗ ranh giới phân biệt rất phiền phức, cõi Dục và cõi Sắc đã khác nhau thì cõi Vô Sắc lại càng không giống nhau. Như Tâm Vương và pháp Tâm Sở trong ba cõi đã trình bày đều là hư vọng phân biệt, cho nên bao hàm rất thâm sâu và rộng lớn.

Giờ đây sự sai biệt của Tâm Vương và các Tâm Sở xin trình bày rõ như sau: Tâm Vương đây chỉ duyên nơi tướng chung, như Nhãn Thức duyên nơi sắc, chỉ duyên tướng chung của sắc. Như khi duyên nơi sắc liền sanh khởi các tâm lý của khổ lạc, tốt xấu, thiện ác, những tâm lý đây chính là các Tâm Sở. Còn Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức, v.v... thì cũng giống như thế, đều duyên tướng chung của cảnh nên gọi là Tâm Vương, còn những tướng riêng của cảnh được gọi biệt danh là Tâm Sở.

a/6- Biện Minh Tướng Sanh Khởi:

Bài Tụng:

“Một là gọi Thức duyên, hai là gọi Thọ giả, trong đây công năng thọ dụng, phân biệt chỉ Tâm Sở.”

Giải Nghĩa:

Chỗ gọi là Tướng Sanh Khởi, nghĩa là biện minh Tâm và Pháp Tâm Sở lần lượt sanh khởi như thế nào; còn Thức Duyên, nghĩa là công năng làm cho các Tâm và Pháp Tâm Sở sanh khởi Thức để duyên các pháp, nên gọi là Thức Duyên. Thức Duyên đây tương đương nơi Thức thứ tám của các Kinh Luận khác, văn của Luận đây rõ ràng tuy không đề cập đến Thức thứ tám, nhưng ở trong ý nghĩa thì lại có. Hơn nữa, Thức thứ tám chính là Thức tàng trữ và bảo dưỡng chủng tử của bảy Chuyển Thức Trước huân tập kết thành và có thể sanh khởi nhân duyên của các pháp, cho nên gọi A Lại Da là công năng khiến cho Thức phát sanh các duyên và tái hợp trực tiếp không lầm lỗi. Giả sử soi sáng tinh tế duyên sanh của các pháp đều là nương nơi chủng tử trong Thức thứ tám, Thức thứ tám giống như đại địa, ngoài ra các pháp sanh khởi thì cũng giống như cỏ cây mạ thối. Tuy nhiên Luận xét tinh tế nói rằng, chỗ sanh ra chủng tử chính là bảy Hiện Hành Trước (*bảy Chuyển Thức Trước*) và lại cũng có thể huân tập sanh ra chủng tử, như là công năng huân tập và sanh khởi của bảy Chuyển Thức Trước cùng Thức thứ tám quanh co lẫn nhau làm nhân quả không dứt. Hôm nay Luận này chỉ cần trình bày phương diện chủng duyên của công năng sanh khởi và vấn đề đây cần phải biết rõ. Thứ hai gọi là Thọ Giả, ý nghĩa hai chữ Thọ Giả bao gồm bảy Chuyển Thức Trước, như Nhãn Thức, Nhĩ Thức, v.v... đều gọi là Thọ

Giả. Đạo lý đây thế nào? Nhân vì chữ Thọ ở chỗ này không riêng chỉ nói Tâm Sở Thọ, mà còn chung chung chỉ cho nghĩa chữ Thọ của lãnh thọ, nghĩa là bày Chuyển Thức đều có công năng lãnh thọ cảnh riêng, thọ dụng riêng các thứ pháp cảnh giới, như Nhãn Thức chỉ duyên cảnh sắc, Nhĩ Thức chỉ duyên cảnh âm thanh, v.v... đều gọi là Thọ Giả. Trong đây công năng thọ dụng, nghĩa là trong tám Thức Tâm Vương có công năng thọ dụng những cảnh thọ khổ lạc, không khổ không lạc, v.v..., chữ Thọ này chính là chỉ riêng Tâm Sở Thọ. Còn câu Phân Biệt chỉ Tâm Sở đây, danh từ Phân Biệt chính là Tướng, nghĩa rộng có thể chỉ cho tất cả Tâm và Tâm Sở. Định nghĩa chữ Tướng, trong Kinh gọi là chọn lấy cảnh đều bằng nhau, đây là tác dụng của Tâm, như Nhãn Thức duyên cảnh chọn lấy các Tướng đều bằng nhau, chính là đối với cảnh kia và cảnh đây có hạn định bằng nhau, đó gọi là Tướng; cái có ở nơi đây thì không phải ở bên này và bên kia, căn cứ nơi cái có này mà thành lập các thứ danh ngôn, tất cả đều là Tướng. Chữ Thôi là thúc đẩy, chính là chỉ cho Hành, tự thể của Hành là Tư, thể gian thông thường gọi là Tư Tướng, hoặc gọi là Tướng, hoặc giống nơi Tâm Sở Tâm và Tâm Sở Tứ, nơi Phật Học Tư Điển gọi Tư là tác động của Tâm, chính là chỉ cho Hành Uẩn một trong Ngũ Uẩn. Nhưng Hành Uẩn thì rất rộng lớn, như Tâm Sở Thiện, Tâm Sở Phiền Não, Dục, Thắng Giải, v.v... đều nương nơi Tư để tạo tác. Sự hoạt động của tâm lý tác dụng gọi là Thôi, là thúc đẩy cũng bao quát cả Tâm Sở Tác Ý, v.v...

a/7- Biện Minh Tướng Tạp Nhiễm:

Bài Tụng:

"Phúc chướng (Vô Minh) và an lập (Hành); tương đạo (Thức), nhiếp (Danh Sắc), viên mãn (Lục Nhập); ba phần biệt (Xúc), thọ dụng (Thọ); dẫn khởi (Ái) bao gồm liên tiếp trói buộc (Thủ). Hiện tiền (Hữu), vì quả khổ (Sang và Lão Tử); do đây nào thể gian (Mười hai Hữu Chi); ba (Vô Minh, Ái, Thủ), hai (Hành, Hữu), bày (Thức, Danh Sắc, Lục Nhập, Xúc, Thọ, Sanh, Lão Tử) tạp nhiễm; (Mười hai Hữu Chi sanh ra đều) do hư vọng phân biệt."

Giải Nghĩa:

Giảng chỗ này chính là giảng Tướng Tạp Nhiễm của Thức thứ Bày. Tạp gọi là hỗn tạp không thanh tịnh; nhiễm gọi là cấu nhiễm, nghĩa là bản thân sự vật có bị nhớ lẫn; nhưng có những thứ sự vật bản thân của chúng nó không bị nhớ lẫn, nhưng có những vật nhớ lẫn xen lẫn vào trong chúng nó, một số này đều gọi là Tạp Nhiễm. Những pháp hữu lậu tạp nhiễm của thế gian có phải là hư vọng phân biệt hay không, hôm nay bài Tụng đây sẽ thuyết minh tường tận.

Hiện tại chỗ giải thích chính là Mười Hai Nhân Duyên, cũng gọi là Mười Hai Duyên Khởi

hoặc gọi là Mười Hai Hữu Chi. Chữ Hữu nghĩa là cõi, tức là chỉ cho ba cõi, chín cõi, hai mươi lăm cõi, vũ trụ vạn pháp đều gọi là Hữu; vũ trụ tập hợp thành, cấu tạo thành nhân tố của vạn hữu, gọi là Hữu Chi. Tất cả vạn hữu chắc chắn do các Chi Phần này cấu tạo thành, mà nổi bật nhất sanh mạng nhân loại của chúng sanh hữu tình đều là tập đoàn của Hữu Chi. Mười Hai Hữu Chi đây gồm có:

*- Thứ nhất là Vô Minh. Vô Minh nghĩa là ngăn che, ngăn che không cho hiểu rõ chân lý các pháp, cho nên gọi là Vô Minh. Nguyên do Vô Minh chính là mờ tối, che kín chân lý không cho biến bày, ngăn cản chân Trí không cho phát sanh, đây đều là Vô Minh phá hại. Những chữ dưới đây, ở trong mỗi câu đều có thể dùng như là An Lập, và Tương Đạo, và Nhiếp, v.v... là hiển bày nó có mười hai thứ, mà không phải là một thứ.

*- Thứ hai là An Lập. An Lập nghĩa là do Vô Minh làm Tăng Thượng Duyên để phát khởi ra Hành mà Hành đây bình thường gọi là hành vi; như hành vi tốt gọi là thiện, hành vi không tốt gọi là ác; hành vi thiện cảm thọ quả báo đáng thương gọi phước nghiệp, hành vi bất thiện cảm thọ quả báo không đáng thương gọi là không phải phước nghiệp. Hơn nữa trong ba cõi lại có một thứ hành vi bất động, tức là Nghiệp Thiện Định; Nghiệp Thiện Định đây không có trí tuệ xuất thế, ở nơi Sắc Giới và Vô Sắc Giới cảm thọ phước báo của cõi Trời thường ở trong Định Bất Động, cảm thọ quả báo này gọi là Nghiệp Bất Động. Như hành vi của ba nghiệp là phước, không phải phước và bất động: Phước thì cảm thọ quả nhân thiên, không phải phước thì cảm thọ quả khổ trong ba đường, Bất động thì cảm thọ quả của Định trên hai cõi: Sắc và Vô Sắc. Các hành vi này gọi là An Lập, nghĩa là hành vi phước thiện thì có thể an lập phước báo cõi người và cõi trời, hành vi hung ác thì an lập ba đường, còn hành vi bất động thì an lập cõi Sắc và cõi Vô Sắc. Nói cách khác An Lập tức là có năng lực chi phối để cảm thọ quả báo của ba cõi sáu đường.

*- Thứ ba là Tương Đạo. Tương Đạo nghĩa là sẽ bảo hộ đường trước, tức là chỉ cho Thức Chi trong mười hai Chi. Nguyên do Thức Chi chính là bảo hộ đường trước thứ nhất của chúng sanh cảm thọ quả báo, như nhân loại khi đầu thai, kẻ đầu tiên trong sát na đi trước chính là Thức Chi. Đây chỉ nói tổng quát là Thức, phân tích chi lý chính là Thức thứ tám, do Thức thứ tám bảo hộ đường trước và giữ gìn tất cả pháp thọ báo.

*- Thứ tư là Nhiếp. Nhiếp chính là Danh Sắc; Danh Sắc là danh xưng của năm Uẩn; Danh chính là Thọ, Tướng, Hành, Thức của bốn Uẩn; Sắc tức là Sắc Uẩn; Danh Sắc là danh từ gồm chung của năm Uẩn, cũng là gồm chung tất cả pháp hữu vi duyên sanh, cho nên Danh Sắc gọi là Tổng Nhiếp.

*- Thứ năm là Viên Mãn. Viên Mãn tức là

chỉ cho Lục Nhập. Lục Nhập đây quan hệ nơi căn và trần; nhưng chữ Xứ ở đây là chỉ cho sáu Xứ là thuộc về Căn mà không phải thuộc về Trần. Còn Trần của sáu Trần là chỗ thả vào của Căn, như con người thọ quả báo đến trong thai khi sáu Căn viên mãn gọi Lục Nhập.

*- Thứ sáu là Ba Phân Biệt. Ba Phân Biệt tức là chỉ cho Xúc, nghĩa là ba pháp Căn, Trần, Thức tiếp xúc và lẫn nhau phân biệt, như Nhãn Căn khi duyên Sắc Cảnh có thể phát khởi Nhãn Thức; lại nữa như con người duyên cảnh liền có tác dụng phân biệt, chính là nương nơi ba pháp tiếp xúc lẫn nhau. Như ngày nay Tâm Lý Học cũng nói đầu tiên có cảm giác, rồi sau đó mới phát khởi tâm lý tác dụng.

*- Thứ bảy là Thọ Dụng. Thọ Dụng nghĩa là Xúc duyên cảnh liền phát sanh ra Cảm Thọ. Nguyên do ba pháp khi tiếp xúc liền có cảm giác vui thích, cảm giác khổ sở và cảm giác bình thường sanh khởi.

*- Thứ tám là Dẫn Khởi. Dẫn Khởi nghĩa là dùng Thọ làm duyên để phát sanh ra Ai. Ai Chi tức là tham ái, nguyên do bởi Tham cho nên dẫn khởi tạo tác, như đối với người nào có lòng tham thì lòng tham dẫn khởi họ đi tìm cầu, như đối với sự việc nào có lòng tham thì lòng tham dẫn khởi tác dụng, cho nên Ai nghĩa là dẫn khởi, nếu không có chỗ Ai thì không có chỗ tạo tác. Chữ Xứ đây cũng giống như chữ Xứ ở phía trước giải thích là hiển bày nó không phải một.

*- Thứ chín là Liên Tiếp Trói Buộc. Liên Tiếp Trói Buộc nghĩa là liên tiếp che lấp trói buộc không cho giải thoát, đây tức là chỉ cho Ai làm duyên mà sanh ra Thủ. Thủ nghĩa là đối với sự vật của ái nắm lấy chấp trước, như chưa được thì muốn được và đã được thì sợ mất; sự chấp trước đây không luận đối với con người hay đối với sự việc đều hiển bày sự liên tiếp trói buộc.

*- Thứ mười là Hiện Tiền. Hiện Tiền nghĩa là do Thủ làm duyên mà sanh ra Hữu. Hữu Chi tức là có hạt giống nhân sẽ thọ quả báo tương lai, cũng tức là nhân đã đạt được của các quả ba cõi, chín địa. Hữu Chi đây chính là do Ai Thủ của phía trước thấm nhuần, như hạt giống đã thấm nhuần liền phát khởi mầm giá để sanh ra cây, chẳng qua còn chưa sanh ra khỏi mặt đất, xét cho cùng là hạt giống cần phải hiện tiền (có mặt), nên gọi Hiện Tiền là Hữu.

*- Thứ mười một là Quả Khổ. Quả Khổ nghĩa là chỉ cho hai Chi Sanh và Lão Tử, hai Chi này đều là quả khổ. Mặc dù Oán Tăng Hội, Ai Biệt Ly, v.v... cũng là khổ, nhưng cái khổ nặng nhất ở đây chính là sanh và tử; sanh tử tức là trong đó có quả khổ. Câu Chi Nãi Thế Gian đây nghĩa là chỉ cho Mười Hai Hữu Chi này làm náo hại thế gian, khiến cho thế gian khổ não không yên, ngoài Mười Hai Hữu Chi không có pháp nào khác có khả năng sáng tạo, cho nên đức Phật nói tất cả là duyên sanh, ngoài đây không có riêng vị Thần nào có

khả năng sáng tạo cả, đó mới đúng là ý nghĩa.

Ba Hai Bảy Tạp Nhiễm đây: Ba Tạp Nhiễm tức là chỉ cho ba thứ Tạp Nhiễm, ba thứ tạp nhiễm gồm có: Phiền não tạp nhiễm, Nghiệp tạp nhiễm và Sanh tạp nhiễm. Ba thứ: Vô Minh, Ai, Thủ trong Mười Hai Duyên Khởi là thuộc về Phiền Não Tạp Nhiễm. Hành và Hữu là thuộc về Nghiệp Tạp Nhiễm. Ngoài ra bảy Chi sau gồm có Thức, v.v... cho đến Lão Tử là thuộc về Sanh Tạp Nhiễm. Hai Tạp Nhiễm đây gồm có: Nhân tạp nhiễm và Quả tạp nhiễm. Năm Chi ở trước là Phiền não tạp nhiễm và Nghiệp tạp nhiễm thì thuộc về Nhân Tạp Nhiễm; Bảy Chi sau của Sanh Tạp Nhiễm thì thuộc về Quả Tạp Nhiễm. Bảy Tạp Nhiễm đây cũng từ Mười Hai Hữu Chi mà phân chia:

+. Thứ nhất, Vô Minh gọi là Nhân duyên đảo tạp nhiễm, nguyên do Vô Minh không rõ chân lý, vô thường thì chấp thường, vô ngã thì chấp ngã, là khổ thì chấp cho là vui, không thanh tịnh thì chấp cho là tịnh, nên gọi là Đảo Đảo.

+. Thứ hai, Hành là Nhân tạp nhiễm lôi kéo, nghĩa là Hành tạo tác như thế nào thì lôi kéo thọ lấy quả báo như thế đó.

+. Thứ ba, Thức là Nhân tạp nhiễm bảo hộ đường trước, nghĩa là bảo hộ đường trước của thọ báo.

+. Thứ tư, Danh Sắc và sáu Nhập là Nhân tạp nhiễm thâm nhận, nghĩa là Pháp nắm Uẩn sẽ thâm nhận hợp thành báo thân năm Âm.

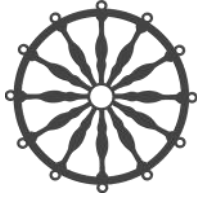
+. Thứ năm, Xúc và Thọ là Nhân tạp nhiễm thọ dụng, nghĩa là do xúc cảnh mà sanh khởi cảm giác.

+. Thứ sáu, Ai, Thủ và Hữu là Nhân tạp nhiễm dẫn khởi, nghĩa là do ba thứ năng lực dẫn khởi này sẽ mang đến khổ báo.

+. Thứ bảy, Sanh và Tử là Nhân tạp nhiễm ghét sợ, nghĩa là như biết thế gian là vô thường, do biết vô thường mà khởi tâm ghét sợ.

Mười Hai Hữu Chi như thế, từ Vô Minh sanh cho đến Lão Tử sanh là thuộc về Lưu Chuyển Môn (*Lưu Chuyển Môn, nghĩa là phương pháp lưu chuyển*); từ Vô Minh diệt cho đến Lão Tử diệt là thuộc về Hoàn Diệt Môn (*Hoàn Diệt Môn, nghĩa là phương tiện diệt hoàn toàn*). Quán sát như thế nào mà có sanh tử? Phát khởi duyên nơi Hữu cho đến Hành đều là do Vô Minh cả. Nếu như muốn diệt Lão Tử thì phải diệt Vô Minh trước nhất, Vô Minh diệt thì tất cả đều diệt. Ba loại tạp nhiễm đây đã rõ ràng đều do nơi hư vọng phân biệt, như Vô Minh tức là phân biệt điên đảo của hư vọng là chỗ phát khởi ra Hành, cho đến Lão Tử cũng đều kết quy nơi phân biệt hư vọng. Giảng đến đạo lý này, biện minh một khoa Pháp Tướng đã được hoàn tất. Dưới đây sẽ biện minh một khoa Pháp Tướng.

(còn tiếp)



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH
COUNCIL OF MANAGEMENT
CENTRAL OFFICE

4717 W. First St., Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

THÔNG TƯ

Kính gửi: Chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni, quý Cư sĩ thành viên, các cơ sở tự viện thuộc GHPGVNTNHK, Ban Hướng Dẫn GDPT Việt Nam tại Hoa Kỳ

Trích yếu: V/v Tổ chức Lễ Truy Tán Công Hạnh của Đại Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Văn Phòng Thường Trục Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK đã nhận được ai tín: Đại Lão Hòa Thượng THÍCH QUẢNG ĐỘ, nguyên Tổng Thư Ký Viện Hóa Đạo, nguyên Viện Trưởng Viện Hóa Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, đã thâu thân thị tịch vào lúc 21 giờ 30 tối thứ Bảy, ngày 22 tháng 02 năm 2020 (nhằm 29 tháng Giêng năm Canh Tý) tại Chùa Từ Hiếu, Sài-gòn, Việt Nam, trụ thế 93 năm, 73 hạ lạp.

Đại lão Hòa thượng là bậc thạch trụ từng lâm của Phật giáo Việt Nam, kiên cường giữ gìn giềng mối của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất trong giai đoạn đầy những phong ba nghiệt ngã của đất nước. Ngoài trách nhiệm điều hành Giáo Hội, Đại lão Hòa thượng còn là nhà phiên dịch, sáng tác những dịch phẩm, tác phẩm giá trị, trong đó có bộ Phật Quang Từ Điển được xem là công trình lớn hoàn tất trong thời gian bị cầm tù và quản chế tại gia dưới chế độ Cộng sản.

Những năm tháng cuối đời, Đại lão Hòa thượng đã về an trú tại Chùa Từ Hiếu, Sài-gòn; nhìn lại hiện trạng Giáo Hội trong sự phân ly, bế tắc, Ngài đã viết những dòng tâm huyết cảm động trong Thông điệp Xuân Kỷ Hợi 2019 như sau: *“Tôi nay tuổi đã già, như cỗ xe đã quá cũ, tự thấy thời gian và nghị lực không đủ để sửa chữa và gầy dựng lại những gì đã tan vỡ, sụp đổ. Duy chỉ ước mong ngọn đèn Chánh Pháp không bị lu mờ và hoen ố trên quê hương đất nước này.”* Với tâm lòng thiết tha với Dân tộc và Đạo Pháp (thông qua biểu tượng GHPGVNTN), Ngài là tấm gương cho sự kiên trì, dũng mãnh của người con Phật trước những nghịch cảnh và chướng duyên thời đại.

Đê tỏ lòng kính tiếc một bậc lương đồng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, một bậc Thầy của nhiều thế hệ Tăng Ni Việt Nam, toàn thể thành viên GHPGVNTNHK nhất tâm qui hướng, đánh lễ Giác linh Đại lão Hòa thượng.

Giáo Hội thành tâm cung thỉnh toàn thể thành viên hai Hội Đồng, cùng chư tôn đức Giáo Phẩm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni hành đạo tại Hoa Kỳ, xin tùy hoàn cảnh sở tại thiết lễ cầu nguyện và truy niệm công đức của Đại Lão Hòa Thượng đã một đời cống hiến cho Đạo Pháp và Dân Tộc.

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Nay thông tư,

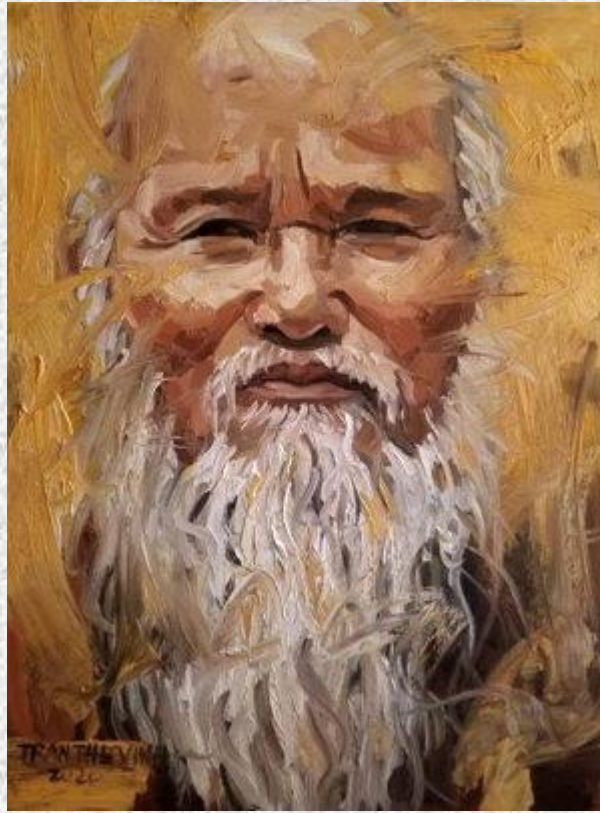
California, ngày 23 tháng 02 năm 2020,

Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHK

Chủ tịch,

(ấn ký)

Sa Môn Thích Tín Nghĩa



"TƯỢNG VƯƠNG HỒI XỨ LẠC HOA HỒNG"

*Bạc Thầy khí phách ngang sông núi
Bốn biển năm châu cúi gập đầu
Công hạnh Người qua gán thế kỷ
Thăng trầm vinh nhục giữa bể dâu!*

*Thuở ấy một lòng cho thống nhất
Nam Bắc truyền chung một nỗi đau
Cuối đời trụ giữa 'hư vô thất'
Con biết Người đi vẫn dạt dào!*

*Khẳng định một lần dẫu gian truân!
Đại thừa tư tưởng - Nam truyền luận...
Đã trải bao nhiêu tầng đau khổ...
Vô Du vắng lặng thế thanh trừng!*

*Ngôn ngữ trần gian con mộng寐
Chẳng cần xưng tụng bước Người đi
Cúi đầu thâm tạ công ơn đó
Cánh hạc bình yên vượt khỏi đời!*

Con kính tiễn HT. Viện Trưởng VHTĐ

TK. NHẬT TRÍ

ĐÃ BỎ NGẠN RỜI SAO TIẾC THƯƠNG

(Kính Điều HT Thích Quảng Độ)

*Vàng trán mênh mông như cơ đồ Đại Việt
Đôi mắt tinh anh như thần phách Lạc Hồng
Chòm râu trắng dài như một dải non sông
Xong việc là đi, ném chèo qua bi ngạn*

*Quê hương đó... bao năm dài lửa đạn
Dân tộc này mấy thập kỷ lâm than
Bàn tay gầy lau lệ khắp dân gian
Một buổi mãn duyên, hài rom là cõi khổ*

*Quần sanh giờ còn ai người quảng độ
Khi đạo vàng đã lạnh ở bờ nam ...*

Beatenberg 22.2.2020

TOẠI KHANH

VẠN HẠNH VỚI MỘT NỀN GIÁO DỤC TỔNG HỢP

H.T. Thích Quảng Độ

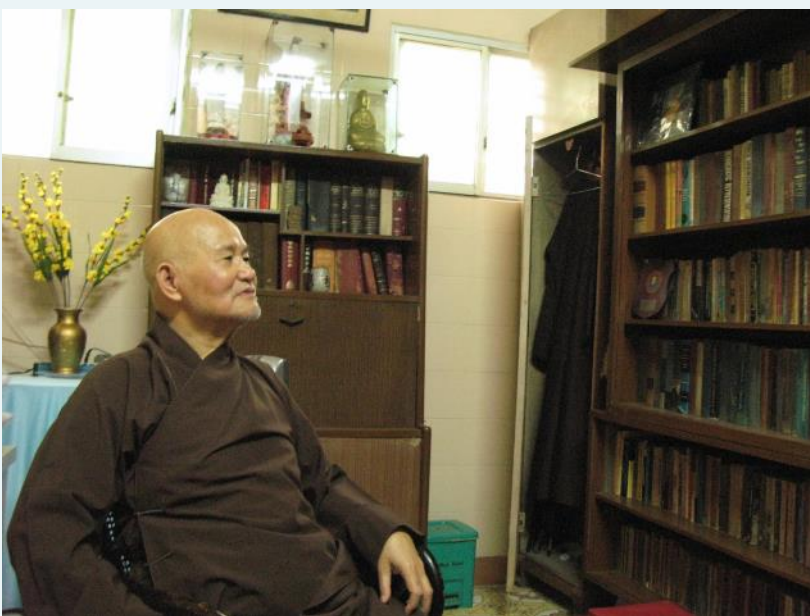
VĂN HÓA / GIÁO DỤC

Cũng như thời Trung cổ là thời đại tôn giáo, thời Phục hưng là thời đại Mỹ nghệ, thế kỷ 20 này là thời đại của khoa học. Ta có thể nói, uy danh của khoa học đã đạt đến điểm cao nhất và ảnh hưởng của nó đã xâm nhập tất cả mọi lĩnh vực sinh hoạt của con người, đặc biệt là ở địa hạt giáo dục. Tuy nhiên, có một số không ít người đã phủ nhận sự thật ấy một cách vô tình hay hữu ý: họ lên án khoa học và bất cứ cái gì thuộc về khoa học kể cả một nền giáo dục khoa học, dĩ nhiên. Một trong số những người đó là **George Gissing**, một văn sĩ nổi tiếng của nước Anh.

George Gissing nói: «Tôi tự hỏi không biết có bao nhiêu người mang cùng một cảm nghĩ như tôi đối với khoa học? Cảm nghĩ ấy là một cái gì còn hơn cả thành kiến nữa. Thường là cảm nghĩ rùng rợn, gần như kinh tởm là khác. Ngay cả đến các ngành khoa học chuyên về những sự vật mà tôi thích thú—thực vật, động vật và thiên văn—cũng không thể thu phục

được thiện cảm của tôi: những phát minh mới, các lí thuyết tân kỳ, dù có sức hấp dẫn trí hiểu biết mấy đi nữa, chẳng bao lâu cũng làm cho tôi chán ngấy và, về một phương diện nào đó, bài hoại tinh thần. Khi đề cập đến những loại khoa học khác—những loại khoa học rõ ràng và phổ biến—loại khoa học nhờ đó mà các tay lái súng trở thành tỉ phú thì tôi lại càng có ác cảm và thù ghét nữa là khác. Hiển nhiên, cảm nghĩ này đã để ra trong tôi, tôi không thể tìm thấy dấu vết của nó trong những hoàn cảnh của cuộc đời tôi, hay trong bất cứ giai đoạn đặc biệt nào trong quá trình tiến triển của tinh thần tôi. Tôi nhớ, khi còn nhỏ, tôi đã chăm chú nhìn một bộ máy với những bộ phận phức tạp mà phát ón và, dĩ nhiên, tôi chẳng hiểu gì cả. Tôi nhớ trong các kỳ thi tôi đã bỏ những đầu đề 'khoa học'. Sự sợ hãi ấy bây giờ, đối với tôi, đã hiện nguyên hình một cách quá rõ ràng: tôi có lí do để sợ hãi. Tôi ghét và sợ 'khoa học' bởi vì tôi cho rằng thời gian khá lâu, nếu không phải là mãi mãi, trong tương lai nó sẽ là kẻ thù tàn nhẫn của loài người. Tôi thấy khoa học đã cướp đi sự đơn giản và trong sáng dịu dàng của đời sống, tất cả vẻ đẹp của thế giới; tôi thấy nó trang trí cho chủ nghĩa dã man bằng cái mặt nạ văn minh; nó đã làm cho tâm trí con người đen tối và trái tim chai lì; tôi thấy nó đã mang lại một thời đại với các cuộc xung đột khủng khiếp mà 'một nghìn cuộc chiến tranh thời xưa' cũng mất hết ý nghĩa nếu đem so sánh đối chiếu, và rất có thể nó sẽ nhận chìm tất cả những tiến bộ của con người trong những vũng máu hỗn loạn».

Sự nhận xét và phê phán trên đây của George Gissing đối với khoa học tuy không phải hoàn toàn sai nhưng cũng không đúng hẳn: ông mới chỉ nhìn khoa học ở một khía cạnh mà thôi. Vì quan niệm của ông, như chính ông đã thú nhận, «là một cái gì còn hơn cả thành kiến» nữa, cho nên nó không khỏi có tính cách thiên lệch, phiến diện. Trong cái thế giới tương đối này không có một cái gì là toàn thiện cả:



trong cái tốt có lẫn cái xấu và ngược lại. Khoa học là sản phẩm của tinh thần nhân loại trong thế giới tương đối, do đó, khoa học cũng có những khuyết điểm của nó tùy theo sự ứng dụng nó như thế nào, nhưng không phải vì thế mà ta phủ nhận tất cả mọi giá trị khác của khoa học. Mà giá trị lớn nhất của khoa học là ở phương diện vật chất, những thành quả của khoa học đã được đón nhận một cách nhiệt liệt, vì những thành quả ấy đã giúp cho đời sống con người thoải mái hơn và còn hứa hẹn sự phồn thịnh cho tất cả mọi người. Ở thời đại tôn giáo, những điều kiện vật chất của đời sống bị bỏ quên, con người được hứa hẹn sẽ có một cuộc đời sung sướng, hạnh phúc đền bù lại trong kiếp lai sinh. Tôn giáo đã trở thành đặc quyền của những giai cấp giáo sĩ, những người đã lợi dụng uy quyền tôn giáo để mưu lợi ích riêng tư. Sự giả dối, thối nát ngự trị xã hội nơi mà những kẻ nghèo khổ, cô thế được bảo cho biết là Trời sẽ ban cho họ tất cả mọi thứ trên thiên đường. Trái lại, mục đích của khoa học là làm cho đời sống con người sung sướng, hạnh phúc ngay trên trái đất này. Mỗi quan tâm trước tiên của khoa học là cuộc sống hiện thực, không cần biết đến một cuộc đời ở thế giới nào khác. Do đó, quan niệm về giáo dục cũng đã thay đổi. Nền giáo dục khoa học chủ trương đào tạo con người có khả năng tăng tiến những tiện nghi vật chất như là bước đầu trong cuộc hành trình tiến từ hạnh phúc thế gian đến hạnh phúc thiên đường — nếu có. Người ta không thể quan niệm được một sự tiến bộ tinh thần chân chính nếu không có tiến bộ vật chất. Vì khoa học hứa hẹn một sự tiến bộ như vậy cho nên nó đã chiếm ưu thế trong tất cả các hệ thống giáo dục hiện đại.

Xét ra, một nền giáo dục nhằm mục đích nâng cao đời sống vật chất của con người, tiêu diệt nạn nghèo đói, dốt nát và bệnh tật là nền giáo dục không những không có gì đáng chê trách mà còn phải được mọi người đón nhận và tận lực phát huy: nền giáo dục khoa học nhất thiết không phải là nền giáo dục chế tạo bom đạn. Tuy nhiên, trong khi phát huy giáo dục khoa học, không phải vì thế mà ta được phép quên đi những giá trị nghệ thuật, trừ phi ta muốn sống như những con người máy. Nghệ thuật là công trình theo đuổi cái đẹp dưới nhiều hình thức. Nó nâng cao tinh thần con người, giúp con người thoát khỏi sự kiềm tỏa của vật dục, mở rộng tình thương và năng lực sáng tạo. Chúng ta hâm mộ vẻ đẹp, thích

âm nhạc cũng như chúng ta yêu chuộng sự thật và lẽ phải. Nếu ta để cho khoa học tước đoạt tất cả đức tính trung thực của ta thì ta sẽ mất hết sức sáng tạo và cảm thương về đẹp của nghệ thuật. Thật thế, khoa học có thể biến chúng ta thành những con người máy, hoàn toàn vụ lợi; khoa học quá thiên trọng lí trí trong khi quên — hay không muốn biết đến —



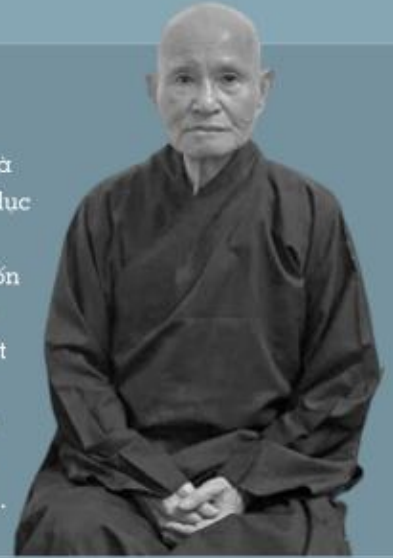
rằng con người có khối óc nhưng cũng có một trái tim. Trái tim khao khát tình thương, về đẹp và nghệ thuật đã cung cấp những nhu cầu để làm cho tình cảm con người phong phú cũng như khoa học đã giúp con người những tiện nghi vật chất vậy. Một thế giới không có nghệ thuật là một thế giới tục tằn thô lỗ, chỉ gồm toàn những thói quen thường nhật máy móc, đơn điệu.

Văn chương, triết học và tôn giáo cũng cần thiết như khoa học để làm cho chúng ta trở thành những con người hoàn toàn, cuộc sống có ý nghĩa. Con người là một phức hợp thể gồm máu, tim và óc và tất cả đều phải được bồi dưỡng. Ta không thể để cho những xung động của ta thiếu tình thương và về đẹp, do đó, ta cần một nền giáo dục có đủ khả năng thỏa mãn những nhu cầu tình cảm cũng như lí trí của ta. Thật vậy, cuộc sống máy móc do công trình ứng dụng khoa học vào kỹ nghệ mang lại đã thiếu hẳn về đẹp và mỹ cảm, chính ở điểm này mà ta thấy sự quan trọng của nghệ thuật để giúp cho cuộc sống có ý vị.

Nhưng, nói thế không có nghĩa là phủ nhận giá trị của khoa học, hay cho khoa học phản lại nghệ thuật đâu. Dù nghệ thuật hay khoa học cũng đều là sản phẩm của tinh thần con người, điều quan trọng là ta phải hướng dẫn và điều hòa những hoạt động của cả hai lĩnh vực đó sao cho đúng hướng đi lên của nhân loại. Lý do tại sao khoa học gần như choáng hết chỗ trong địa hạt giáo dục hiện đại là bởi vì xưa kia, đông cũng như tây, các hệ thống giáo dục đã mang nặng tính chất thuần lí tưởng xa vời, muốn biến tất cả mọi người thành các ông thánh xa lạ hẳn với đời thực tế. Người ta chủ trương con người không phải chỉ sống bằng cơm gạo mà quên rằng thật sự cũng cần phải có cơm gạo con người mới sống còn. Cái phản ứng của một nền giáo dục khoa học đối với quan niệm về giáo dục cổ xưa ấy tất nhiên là phải mãnh liệt. Tuy vậy, ở đây ta không thể bỏ qua sự nhận xét của George Gissing về khoa học như đã nói trên kia; nghĩa là, chính chúng ta cũng đã ý thức được những hiểm họa của một nền giáo dục thuần túy



... một nền giáo dục nhằm mục đích nâng cao đời sống vật chất của con người, tiêu diệt nạn nghèo đói, dốt nát và bệnh tật là nền giáo dục không những không có gì đáng chê trách mà còn phải được mọi người đón nhận và tận lực phát huy; nền giáo dục khoa học nhất thiết không phải là nền giáo dục chế tạo bom đạn. Tuy nhiên, trong khi phát huy giáo dục khoa học, không phải vì thế mà ta được phép quên đi những giá trị nghệ thuật, trừ phi ta muốn sống như những con người máy. Nghệ thuật là công trình theo đuổi cái đẹp dưới nhiều hình thức. Nó nâng cao tinh thần con người, giúp con người thoát khỏi sự kiêu hãnh của vật dục, mở rộng tình thương và năng lực sáng tạo. Chúng ta hăm mộ vẻ đẹp, thích âm nhạc cũng như chúng ta yêu chuộng sự thật và lẽ phải. Nếu ta để cho khoa học tước đoạt tất cả đức tính trung thực của ta thì ta sẽ mất hết sức sáng tạo và cảm thương về đẹp của nghệ thuật...



THÍCH QUẢNG ĐỘ, Vạn Hạnh Với Một Nền Giáo Dục Tổng Hợp

(Trích tạp chí Tư Tưởng số 9, Viện Đại Học Vạn Hạnh phát hành 30-11-1971)

khoa học và công lợi như nó đang được lưu hành hiện nay. Đến đây ta mới thấy tôn giáo và nghệ thuật cần thiết để mang lại sự điều hòa, tổng hợp cho những hệ thống giáo dục của ta hiện nay. Một hệ thống giáo dục cao đẳng xây dựng trên nền tảng nhân bản và tôn giáo, trong đó cá tính con người được phát triển đồng đều, phải được thực hiện. Một sự tổng hợp như vậy chẳng có gì mâu thuẫn cả, bởi vì mục tiêu của khoa học, nghệ thuật và tôn giáo chỉ là một—hạnh phúc và sự hoàn thiện của nhân loại. Khoa học, nghệ thuật và tôn giáo chỉ là những phương diện bất đồng của một nhân tính phức tạp trong con người và để phát triển nhân tính ấy đến tận độ của nó, tất cả khoa học, nghệ thuật và tôn giáo đều cần thiết như nhau, Chân, Thiện, Mỹ là bộ ba mà con người cố theo đuổi trong nỗ lực không ngừng để đạt đến sự hoàn thiện, thiếu một trong ba cái đó không thể hoàn toàn.

Bởi vậy, ta không nên cho thành phần nào trong Chân, Thiện, Mỹ là lý tưởng giáo dục cao đẹp hơn hết mà tất cả đều quan trọng. Ta đã thấy những nguy cơ và lầm lạc của một nền giáo dục thuần khoa học. Sản phẩm hiện đại của nền giáo dục ấy là một sinh vật không hồn, tìm kiếm những thú vui của sinh vật, khá lắm cũng chỉ là một anh ngốc có mảnh khóe linh lợi, mà tệ lắm là kẻ thù của nhân loại. Những khủng khiếp do sự lạm dụng khoa học gây ra chỉ có thể được chặn đứng bởi một nền giáo dục cao đẳng trong đó trái tim và linh hồn con người phải chỉ huy những hành động của con người.

Khoa học mà không có lương tri sẽ hủy diệt nền văn minh của nhân loại. Chỉ khi nào các hệ thống giáo dục mang trọn vẹn tinh thần nghệ thuật, khoa học và tôn giáo thì lúc đó ta mới có thể hi vọng một sự tiến bộ trong nhân ái và thiện tâm, nếu không thì sự tiến bộ về khoa học sẽ chỉ là một cơn ác mộng và si nhục. Tất cả cuộc khủng hoảng của nhân loại trên thế giới ngày nay đều do sự mất thăng bằng giữa tinh thần và vật chất tạo ra. Một nền giáo dục cao đẳng căn bản phải là một nền giáo dục tổng hợp khoa học, nghệ thuật và tôn giáo. Chỉ có một sự tổng hợp như vậy mới có thể trả lại cho con người sự thăng bằng đã mất, mới có thể giúp nhân loại tiến bộ trong hòa bình, trong tình tương thân tương ái để xứng đáng là một nhân loại văn minh.

Hơn bất cứ cơ quan nào khác, chỉ có các cơ quan Đại học mới giải quyết được vấn đề này. Nếu các viện Đại học từ bỏ nền giáo dục căn bản đó mà chỉ nghĩ đến việc đào tạo một số người có đủ bằng cấp để kiếm việc làm thì có lẽ các cơ quan Đại học cũng chỉ thanh toán, đến một phạm vi rất nhỏ, vấn đề thất nghiệp, hay chỉ cung cấp được một số chuyên viên kỹ thuật nào đó thôi, chứ chưa đào tạo được những con người có thể hiểu và giải quyết được những vấn đề sống còn của thế giới ngày nay.

Thích Quảng Độ

(Trích tạp chí Tư Tưởng số 9, Viện Đại Học Vạn Hạnh phát hành 30-11-1971)

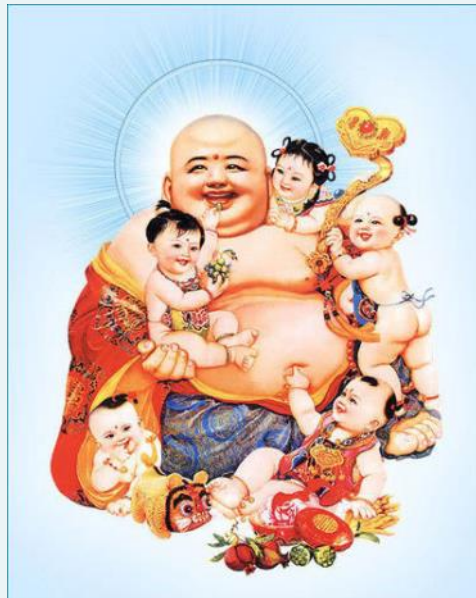
Nguồn: Uyên Nguyên's Blog

NHẬN THỨC SAI LẦM

HT. Thích Thắng Hoan

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Những điều nhận thức sai lầm theo thường thức phổ thông đều cho là sự thật; những điều nhận thức sai lầm như thế nào qua câu chuyện Điên và Không Điên mà tôi nhớ mường tượng như trong Kinh Bách Dụ có kể. Câu chuyện Điên và Không Điên như thế này: Ở vùng Thiên Sơn và Thông Lĩnh, có một quốc gia nhỏ, trong đó tất cả thần dân uống nhầm nước suối có chất độc nên bị bệnh điên; ông vua hợp với quần thần thảo luận cách cứu chữa cho thần dân; nhóm thần dân bị bệnh điên cùng nhau tâu với vua của họ rằng, họ không có điên và ngược lại họ bảo ông vua mới bị bệnh điên; khi họ được vua trị hết bệnh thì họ mới biết họ bị bệnh điên. Câu chuyện này dụng ý cho chúng ta biết, có một số người nhận thức sai lầm mà không biết lại bảo người khác nhận thức sai lầm, không khác nào mình bị bệnh điên mà lại chụp mũ bảo người khác bị bệnh điên. Những điều nhận thức sai lầm, đại khái được trình bày như sau:



Forms) của chúng nó mang từ kiếp trước để làm kiểu mẫu xây dựng; còn tinh cha huyết mẹ của chúng nó chỉ là những vật liệu xây cất để hình thành tướng trạng của chúng nó. Tinh cha huyết mẹ của chúng nó không phải là nghiệp tướng cũng như những vật liệu xây cất không phải Họa Đồ Kiểu Mẫu. Những kẻ bị tật nguyên chính là kiếp trước của chúng nó đam mê chơi những gems dị hình, hoặc đam mê ôm ấp thú vật trong lúc ngủ cũng như trong lúc thức, hoặc chuyên nghề chém giết súc vật vân vân; trong khi chúng đam mê hành động liên thân vào tâm của chúng những hình ảnh của các con vật dị hình nói trên vân vân để làm hạt giống (chủng tử) và mang qua kiếp này để xây dựng; khi đến kiếp này, nghiệp đam mê hoặc nghiệp sát hại của chúng liền chọn những vật dị hình đó trao cho Tâm Linh làm kiểu mẫu cho việc xây dựng thành hình tướng tật nguyên của chúng nơi kiếp này. Những người đã không biết nguồn gốc lại cố chấp cho những trẻ tật nguyên

đây là do di truyền của cha mẹ tạo nên. Những kẻ vội vàng kết tội như trên chính là sự nhận thức sai lầm to lớn.

1/- Nhận thức sai lầm thứ nhất: thí dụ, khi thấy gia đình nào sanh đứa con tật nguyên như có đứa con sanh ra hai đầu sáu tay, có đứa con sanh ra một đầu bốn mắt, hai miệng, hai lỗ mũi, vân vân liền kết tội vợ và kết luận cho những đứa bé đó bị bệnh di truyền do máu huyết của cha mẹ tạo nên; lối giải thích đây là lối giải thích sai lầm to lớn, khác nào người nhà quê lên thành, thấy nhà này xấu hơn nhà kia liền đổ thừa tại vật liệu xây cất; nhưng họ không biết nhà này xấu hơn nhà kia là tại Họa Đồ Kiểu Mẫu (Blueprints). Thì đây cũng vậy:

Theo Phật Giáo, những đứa trẻ bị tật nguyên nói trên không phải do di truyền của cha mẹ mà chính là do Nghiệp Tướng (Visible

2/- Sự nhận thức sai lầm thứ hai: chấp cho Não Bộ của con người là kho chứa. Có một số người cho rằng: bao nhiêu công trình học hỏi, bao nhiêu công trình tu luyện, trải qua từ cấp sách đến trường cho đến trở thành nhà bác học, tất cả tài liệu đó đều chứa trong Não Bộ. Cũng như những hình ảnh bạn bè thân thiết, những bạn trai bạn gái, những hình ảnh các thắng cảnh, các thành phố đã đi qua vân vân đều chứa trong Não Bộ. Những nhận thức này không chính xác, có những điểm sau đây:

*- Não Bộ của con người chu vi cao lắm là ba tất vuông, đã nhỏ bé như thế thì làm sao có khả năng dung chứa hết tất cả công trình tu học và công trình đào luyện mấy chục năm qua và những hình ảnh đã tham quan lâu năm vân vân. Chúng ta tưởng tượng Não Bộ là một kho chứa thì bao nhiêu hồ sơ dồn vào đó giống như một đồng rác không hơn không kém, khác nào ông thợ nhiếp ảnh, chỉ một cuốn phim cứ chụp mãi vô số hình ảnh vào trong nó thì bao hình ảnh đó không ra chi. Hơn nữa những hình ảnh trong Não Bộ ai là người đứng ra sắp xếp có thứ tự mỗi khi chúng ta muốn nhớ bất cứ hình ảnh nào năm xưa liền hình ảnh đó hiện ra ngay không lẫn lộn (?).

*- Những tế bào trong Não Bộ con người không có độ bền, nghĩa là luôn luôn thay đổi theo chiều chuyển hóa khởi điểm từ bé nhỏ lần lần lớn lên và cho đến già chết, những tế bào này chết nhường cho những tế bào mới thay thế và cứ thay thế nhau mãi cho đến ngày trưởng thành. Những tế bào năm xưa trong Não Bộ đã chết, nghĩa là những tài liệu năm xưa mà chúng ta tu học đã bị chúng nó phế bỏ từ lâu và chúng nó phế bỏ tài liệu trước khi trở về quá khứ. Còn ngày nay trong Não Bộ những tế bào hoàn toàn mới lạ thì làm sao có những tài liệu năm xưa để cung ứng cho chúng ta mỗi khi nhớ lại. Theo Khoa Học, Não Bộ chỉ đóng vai Monitor, Tâm Linh mới chính là Harddisk (kho chứa).

Theo Phật Giáo, Não Bộ con người chỉ là văn phòng của sáu Tâm Thức mà sáu Tâm Thức chính là nhân viên của Tâm Linh. Sáu Tâm Thức này có nhiệm vụ thu ảnh mang vào giao cho Harddisk Tâm Linh cất giữ. Sáu Tâm Thức sinh hoạt trong Não Bộ chỉ có 12 giờ trong ngày rồi sau đó phải đóng cửa các văn phòng để đi nghỉ. Khi sáu Tâm Thức đóng cửa các văn phòng để đi nghỉ thì lúc đó chúng ta cũng phải đi ngủ theo, chúng ta đi ngủ không có nghĩa là chúng ta đã chết; sáng bữa sau, sáu Tâm Thức vào Não Bộ mở cửa văn phòng hoạt động trở lại thì lúc đó chúng ta thức giấc. Còn khi sáu Tâm Thức sinh hoạt suốt đêm 24 giờ, không chịu đóng cửa văn phòng thì lúc đó chúng ta đành phải uống thuốc ngủ, nếu không, lâu ngày Não Bộ sẽ bị bệnh, không khéo chúng ta trở thành điên loạn. Khi nào sáu Tâm Thức đóng cửa văn phòng trong Não Bộ vĩnh viễn thì báo hiệu Tâm Linh chúng ta sắp ra đi bỏ lại thân xác hôi thối rồi chuẩn bị bước sang kiếp sau trong đó mang theo tất cả tài liệu. Tóm lại Não Bộ không phải kho chứa các tài liệu, đấy là nhận thức sai lầm.

3/- Nhận thức sai lầm thứ ba: chủ trương học thuyết Tinh Trùng. Tinh Trùng là một loại Vi Sinh thuộc động vật hạ đẳng không đồng tính với con người thì không thể nào xây dựng sanh mạng và cơ quan sinh lý của một con người mà chính con người không

có khả năng làm công việc đó. Tinh trùng của người cha theo Phật giáo là Tăng Thượng Duyên giúp con người nảy nở và phát triển, trước hết là kích thích noãn châu của người mẹ mở cửa cho Tâm Linh A Lai Da chun vào xây dựng; Tinh cha nếu không mở cửa noãn châu của người mẹ thì noãn châu của người mẹ không có sanh mạng để làm điểm tựa liền bị hư thối biến thành kinh nguyệt chảy ra ngoài. Còn noãn châu của người mẹ là Sở Duyên Duyên, nghĩa là chỗ làm trợ duyên ban đầu (sở duyên) cho nhân duyên con người chun vào nương tựa và khởi điểm từ cục máu trở thành hình tướng cho kiếp này. Nói để hiểu hơn tinh cha huyết mẹ chỉ là vật liệu để xây cất sanh mạng con người mà thôi. Nếu có ai giải thích cho rằng, con người được sanh ra là do tinh cha huyết mẹ tạo nên, đây cũng là sự nhận thức sai lầm.

4/- Sự nhận thức sai lầm thứ tư: là thuyết DNA. Yếu tố DNA gồm có những chất sau đây:

D: viết cho đủ là Deoxygenate, tức là tên gốc của Gènes.

N: viết cho đủ là Nucleus (hạt nhân cấu tạo)

A: viết cho đủ là Acid.

Theo tác phẩm "*Con Người Được Sanh Ra Từ Đâu*" cùng một tác giả có viết: "Những chất này là những tế bào cực vi đã có sẵn trong Tinh Tử của cha để di truyền cho con về thể xác. Theo ông Julien Huxley, một nhà sinh lý học nổi tiếng ở nước Anh đã viết về Gènes được trích ra trong quyển "*Nghiệp Báo*," trang 19, do Đại Đức Nàradà Mahà Thera thuyết giảng tại Kỳ Viên Tự Sài Gòn năm 1959: "Trong thân thể con người có những Gènes (là những cực vi tế bào trong tinh tử, do đó mà giống cha truyền qua cho con gọi là định luật truyền thống). Do những Gènes này mà cha truyền qua cho con màu sắc, cao thấp, mập ốm, thọ yếu, v.v... Tất cả những sự di truyền đều do đó mà ra."

Những chất trên đều thuộc loại vật lý và hoàn thụ động, không có tri giác trong việc kiến tạo và chính chúng nó cũng không có khả năng tự phát, không thể tự nảy nở lớn lên và cũng không thể duy trì sanh mạng con người tồn tại mãi nếu Tâm Thức rút lui không tiếp tục hiện hữu. Giả sử những chất này có khả năng tri giác trong việc kiến tạo và chủ động trong việc tự phát thì con người nhất định lớn lên mãi không có giới hạn cao thấp, và tồn tại mãi không có vấn đề già chết, nguyên vì chính chúng nó luôn luôn nảy nở, luôn luôn phát triển không ngừng mà hơn nữa các nhà khoa học có thể phát minh ra chúng để bồi dưỡng con người không cho hoại diệt."

"Còn như DNA hay Gènes có khả năng quyết định sự cao thấp, thọ yếu của con người theo như nhà Sinh Lý Học Julen Huxley chủ trương thì mâu thuẫn lại thuyết Di Truyền khả

năng tính nảy nở và phát triển không ngừng của DNA hay Gènes. Nhưng trên thực tế con người không phải như vậy và cũng không được như vậy, do đó những thuyết này cũng không thể tin tưởng được. Những học thuyết Tinh Trùng, DNA hay Gènes xét cho cùng đều thuộc về Duy Vật Biện Chứng chủ trương mà Phật Giáo thì thuộc hệ phái Duy Tâm, nguyên vì trong con người có tư tưởng, tình cảm, hiểu biết thuộc hệ thống tâm linh hiện đang làm chủ mọi sinh hoạt và bản chất của Tâm Linh hoàn toàn không phải vật lý mà cũng không phải do vật lý sanh ra.”

Qua những điều trình bày trên cho chúng ta nhận thấy, thuyết DNA hay Gènes không có khả năng xây dựng hệ thống sinh lý của con người. Có người bảo rằng, một người phụ nữ lập gia đình mà không có con và người phụ nữ đó muốn có con liền chấp nhận cho Bác sĩ lấy DNA của một người đàn ông khác không phải chồng của mình cấy vào tử cung của người phụ nữ đó thế là người phụ nữ đó có thai và sanh được một đứa con. Đây là hình thức ngoại tình hợp pháp chọn lấy Di Truyền của hệ thống người đàn ông khác mà không phải hệ thống Di Truyền của chồng mình. Điểm quan trọng ở chỗ ai xây dựng hệ thống sinh lý từ cục máu trong bụng mẹ trở thành đứa con để sanh ra và lớn lên? Cụ thể như trứng gà có trống, Gà mẹ chỉ ấp trứng mà thôi, nhưng ai xây dựng sinh lý gà con trong trứng và chờ đến ngày mổ trứng chun ra?

Điều đáng chú ý, Tâm Linh (Linh Hồn) con người ngoài việc xây dựng sinh lý con người, còn nảy nở và phát triển theo con người, nghĩa là con người to lớn bao nhiêu thì Tâm Linh cũng to lớn bấy nhiêu để bảo vệ sanh mạng con người; nói cách khác, sanh mạng con người chính là sanh mạng Tâm Linh. Thí dụ cho dễ hiểu, chúng ta xem phim Tam Tạng thỉnh Kinh, thấy hình tượng Tam Tạng trên màn ảnh, thân thể của Tam Tạng chính là thân thể của điện, ngoài thân thể của điện không có thân thể của Tam Tạng; thì đây cũng vậy, thân thể của con người chính là thân thể của Tâm Linh, ngoài thân thể Tâm Linh không có thân thể con người; cụ thể như con người trở nên già cỗi, da con người trở nên nhăn nheo, thân thể con người yếu dần là do Tâm Linh con người rút lui dần để bỏ xác lại sau lưng, nhưng vì bộ xương cách trí trong thân thể con người chống đỡ cho nên người già không bị teo nhỏ lại.



Cặp mắt con người không thể thấy được Tâm Linh, nguyên vì theo khoa học cặp mắt con người chỉ thấy nhau bằng ảo giác (Illusions) thì làm sao thấy được Tâm Linh mà không thấy được Tâm Linh thì lại cho là con người không có linh hồn; hơn nữa sáu Tâm Thức là nhân viên của Tâm Linh, cặp mắt của con người chỉ biết được chúng khi chúng sinh hoạt và không biết được chúng ở đâu khi chúng nghỉ ngơi; cũng giống như cặp mắt con người chỉ thấy được điện khi bóng đèn cháy và không thấy được điện khi điện cúp. Cặp mắt thịt của con người không bao giờ thấy được quá tâm nhận thức của mình, nghĩa là họ không thể thấy biết được những người thấy biết bằng quán chiếu. Họ đã không thấy biết được giống như những người thấy biết bằng quán chiếu rồi lại chụp mũ cho họ là những kẻ mê tín dị đoan. Họ thật là nhận thức sai lầm quá đáng.

5/- Tóm lại, những điều nhận thức sai lầm đại khái như: thứ nhất về Di Truyền sanh con tột nguyên, thứ hai về Não Bộ là kho chứa, thứ ba về Học Thuyết Tinh Trùng, thứ tư về Học Thuyết DNA, đây là những điều nhận thức sai lầm trên cơ bản và theo Phật Giáo còn những nhận thức sai lầm trên phương diện hình tướng vạn pháp thì cũng quá nhiều, ở đây không thể kê khai hết được.

Riêng trên phương diện pháp tánh của vạn pháp chỉ có huệ nhãn của đức Phật mới thấy biết được, còn hạng phàm phu mắt thịt của con người thì không thể nào thấy biết được, cũng giống như những gì thấy biết của nhà Bác Học, hạng thường dân không học không thể nào biết đến được. Vì không biết đến được như các đức Phật, cho nên hạng phàm phu vô số người đều nhận thức sai lầm. Hiện nay có một số người nhận thức sai lầm đối với Phật Giáo, đã vậy còn đưa lên trên mạng, trên YouTube tưởng mình là hiểu biết đúng, trí tuệ cao, không ngờ vô tình họ giúp cho các khán thính giả đó đây thấy mặt trái ngậy ngồ của họ và cũng vì nhận thức sai lầm của họ tôi đành phải viết bày viết giúp cho các thính giả minh định lẽ đúng sai, chân vọng của mọi vấn đề. Xin sám hối các thính giả về chủ đề này.

*Viết xong ngày 12.03.2020
Thích Thăng Hoan
Chùa Phật Quang
Trung Tâm Phiên Dịch và Sáng Tác*

COVID-19 HAY LỜI CẢNH TỈNH TRẦN GIAN!

(1)

*Ba tháng qua biết bao người gục ngã (2)
Từ Vũ Hán rồi lan tỏa năm châu
Khắp mọi nơi hoang loạn với thảm sầu
Điều chết chóc đang sẵn sàng đe dọa*

*Hơn nguyên tử, vô hình nhưng công phá
Chứng tỏ rằng mãnh lực của siêu nhiên
Trí thức người và sức mạnh kim tiền
Cũng tạm thời đứng xa mà chiêm nghiệm (3)*

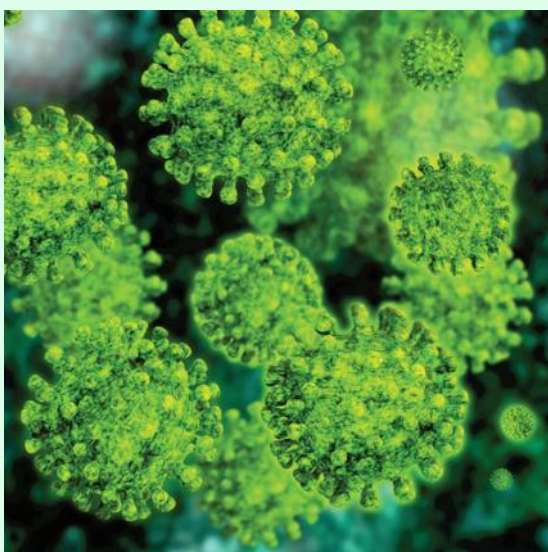
*Ai đã từng lợi danh làm tiêu điểm
Qua “dịch” này hãy thức tỉnh mau ra
Sống chậm lại chọn đạo đức an hòa (4)
Mới hy vọng sống còn cùng vũ trụ*

*Lấy “nhập thất,” “an cư” niềm vui thú
Quyết xa lìa những phiền não thị phi (5)
Chính là lúc giúp giác ngộ tu trì
“Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến”*

*Có dừng lại định hình rồi phát triển
Người thương người bằng cuộc sống vị tha
Đừng đố kỵ (6) mà khổ lụy bất hòa
Hãy tùy hỷ (7) để chia phần công đức.*

Chùa Pháp Hoa – Nam Úc, ngày 16/03/2020

TK, THÍCH VIÊN THÀNH



Ghi Chú:

(1) “Bình an hạnh phúc nằm ở trong tâm, chứ không nằm ở tiền nghị vật chất bên ngoài.” Covid 19 do con người tạo ra, rồi quay lại hủy diệt con người, nên hãy bình tĩnh mà sống đừng nên quá vội vã hốt hoảng khiến làm rối loạn xã hội. Phải biết rằng mạng sống trong hơi thở, nên quay vào trong, theo dõi và trân quý từng hơi thở, đừng ham vãn minh, tiến bộ của khoa học, rồi chạy theo mà phải nhiều khổ lụy, khoa học tiến bộ nhanh chóng nào, thì sự hủy diệt sẽ sớm chùng nẩy. Người thương người, sống để thương nhau, chứ đừng hơn thua và phân biệt mà hãm hại lẫn nhau. Có những cái ta không nhìn thấy được, như Covid 19, nhưng khiến mọi người phải “thất điên bát đảo,” nên cõi “tâm linh, vô hình” hay “luật nhân quả,” tuy không thấy, nhưng khi con người khai thác cạn kiệt, thiên nhiên sẽ nổi giận, thì sóng thần, động đất, bão lũ hay dịch bệnh... xảy ra, khiến cho con người thành nhỏ bé và bất lực!

(2) Từ tháng 12/2019 đến nay 16/3/2020, trên toàn thế giới với gần 170 quốc gia và vùng lãnh thổ đã có gần 7 ngàn người chết, gần 170 ngàn người bị nhiễm bệnh, trong đó có cả những người lãnh đạo chính phủ, Bác sĩ, y tá và do-anh nhân, lao động...

(3) Tất cả các nhà Bác Học và mọi thành phần xã hội, bây giờ phải ở trong phòng kín nghiên cứu hoặc có bàn bàn việc chi hay xã giao với nhau cũng đều phải đứng, ngòì xa ra, không dám lại gần, không dám bắt tay hay ôm hôn như cũ... mà chấp tay chào, chúc nhau như những người con Phật (Xem clip này sẽ rõ: <https://vietnamnet.vn/vn/the-gioi/tranh-covid-19-ong-trump-chao-kieu-an-do-thay-cho-bat-tay-623973.html>,

Những người đang bệnh, bị nghi có bệnh và đã liên hệ với người có bệnh, đều bị “cách ly” để xét nghiệm, theo dõi và điều trị, ít nhất là 14 ngày.

(4) Đây là hậu quả nếp sống vội của tác phong công nghiệp, lìa xa “đạo đức” sống ích kỷ mất hẳn tình người và tàn phá thiên nhiên để phục vụ cho lòng tham không đáy của con người.

(5) Các nơi vui chơi và tụ tập đông người, đều được kêu gọi không nên đến và hãy ngừng mọi hoạt động.

(6) Những suy nghĩ, lời nói và việc làm tốt có nhiều lợi ích của người, hãy học hỏi làm theo, cho cuộc đời thêm đẹp, chứ đừng ganh ghét mà khổ lụy.

(7) Những điều lành, những thành quả tốt đẹp, những sự tu hành thanh thân có nhiều lợi ích... của người, ta hãy “tùy hỷ” vui theo, tán dương, người có bao nhiêu phước đức, ta cũng có được y như vậy.



Hóa thân Thầy!

THÍCH THANH THẮNG

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Hòa thượng Thích Quảng Độ là một trong những Người Thầy cao cả nhất trong cuộc đời tôi. Sẽ có huynh đệ thắc mắc về điều đó giữa bọn bẻ chuyện chính trị giáo hội... Nhưng chính trị giáo hội nọ kia thì có can hệ gì trong dòng chảy của Phật giáo Việt Nam và nơi đích sống của mỗi cá nhân.

Còn nhớ cứ mỗi lần anh em chúng tôi thuộc hàng con cháu trong sơn môn Vĩnh Nghiêm đến Thanh Minh thiền viện đánh lễ vấn an Thầy, Thầy đều ân cần chỉ bảo đường lối tu tập, tinh tấn để hoằng đạo hộ đạo.

Giọng nói trầm ấm, vang vọng, ánh mắt từ hoà, nụ cười hiền hậu, dáng đi thanh thoát, thể ngời sư tử, tất cả nơi Thầy toát ra một nguồn năng lượng trấn an vững tin rất lớn. Tôi cũng từng là một trong những người đứng ngoài cổng hàng rào toà án nhân dân thành phố HCM chờ mong được nhìn thấy Thầy bước ra từ phòng xử án vào năm 1995. Khi ấy còn trẻ chỉ đọc sách của Thầy mà đã không tin vào bất cứ tờ báo nào tuyên truyền với những lời kết tội nặng nề về Thầy.

Ài cũng rõ một điều, nếu người ta chiêu dụ Thầy thành công thì Thầy trở thành cao tăng đầy chức phẩm, và khi người ta đe dọa Thầy không thành thì Thầy trở thành ác tăng phản động.

Nhưng có điều Thầy vẫn là Thầy, một thầy tu chí hiếu, chí nghĩa và chí tình.

Chí hiếu vì ghi lòng tạc dạ ơn sinh thành của cha mẹ, ơn giáo dưỡng tuệ mệnh của Thầy Tổ. Cho đến những năm cuối đời bài thơ dâng mẹ vẫn in trang trọng nơi kinh sách Thầy phiên dịch. Chí tình vì đồng đạo mà Thầy nhẫn nhục, nhận về mọi thử thách, oan khiên. Ngay cả khi rời chùa Thanh Minh, nghe tin người bạn đạo nằm viện, đứng bên ngoài nhìn vào nhỏ lệ nhớ thương. Chí nghĩa vì không chịu bước sang con thuyền khác mà từ bỏ con thuyền đã đưa mình vượt qua bao sóng gió thác ghềnh.

Thầy là Đức đệ ngũ Tăng thống bi trí dũng đầy đủ, nhưng tình, hiếu, nghĩa nhân gian vẫn gần gũi lay động lòng người.

Thầy mang trên mình sứ mệnh đấu tranh cho tự do chính nghĩa, nhưng Thầy cũng là hóa thân trong hạnh nguyện của những bậc Bồ tát nhập thế.

Phật giáo Việt Nam sẽ mang bộ mặt thế nào nếu không có một Giáo hội do Thầy dẫn dắt.

Pháp nạn thực sự chỉ mới bắt đầu khi trước những việc lớn việc khó của dân tộc mà tăng sĩ chỉ biết vì danh lợi phẩm trật của mình mà nịnh bợ luồn cúi ra vào trước thế quyền. Thuyền ngược nước chở nặng, nhưng việc khó, việc lớn trong sinh mệnh dân tộc và Phật giáo thử hỏi ai dám tiên phong mà làm? Thầy nói về pháp cai trị nước nhà nào có ngoài những lời trong kinh Ánh sáng hoàng kim.

Thầy phản ứng với nhà cầm quyền về phép cai trị bóp nghẹt tư tưởng cũng bằng chính những ngôn ngữ ấy.

Nhưng khi có ai đến tham vấn về đạo, thì trí vấn, trí tư, trí tu từ nơi Thầy tuôn chảy như suối nguồn, nề gì những sắc sắc không không nơi thân Thầy thực chứng.

Có lần khi tôi hỏi Thầy về sự tồn tại bao lâu của chế độ cộng sản. Thầy im lặng một hồi rồi Thầy bảo rằng cứ nhìn cho rõ cái đang diễn ra trước mắt mà suy thì sư ông sẽ có câu trả lời, nhưng mau hay chậm trong sự sụp đổ của một chế độ này hay chế độ kia cũng chỉ như ngày và đêm mà thôi.

Đấu tranh trong tri giác về lẽ xoay vần vô thường đắp đổi thì muôn đời hoá thân vô ngại, thực tính nhân gian trong những đêm trường.

Tôi trở về với công án "ngày và đêm" ấy.

Ngày và đêm là một, vô minh và Phật tánh cũng không khác. Cả tụng ánh sáng nhưng không vì thế mà sợ hãi bóng đêm.

Có thể ngày và đêm đến với nhau trong chuyển động tạm thời, như con chim tích tích truyền cành ban ngày, như con dế rộn rã ban đêm, tăng đến nhà bái chào, giặc xâm phạm vẫn quyết đánh. Tâm thế vô ngại của bậc thượng sĩ xuất trần mà vẫn cư trần, bởi một lẽ nhân gian này chính là tịnh độ. Thầy lấy tâm mình làm đạo tràng chư Phật, lấy thân lấy chí của mình làm mái nhà che chở. Nên lịch sử sẽ mãi ghi về một Đức Tăng thống không chùa, không tịnh thất, lấy thân mạng tạm lánh nhờ nay đây mai đó.

Thầy ra đi không một lời tưởng niệm điều văn tiểu sử, của tin nơi nhục thể còn một chút này cũng gửi vào biển cả mệnh mông, một đời như huyền như hoá, giấc mộng thế nhân này... thôi thì ai tỉnh ai say mặc ai ai mặc...

Thành kính đánh lễ Giác linh Thầy nơi hoá thân vô số!

TRI ÂN NGƯỜI PHIÊN DỊCH KINH SÁCH CHO TA TU HỌC

Thích Hoàng Trí

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Sau khi từ đám tang Hòa thượng Thích Quảng Độ trở về, một người bạn đạo gặp tôi và hỏi với ý thăm dò nửa thật nửa đùa rằng: “Thầy không sợ liên lụy hay sao mà đi đám tang cụ Quảng Độ?” Tôi chỉ mỉm cười trả lời: “Quý thầy có quá nhiều thứ để mất nên mới sợ chứ tôi đây chết còn chưa sợ thì sợ gì!”

Nói thì nói vậy cho qua câu chuyện thôi, nhưng sau đó trong lúc trà dư, tôi đã giải thích cho bạn tôi hiểu tại sao tôi xuất hiện ở đám tang Hòa thượng mà hiếm khi có mặt ở các đám tang khác.

Tôi sinh ra và lớn lên trong thời đất nước không còn chiến tranh loạn lạc, người dân không còn cảnh vợ khóc chồng, cha mẹ khóc con khi lâm cảnh tử biệt sinh ly bởi sức công phá của đạn bom. Song, cảnh đất nước hòa bình không có nghĩa là thế sự không còn đau khổ vì tình cảnh cơm áo gạo tiền khi đất nước đang đà hồi phục sau mấy mươi năm chiến tranh. Và đến tận bây giờ, cũng chưa ai dám chắc chắn rằng ngoài kia thiên hạ thái bình, không còn những mảnh đời bất hạnh. Trong thế giới còn nhiều đau thương, lòng người sợ hãi, thờ ơ, ích kỷ mà có vị chân tu hiện hữu như ngài Quảng Độ cũng mang lại bao an ủi và niềm tin cho người dân vào cuộc sống tốt đẹp tương lai.

Được may mắn khoác chiếc áo nâu sòng làm đệ tử Như Lai và lặn lội vào hàng Tăng bảo, tôi luôn tâm nguyện sẽ thực hiện theo những lời Phật dạy để không uổng phí cho kiếp sống người tu. Luôn kính trọng những người thầy đi trước, nhất là những bậc có tài năng và đức độ, dù quan điểm và thái độ chính trị mỗi người khác nhau, nhưng nếu có ai thực hiện được hạnh nguyện “tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự” mang lại lợi lạc cho nhân sinh thì tôi đến tận nơi cúi đầu đánh lễ.

Từ khi còn để chỏm, tôi đã từng đọc Thoát vòng tục lụy, Đại thừa Phật giáo tư tưởng luận, Tiểu thừa Phật giáo tư tưởng luận... và tụng kinh Mục Liên sám pháp do Hòa thượng phiên dịch. Lúc ấy, tôi chỉ cảm nhận được nội dung các tác phẩm đó có ý nghĩa, giúp mình sáng tỏ

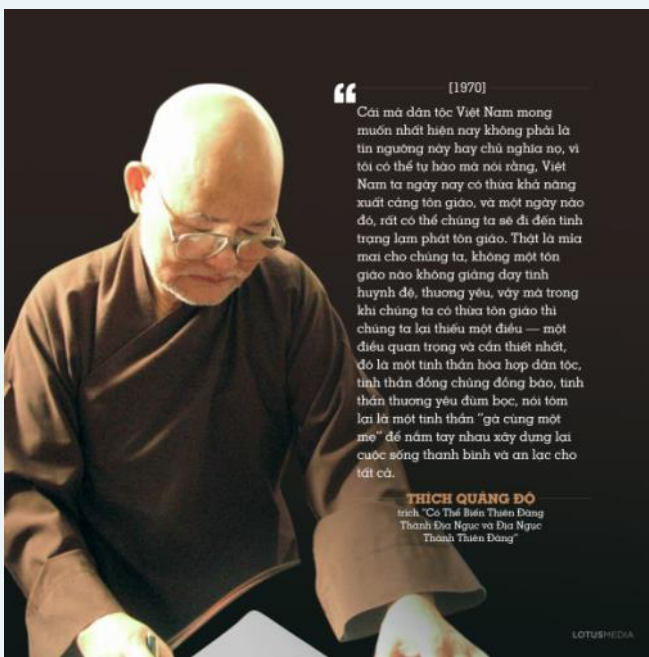
được giáo lý đức Phật và làm kim chỉ nam để mình vững chãi hơn trên đường đạo, chứ chưa biết thân phận dịch giả thế nào.

Khi làm nghiên cứu sinh tại Hà Nội, tôi cầm trên tay cuốn Từ điển Phật học Hán Việt do Hòa thượng Kim Cương Tử chủ biên, PGS. TS. Nguyễn Tả Nhí (thầy Hướng dẫn luận án tôi, là thành viên biên soạn cuốn từ điển đó) cho biết, Hòa thượng Quảng Độ đã lặn lội duyệt và đóng góp rất nhiều ý kiến quý báu trong bộ từ điển này khi ngài còn độc cư ở Thái Bình.

Sau này, khi bắt đầu công việc phiên dịch kinh sách, thì bộ Phật Quang đại từ điển (8 tập chữ Hán; dịch thành 6 tập chữ Việt, 7.374 trang) do ngài phiên dịch đã giúp ích cho tôi rất nhiều trong việc tra cứu các thuật ngữ Phật học. Trong quá trình sử dụng bộ từ điển này nhiều năm, tôi thâm nhủ, chỉ có đầu óc bách khoa mới có đủ can đảm để phiên dịch trọn vẹn bộ từ điển đồ sộ này. Và từ đó, tôi đã từng nhiều lần muốn đến đánh lễ Hòa thượng nhưng chưa đủ duyên để thực hiện được tâm nguyện bé nhỏ trong đời tu của mình.

Vào một buổi sáng tháng 6 năm 2019, tôi được đầy đủ duyên lành đến thăm Hòa thượng tại chùa Từ Hiếu. Lúc bấy giờ, Hòa thượng lúc nhớ lúc quên do lão hóa trí não khi bước qua tuổi 92, nhưng ngài đi lại nhanh nhẹn và vẫn còn dung tướng uy nghiêm của bậc đại trượng phu, đỉnh đặc đường hoàng. Ngài mặc bộ vật hồ màu nâu vải thô ngồi trên ghế salon trông giản dị nhưng vẫn hiện rõ dáng mạo vững vàng của đấng ngời sư tử. Tôi quý xuống cúi đầu đánh lễ sát đất, nhưng ngài ngăn cản: “Thôi, đánh lễ làm gì, tôi đang mặc áo ngắn không phải phép để nhận thầy lễ lạy!”

Tôi nghe theo lời chỉ dạy của ngài và được phép ngồi bên cạnh để hầu chuyện. Khi chị Chung (cháu gọi bằng ông) xin Hòa thượng đọc thơ thì ngài trả lời: “Giờ già rồi, ngâm saọ nổi nữa! Thơ thì phải ngâm chứ đọc lên thì dễ trở thành thơ thần lắm!” Nói xong,



“ [1970]
 Cái mà dân tộc Việt Nam mong muốn nhất hiện nay không phải là tin ngưỡng này hay chủ nghĩa nọ, vì tôi có thể tự hào mà nói rằng, Việt Nam ta ngày nay có thừa khả năng xuất cảng tôn giáo, và một ngày nào đó, rất có thể chúng ta sẽ đi đến tình trạng làm phát tôn giáo. Thật là mỉa mai cho chúng ta, không một tôn giáo nào không giảng dạy tình huynh đệ, thương yêu, vậy mà trong khi chúng ta có thừa tôn giáo thì chúng ta lại thiếu một điều — một điều quan trọng và cần thiết nhất, đó là một tinh thần hòa hợp dân tộc, tinh thần đồng chủng đồng bào, tinh thần thương yêu đùm bọc, nơi tôn lại là một tinh thần “già cùng một mẹ” để nắm tay nhau xây dựng lại cuộc sống thanh bình và an lạc cho tất cả.

THÍCH QUẢNG ĐỘ
 Thích Cố, Thế Bảo Thiên Đường
 Thành Đạo Ngục so Địa Ngục
 Thành Thiên Đường

LOTUSMEDIA

ngài cười khà khà rất hoan hỷ làm lộ rõ khoảng trống của hai chiếc răng cửa vừa mới rụng. Khi gọi lại bài thơ Dâng mẹ được in ở đầu kinh Mục Liên sám pháp, Hòa thượng đưa tay lên trán suy ngẫm một hồi và bắt đầu đọc, vừa dứt bốn câu đầu: “*Bao năm rồi con lưu lạc ngàn phương// Con nhớ mẹ suốt canh trường khắc khoải// Công dưỡng dục mẹ ơi! Sao xiết kể// Công sinh thành, con nghĩ quặn lòng đau*” thì ngài bật khóc. Tiếng khóc nức nở như trẻ thơ đang nhớ mong hơi ấm của người mẹ hiền đã rời xa mình trong đêm trường hiu quạnh. Hòa thượng Nguyên Lý đang ngồi nghe, sợ ngài xúc động sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe tuổi già nên lái sang câu chuyện khác.

Đạo Phật khuyên dạy người tại gia lần xuất gia phải luôn nhớ đến bốn ơn trọng: ơn cha mẹ, ơn sư trưởng, ơn quốc gia và ơn tam bảo. Một tỳ-kheo trẻ đến thăm viếng và đánh lễ một tỳ-kheo lớn là chuyện rất bình thường, hợp lẽ đạo. Trong nghi thức thiền môn, trước khi tụng kinh, quý thầy thường xướng lễ:

*Năng lễ, sở lễ tánh không tịch,
 Cảm ứng đạo giao nan tứ nghì...*

Đối với tự tánh chân không thì không có chủ thể lễ và đối tượng được lễ. Chủ thể và đối tượng không phải là những gì độc lập nằm ngoài nhau mà chúng có sự tương duyên tương sinh mật thiết. Khi cái ngã của người lễ hòa nhập vào dòng chảy của mười phương chư Phật, chư vị Tổ sư thì sẽ sinh ra năng lượng cảm thông màu nhiệm giữa chủ thể và đối tượng. Đây là pháp thực tập quán chiếu vi diệu của người tu tập.

Khi Hòa thượng Đồng Minh sắp viên tịch, ngài cầm tay thị giả và nói: “Tôi cảm ơn thầy trong thời gian qua đã lo lắng chăm sóc tấm thân tôi!” Thị giả mỉm cười thưa: “Hòa thượng sao lại cảm ơn! Con cận kề Hòa thượng là trách nhiệm của một ông thầy tu nhỏ chăm sóc một ông thầy tu lớn chứ có gì to tát đâu mà Hòa thượng cảm ơn!” Rồi cả hai thầy trò hoan hỷ trước giây phút từ biệt nhau.

Người tu Phật khi sử dụng những sản phẩm cuộc đời ban tặng cần phải nhớ niệm tri ân. Chúng ta tri ân bác nông dân chân lấm tay bùn để ta có chén cơm mỗi bữa, tri ân người dệt vải để ta có áo quần che thân, tri ân các vị lương y bào chế thuốc thang để thân ta kháng lại tật bệnh, và còn nhiều người trong xã hội này, trong thế giới này chúng ta cần phải tri ân.

Tôi trưởng thành được là nhờ tắm gội nhiều thứ ơn nặng mà kinh Phật thường khuyên dạy người tu phải biết ơn và đền ơn. Cha mẹ cho ta hình hài này, thầy tổ đã ban cho ta tri thức để biết đường tà nẻo chính, hoặc trực tiếp khuyên bảo bằng lời, hoặc gián tiếp chỉ dạy qua kinh sách, tất cả đều là kim chỉ nam để ta trưởng thành. Tôi thường tri niệm đến thâm ân của đàn-na thí chủ, thầy cô dạy dỗ tôi nên người, kẻ thân người sơ trong xã hội này đã trợ giúp tôi trưởng thành nhiều phương diện. Khi ta sử dụng bất kỳ sản phẩm nào của cuộc đời này mang tặng thì ta cũng đều phải nhớ ơn. Huống chi, Hòa thượng Quảng Độ đã là người mang thân giáo dạy tôi lúc cận kề ngài; từ nhỏ tôi tụng đọc bao nhiêu kinh điển mà ngài đã phiên dịch để tăng thêm tuệ đức; tôi đã sử dụng chữ nghĩa trong bộ Từ điển đồ sộ mà ngài đã dày công phiên dịch để có công cụ hoằng pháp ngày hôm nay, thì việc đến đánh lễ Giác linh ngài khi viên tịch trong tình thầy trò đồng tu chẳng có gì trở ngại. Như Bát nhã tâm kinh đã dạy: “*Vì không có trở ngại nên không có sợ hãi*” mà chư Tăng chốn thiền môn và Phật tử thường tụng đọc hằng ngày.

Đến đối diện trước linh cữu ngài để ta thấy được vô thường đang hiện hữu, và một lần nữa trong đời ta có cơ hội cảm niệm được ân đức của ngài trước khi tắm thân tứ đại vùi sâu trong biển lửa. Được gặp gỡ Tăng thân trong pháp hội là dịp để cảm nhận chí hướng ta chan hòa cùng chí hướng của chư vị đồng tu. Hòa thượng là người đại diện cho Tăng bảo, mà người đệ tử Phật thì cần phải tôn kính và biết ơn Tăng bảo. Tôi hiện diện ở tang lễ Hòa thượng chỉ để đánh lễ Tăng bảo và cảm nhận chất liệu tâm linh tu tập suốt cuộc đời phụng sự tha nhân của ngài mà thôi!

Trong cuộc sống hiện đại hóa hôm nay, đôi lúc tâm hồn phác trực của người tu sĩ cũng bị cuốn theo dòng đời lãnh đạm. Dù thế gian người ta có thờ ơ, lạnh nhạt với nhau bao nhiêu đi nữa thì tôi vẫn luôn chấp tay mím miệng vái chào để tỏ lòng kính trọng Tăng thân mỗi khi tôi gặp các vị đại đức, sư cô nơi công cộng, như đường phố, sân bay, ga tàu...

Xin khép lại trang giấy này và mở rộng tâm hồn đón nhận tình thương từ các bậc cổ đức.

Thành tâm đánh lễ và niệm ân Hòa thượng.

Đà Lạt, tháng 3 năm 2020

Tỳ-kheo THÍCH HOÀNG TRÍ



HT. Thích Quảng Độ vấn an sức khoẻ HT. Thích Huyền Quang tại bệnh viện, năm 2006.

LONG TƯỢNG

(Kính dâng lên giác linh ĐL Hòa thượng Thích Quảng Độ)

*Chẳng ở long cung hoặc ẩn mây
Hiện thân ở tại thế gian này
Thanh quy pháp phái thiên môn giữ
Nhu Lai trưởng tử trú danh thầy*

*Viết sách, dịch kinh độ chúng sinh
Gặp thời mật pháp thậm vô minh
Cất lên tiếng gọi người mau tỉnh
Lèo lái thuyền qua những thác ghềnh*

*Chẳng ở rừng sâu chốn đại ngàn
Dem thân gánh vác việc giang san
Yêu nước thương dân lòng rất mực
Can trường chính trực tựa kim cương*

*Lao tù đầy đọa mấy mươi năm
Vẫn lung linh sáng ánh trăng rằm
Bồ tát hiện thân vô úy thí
Dòng đời vạn biến dễ gì suy*

*Chí cả huệ cao vượt thế nhân
Một đời hành đạo lắm phong trần
Nước non đau đáu lòng ôm ấp
Trượng phu nào sá nhọc nhằn thân*

*Long tượng thiên lâm nước Việt nay
Cảnh tình người mê ở xứ này
Đạo đời hành hoạt nêu gương sáng
Kim cổ đồng song mây trắng bay.*

TÒNG LÂM THẠCH TRỤ

(Đề đầu đánh lễ giác linh ĐL Hoà thượng THÍCH QUẢNG ĐỘ, đồng tưởng nhớ ĐL Hoà thượng, tăng thống THÍCH HUYỀN QUANG)

*Có những cội tùng chẳng ngại tuyết sương
Đầu non mờ mịt giữa đêm trường
Thân lau sậy bọc lấy kim cương
Bão giông rền giữa
Danh lợi trò đùa
Nhọc nhằn nhân gian gánh vác hai vai
Sóng dữ phong ba vừng tay chèo lái
Có những tâm hồn lông lộng hư không
Phất phơ vạt áo nâu sông
Vẫn cười cợt tù đầy, giam lỏng
Vận nước nhiều nhưong
Pháp nhược ma cường
Ngài đứng thẳng lấy thân làm thạch trụ
Dang hai tay bảo bọc tông lâm
Nào ai thấu bản tâm Bồ Tát
Mấy mươi năm ôm bình bát độ sanh
Kẻ vô minh lăm thủ đoạn gian manh
Triệt đường sống và giờ trò mạt ly
Nào có hề chi
Ngọc sáng lưu ly
Càng tai ương lại càng thêm vô úy
Trí huệ khai viết sách, dịch kinh
sách tân đồng môn, khuyến độ hậu sinh
Chín mươi ba năm chưa một ngày ngừng nghỉ
Ngọn đèn cháy sáng đến tận giọt dầu cuối
Hơi thở trả lại hư không, nhắm mắt xuôi tay
Thân tử đại lại về cát bụi
Mà tinh thần bất diệt thiên thu
Quảng rộng khắp muôn loài cùng bá tánh
Độ sơn hà và nhất thiết chúng sanh
Vạn lời khen, tán tụng cũng không cùng
Tâm Bồ Tát bút mực nào tả đúng
Huyền diệu sao ý chỉ Phật môn
Quang minh soi ba ngàn thế giới
Bạc danh tăng dựng tích trượng mở đường
Thuyền đạo pháp giữ la bàn đúng hướng.*

thơ **ĐỒNG THIÊN**
Át Lăng thành, 02232020

TỪ GIÁO LÝ TỨ DIỆU ĐỂ NGHĨ VỀ ĐẠI DỊCH CORONA

Chúc Phú

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

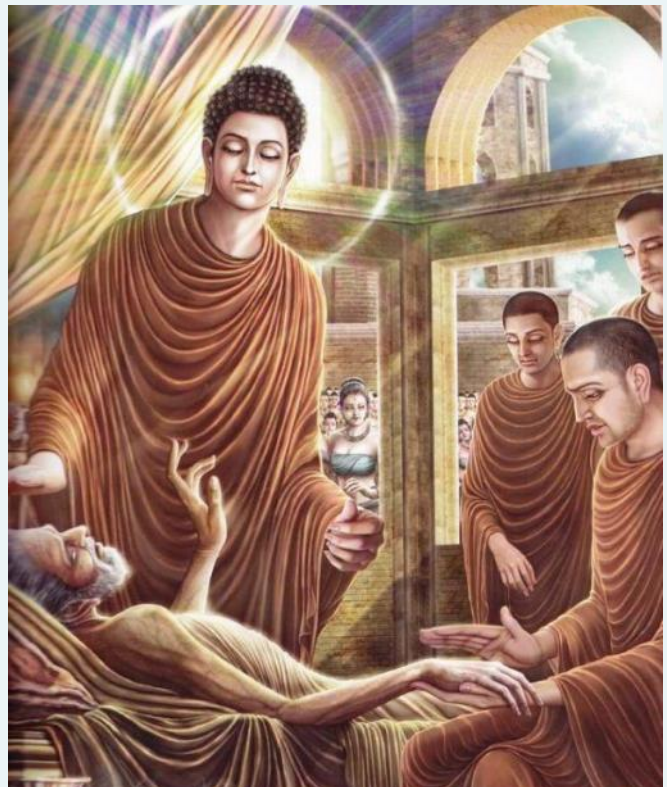
Bệnh tật, đó là điều không ai có thể tránh khỏi. Tuy nhiên, có những căn bệnh riêng lẻ, chỉ tác động trực tiếp lên mỗi cá nhân và cũng có những dịch bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe của cả cộng đồng. Dịch bệnh Corona, với tên gọi mới Covid-19 là một trường hợp như vậy, vì vừa ảnh hưởng trực tiếp đến mỗi cá nhân vừa có sự tác động liên quan đến cả nhân loại, không hạn cuộc quốc gia hay vùng lãnh thổ.

Từ khi dịch bệnh khởi phát tính đến hôm nay là đã gần hai tháng, với con số tử vong đã trên hai ngàn nhân mạng và những trường hợp lây nhiễm đã lên đến hàng chục ngàn người (tính đến giữa tháng 2.2020 khi tác giả viết bài này – chú của CP). Đây quả là dịch bệnh cực kỳ nghiêm trọng mà đất nước Trung Quốc nổi riêng và cả thế giới nói chung đang tập trung toàn lực để ngăn ngừa và đối phó. Tính nghiêm trọng của dịch bệnh thể hiện ở chỗ là chưa có vaccine phòng hộ chính thức cùng với mức độ rất dễ lây lan, nên đã tạo ra những hiệu ứng dây chuyền và tác động đến nhiều lãnh vực mà trong đó có cả Phật giáo.

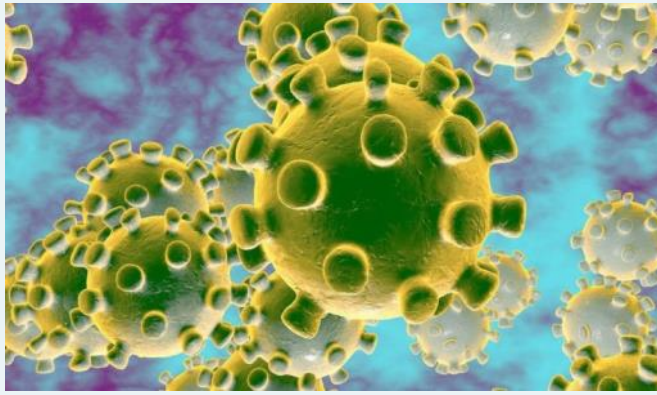
Đứng trước thực trạng này, với cái nhìn của một người đang dò dẫm học Phật, người viết đã có những trầm tư về giáo lý Tứ diệu đế, về phương diện như là một phương pháp luận, trong tính liên hệ và đối phó với dịch bệnh Corona. Trong Phật giáo, Tứ diệu đế là nội dung giáo lý quan trọng do chính Đức Phật thuyết giảng, có tính khả dụng trong nhiều lãnh vực thực tiễn, nếu như người thực hành có đủ tuệ giác và nhân duyên.

Thứ nhất, nhận thức chân thực về khổ (Khổ đế).

Khổ là một thực tại không thể chối bỏ. Dẫu rằng, hình thức, mức độ, không gian, thời gian... ở mỗi giai đoạn lịch sử có khác nhau nhưng tính chất chung của Khổ đế là gây



ra đau khổ, buồn lo và vô số hệ lụy kéo theo trong cuộc đời mà bất kỳ ai cũng không hề mong muốn. Đại dịch Corona là một thực tại như vậy. Theo lời dạy của Đức Phật thì người học Phật cần phải nhìn thẳng, đối diện với thực tại này và nhất định không tìm cách né tránh. Thái độ nhìn thẳng, nhìn đúng bản chất của thực tại là một thái độ đúng trong mọi lãnh vực và cực kỳ quan trọng, cần thiết khi đối diện với đại dịch Corona. Mọi sự trốn tránh, giấu nhẹm thông tin liên quan đến dịch bệnh này từ mỗi cá nhân hay cộng đồng xã hội là một thái độ ứng xử thiếu vắng đạo đức. Cụ thể hơn, việc làm này không những gây tổn hại cho mình mà còn phương



hại đến tha nhân, trái ngược với những tôn chỉ căn bản mà Đức Phật đã chỉ dạy. Nói cách khác, che giấu dịch bệnh là một hành động tội lỗi. Ở đây, thái độ đúng mực của người học Phật nói riêng và bất cứ ai quan tâm đến đại dịch này là cần phải trang bị một nhận thức đầy đủ về mọi phương diện liên quan đến dịch bệnh. Đây là thái độ ứng xử đúng mực và cấp bách, liên quan đến sự an nguy của chính mình hay của cả cộng đồng nhân loại trong giai đoạn hiện nay.

Thứ hai, nhận thức chân thực về nguyên nhân của khổ (Tập đề).

Nguyên nhân khổ đau của kiếp người không chỉ có một. Thực tại khổ đau của đời sống con người phát xuất từ nhiều nguyên nhân, có những nguyên nhân gần, có những nguyên nhân xa, có những nguyên nhân tiềm tàng, khó thấy và cũng có những nguyên nhân hiển lộ ngay trước mắt mọi người. Với Phật giáo, khổ đau lớn nhất của cuộc đời, của kiếp người là còn phải nổi trôi trong luân hồi sanh tử và nguyên nhân của nỗi khổ đó xuất phát từ tham ái. Bên cạnh nỗi khổ đau lớn đó còn có những khổ đau từ hiện thực, cụ thể của đời sống nhân sinh mà ở đây là đại dịch Corona. Nếu đại dịch này là một thực tại khổ đau như đã nói thì nguyên nhân của nó xuất phát từ đâu? Tính đến hôm nay, giới khoa học đã chỉ ra có rất nhiều nguyên nhân góp phần tạo nên dịch bệnh. Có những nguyên nhân mang tính kế thừa, vì dịch bệnh Corona được gây ra bởi một chủng virus đã được nhận diện từ trước, nhưng có những biến cải mới, nên được giới chuyên môn đã từng gọi là chủng mới Corona. Có những nguyên nhân mà giới khoa học đã chỉ ra, đó là sự xâm lấn, can dự thô bạo vào đời sống của một số giống loài động vật hoang dã. Đó là sự lây lan virus từ những vật chủ, như các loài dơi chằng hạn, vốn sống trong hang động, trong núi rừng, trong những điều kiện đặc thù của riêng chúng. Sự hiện diện của những khu chợ động vật hoang dã không được kiểm soát, trong cộng đồng dân cư là một trong những nguyên nhân phát tán vô số mầm bệnh có thể dẫn đến nhiều nguy hiểm, tai ương. Có những nguyên nhân gần, mang tính

trực tiếp, liên quan đến nhận thức, đến sự chủ quan của vài cá nhân và có cả sự thiếu sót của một bộ phận lãnh đạo xã hội ở những khu vực phát nguồn dịch bệnh, mà cụ thể là thành phố Vũ Hán, Trung Quốc. Trong tất cả, nguyên nhân cơ bản của đại dịch chính là virus Corona ở chủng mới với tên gọi vừa được định danh là Covid-19. Theo hệ quy chiếu của giáo lý Tứ diệu đế thì virus Corona chính là nguyên nhân cơ bản của khổ đau (Tập đề) mà nhân loại hiện đang gánh chịu. Nhận thức toàn diện, đầy đủ về chủng loại virus này và cơ cấu tác động của chúng là cơ sở để tạo ra vaccine để phòng bệnh, tiến đến ngăn ngừa và chấm dứt khổ đau.

Thứ ba, nhận thức chân thực khi khổ đau được chấm dứt (Diệt đế).

An lạc, hạnh phúc là điều mong mỏi của con người trong kiếp sống này. Có những thứ an lạc nhất thời và cũng có những an lạc mang tính lâu dài, miên viễn. Với kẻ lữ hành đời đời thì hạnh phúc đôi khi chỉ là một bữa cơm, một ngụm nước, một chỗ nghỉ ngơi. Với người nông phu thì hạnh phúc lớn nhất là mưa gió thuận thời, là mùa màng và hoa trái bội thu. Với một người tu thì hạnh phúc lớn nhất chính là sự thắng vượt lòng tham trước. Với một bậc Thánh thì hạnh phúc lớn nhất là thông dong và tự tại trong cõi tử sanh và tùy duyên hóa độ cứu đời. Có thể nói rằng, hạnh phúc đó là khi khổ đau vắng mặt. Tùy theo tính chất, mức độ mà thực tại này được định danh với nhiều tên gọi khác nhau. Ở đây, với đại dịch Corona thì hạnh phúc lớn nhất là khi bị nhiễm bệnh mà được chữa khỏi. Trong biểu đồ dịch bệnh được các cơ quan có trách nhiệm cập nhật hằng ngày đã cho thấy, con số thoát khỏi căn bệnh này đang ngày một gia tăng. Nhận thức đầy đủ về điều này tạo nên một sự tự tin, một sự lạc quan vững chãi trong mỗi chúng ta. Ngoài ra, đối với những quốc gia, những vùng lãnh thổ, những cá nhân, những tập thể nằm ngoài vùng dịch bệnh, với sự an ninh sinh học được đảm bảo thì chúng ta phải nhận thức chân thực và đầy đủ về thực tại hạnh phúc mà mình đang có. *Không bệnh lợi tối thượng*, lời dạy của Đức Phật trong kinh *Pháp Cú* (Dhp.204) nhằm chỉ cho trường hợp này. Ở đây, nếu như tìm ra được những nguyên nhân gây ra nỗi khổ, mà cụ thể là cơ cấu tác động của virus gây nên dịch bệnh Corona thì chúng ta hoàn toàn tin chắc rằng, nhân loại sẽ tìm lại an vui và nhất định sẽ đẩy lùi dịch bệnh. Sống cần phải lạc quan và sự lạc quan đó phải dựa trên những cơ sở lý luận đã được chứng minh, trải nghiệm trong thực tiễn đời sống.

Thứ tư, nhận thức chân thực về con đường diệt khổ (Đạo đế).

Đang ở trong lo lắng và khổ đau, biết được nguyên nhân gây ra khổ đau và hiểu

rõ hạnh phúc khi khổ đau vắng mặt là những tiền đề giúp cho chúng ta vững tin đi theo con đường diệt khổ. Ở đây, tùy theo từng nỗi khổ mà phải biết lựa chọn cho mình những phương pháp diệt khổ khác nhau. Con đường diệt khổ mà Phật giáo đưa ra, theo suy nghĩ chủ quan của người viết, là con đường lý tưởng và khó có thể hoàn tất trong một kiếp người. Tuy nhiên, mỗi chúng ta có thể thực hành một phần con đường đó, là có thể nhận lấy kết quả an vui trong từng giai đoạn thực hành. Không những thế, trong mỗi hoàn cảnh sống, mỗi giai đoạn lịch sử chúng ta phải đối diện những nỗi khổ đau khác nhau và lẽ tất nhiên con đường diệt khổ cũng hoàn toàn khác biệt. Cụ thể là, đối với những nỗi khổ đau, lo sợ, nghi ngờ, hoang hốt do dịch bệnh Corona gây ra, mãi tới hôm nay nhân loại nói chung vẫn chưa tìm ra một con đường chính thức, chủ yếu, tối quan trọng để diệt trừ nỗi khổ này, nhưng với những ca nhiễm bệnh được chữa lành, đã cho thấy rằng, một phần của con đường đó đã được tìm thấy. Như vậy, vấn đề chủ yếu và tối quan trọng ở đây chính là, muốn thoát khỏi dịch bệnh (*Khổ đế*) thì cần phải thực hiện theo những khuyến nghị do cách nhà khoa học có thẩm quyền đưa ra (*Đạo đế*). Kể từ khi dịch bệnh khởi phát, dựa trên những thành tựu y khoa của thế giới và thực tế lâm sàng, các cơ quan có thẩm quyền đã đưa ra những khuyến nghị có cơ sở khoa học như: bổ sung sức đề kháng, nâng cao sức khỏe tổng trạng, điều trị từng triệu chứng, khử trùng những yếu tố trung gian gây lây nhiễm, trang bị khẩu trang, hạn chế tụ tập đông người... là những giải pháp căn cơ bước đầu, là những con đường tuy nhỏ, nhưng hứa hẹn mang đến sự vững chãi và an vui. Sự nhận thức đầy đủ và thực hành nghiêm túc về những giải pháp an toàn sinh học đầu tiên này, là cơ sở để ngăn ngừa dịch bệnh và cũng là cơ hội để các nhà khoa học có đủ thời gian tìm ra vaccine tối ưu, để khống chế hoàn toàn và dập tắt dịch bệnh.

Một con muỗi đập cánh ở Cancun, Mexico thì ở Philippines có gió mùa. Tôi chưa thể nhớ ra nhà văn nào đã viết như thế nhưng câu văn đó trùng khớp một phần với lời dạy của Đức Phật từ hàng ngàn năm trước: *Cái này có thì cái kia có, cái này sinh thì cái kia sinh.* Cụ thể hơn, nhận thức đầy đủ về lý thuyết duyên khởi giúp chúng ta sống có trách nhiệm, có hiểu biết, có thương yêu, biết được rằng hành động của mỗi cá nhân sẽ tác động ra sao đối với cộng đồng và ngược lại. Bởi lẽ, thực tế biến động của dịch bệnh Corona hôm nay đã chỉ ra rằng, sự an lạc đúng nghĩa của mỗi cá nhân là cơ sở hạnh phúc của cả cộng đồng và xa hơn là cả toàn nhân loại.



QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT

*Dền hoa rực rỡ thình không
Thanh xuân bầy đoá sen hồng thắm tươi
Nhịp nhàng vũ khúc tuyệt vời
Dâng hoa cúng Phật tâm ngời từ bi
Tri dũng Phật học thường tuyền
Vô ưu lá biếc uy nghi Đạo Tràng
Quán Âm niệm Phật ngân vang
Xuân huy hiện hữu trên ngàn sắc hoa
Đôi tay Bồ Tát hiện hoà
Nguyện hằng che chở cho đàn con thơ
Câu kinh Bát Nhã tôn thờ
Chiếu kiến ngũ uẩn bèn bờ sắc không
Thanh tịnh nở đoá sen hồng
Bồ đề An Lạc tâm đồng chân như.*

19.2 Canh Tý 2020

thơ **TUỆ NHA**



KHÔNG KỲ THỊ TÔN GIÁO

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Sống đạo, tu đạo, hành đạo, học đạo
nghệ thuật, đó là cách truyền giáo
chân chánh.

Kỳ thi tôn giáo là trực tiếp hay gián tiếp
xác nhận cùng mọi người là đạo lý của chính
mình, đạo mình thua hoặc không bằng đạo lý,
đạo giáo của kẻ khác.

Đứng về phương diện đạo đức con người,
tôn giáo nào cũng có một hệ thống giáo dục
con người hoàn thiện hơn, tốt đẹp hơn, đạo lý
xã hội, từ đó quần chúng đương thời mới ký
thác đời mình, nương nhờ vào đó mà có cuộc
sống tinh thần thoải mái, an lạc, hạnh phúc
hơn.

Đứng về mặt nhận thức, Đạo Phật cho
rằng: Chân lý là tánh thường còn của vạn vật.
Chúng sanh có tánh thường còn, đó gọi là Phật
tánh.

Sở dĩ ta không trực ngộ được tánh Phật ấy
vì vô minh, mê lầm từ nhiều đời kiếp chèn mờ
khuất lấp. Ví như ta có một gia sản to lớn, tiền
nghỉ lương thực, thực phẩm dư thừa, no đủ,
nhưng chẳng may chúng ta bị mất ánh sáng,
quờ quạng, lo lắng đói khát, nếu ánh sáng trở
lại thì rõ thật không thiếu thứ gì.

Chúng sanh có đầy đủ khả năng để thành
Phật, vì ai ai cũng có Phật tánh. Ăn ở thất đức,
nói năng hành động thô bạo gây đau khổ tổn
hại cho người là xúc phạm đến Phật, là tự chối
bỏ Phật tánh của mình, là phản bội với chính
ta. Đó là kẻ tà kiến.

Chúa bảo: Chúa đã sáng tạo ra con người,
và chính Chúa đã hà hơi vào đó cho con người
một sự sống. Nên tất cả con người đều có hơi
hám của thượng đế, đều là con của đấng hằng
có. Kẻ nào ăn ở bất nhân đánh đập gây đau
khổ cho người anh em, là tự chối Chúa nhân từ
trong trái tim mình, kẻ ấy có tội.

Đức Phạm Thiên thì cho rằng tất cả con
người không đồng giai cấp, chính vì được sinh
ra từ thân Phạm Thiên. Như vậy có nghĩa là
con người có cùng một nguồn gốc, cùng là
những cơ quan, bộ phận của một thân thể.
Hoà thuận, tương thân, ái kính nhau thì cơ thể
khỏe mạnh. Chống kích nhau, sự kiện ấy chưa
từng có. Kẻ nào làm ngược lại như vậy là trái
đạo.

Như vậy trong một tổng thể được suy diễn:
Phật - Chúa - Phạm Thiên chính là lòng nhân ái
trong mỗi cá nhân con người.

Tin Phật - Kính Chúa - Trọng Phạm Thiên,
mà hạnh động sai quấy ác độc, ấy là kẻ dối đạo
gạt đời, chắc chắn sẽ bị ác báo.

Trong bất cứ tôn giáo nào đức tin cũng là
kim chỉ hướng cho thuyền đời ra khơi. Tin thì
phải học, học xong thì phải thực hành. Nghĩa là
hoàn thiện tư cách cá nhân, đó là cách góp
phần để xây dựng xã hội.

Trong tôn giáo nào cũng có sự phân tông
lập phái, lập dòng khác nhau. Đừng đem tâm
địa phàm nhân xuyên tạc là họ đã chia rẽ,
chống kích bất đồng, mà là tùy theo căn cơ
trình độ và kiến thức thế gian mà tận dụng sở
trường của mình để thực hiện sự học đạo, sống
đạo, tu đạo, làm cho tôn giáo thêm phần phong
phú.

Giá trị của tôn giáo cũng như các giáo phái,
giáo hệ, tông dòng là ở chỗ giáo dân và sứ giả
có nhất tâm quyết chí thực hiện đúng với bản
hoài của vị giáo chủ cùng chư lịch đại tổ sư hay
không.

Đời nay kẻ theo Phật mà không nghiêm giữ
giới luật tịnh hạnh không phải là ít.

Kẻ theo Chúa mà bán linh hồn cho quỷ,
đâu có thiếu gì.

Cho nên người Phật tử không nên xem
những tệ trạng nếu có trong tôn giáo bạn mà
có lỗi phạm đến thanh danh tôn giáo bạn.

Ngược lại phải chân thành cởi
mở góp phần chống các tệ
trạng trong tôn giáo. Bằng
không nên hằng xét lỗi mình,
đừng nói lỗi người.

Nói dễ, làm khó, nhưng
chỉ khó khi tu tưởng chưa
thống nhất. Tuổi trẻ phải có
ý chí bất khuất. Tâm hồn
phải phóng khoáng. Tất cả vì
lợi lạc quần sanh mà nhất
tâm hành động. Thế nào
Phật sự cũng viên thành.

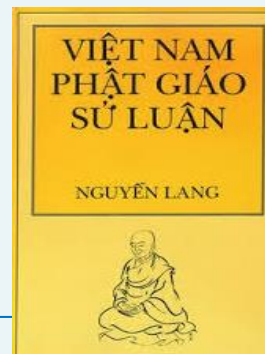


(Trích 52 *Câu Chuyện Dưới Cờ* — Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)

HỘI AN NAM PHẬT HỌC TRUNG KỲ

(Chương XXIV, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP II)

Nguyễn Lang



LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

THIÊN SƯ PHỔ HUỆ

Thiền sư Phổ Huệ (68) trú trì chùa Tịnh Lâm ở Bình Định cũng là một ngôi sao rất sáng của Phật giáo thời ấy. Thiền sư là người họ Trần, sinh năm 1870 tại làng Nhơn Thành tỉnh Bình Định. Ông xuất gia năm 1882 tại chùa Châu Long và tu học dưới sự hướng dẫn của thiền sư Từ Mẫn. Ông cũng đã được học Phật với thiền sư Luật Truyền (Pháp Chuyên), chùa Từ Quang, ở Phú Yên. Cũng như thiền sư Phước Huệ, ông đã từng được triệu vào hoàng cung thuyết pháp. Ông là khai tổ chùa Bảo Phong. Ông tịch năm 1931. Cao đệ của ông là thiền sư Huyền Giác kế trú trì tổ đình Tịnh Lâm rất thịnh vượng, tiếng tăm vang cả Trung Kỳ. Năm 1901 thiền sư Viên Thành, hồi ấy còn nhỏ tuổi và còn ở chùa Ba La Mật, đã được gặp thiền sư Phổ Huệ tại đại giới đàn Phú Yên và rất lấy làm cảm phục về kiến thức và đức độ của vị cao tăng này. Ước ao được thân cận mà không thỏa nguyện, Viên thành có làm một bài kệ sau đây, gửi cho Phổ Huệ:

*Bình bát truy tùy dĩ hữu niên
Đạo năng thâm kế diệc tiền duyên
Vân quang thuyết pháp hoa ưng trụ
Quý pháp Tô Tuân chí học kiên.*

Dịch:

Y bát bên mình trọn mấy niên
Đạo tinh thâm áo cũng tiền duyên
Vân Quang thuyết pháp hoa rơi rụng
Thẹn với Tô Tuân chí học bền.

Khoảng năm 1926, thiền sư Phổ Huệ có viết thư khen ngợi thiền sư Viên Thành về bài bạt mà ông đề trong ấn bản kinh Pháp Bảo Đàn ấn hành tại Huế năm 1925. Cảm động vì lá thư này, Viên Thành liền gửi vào hai bài kệ do ông sáng tác để trình bày kiến giải mình, để cầu thiền sư Phổ Huệ ấn chứng. Hai bài như sau:

*Tham thiền trực hạ liễu căn nguyên
Thánh giải phàm tình lưỡng bất tồn
Đại đạo khởi từ tâm ngoại đắc?
Yếu giao nhất niệm tuyệt phan viên.*

*Sơn cùng thủy tận chuyển thân lai
Bức đặc kim cương chính nhãn khai
Vạn tượng từng trung thân độc lộ
Niết bàn sinh tử tuyệt an bài.*

Dịch:

Tham cứu cho lên tột cội nguồn
Còn đâu ai thánh với ai phàm?
Ngoại tâm, đạo lớn tìm đâu thấy?
Nhất niệm chuyên trì dứt vạn duyên.

*Cùng non tột nước gửi thân về
Miền được kim cương mở mắt kia
Vạn tượng bao la thân hiển lộ
Niết bàn sinh tử có hề chi?*

Phổ Huệ có làm nhiều thơ nhưng hiện nay chỉ mới sưu tập được bài ông đề tặng thiền sư Chí Thành. Xin xem bài này ở phần nói về thiền sư Chí Thành ở Chương XXVII.

Thiền sư Viên Thành và thi phẩm Lược Ước Tòng Sao

Thiền sư Viên Thành như đã nói trên là một thi sĩ nổi tiếng. Ông là bạn thiết của thiền sư Giác Tiên, tên là Công Tôn Hoài Trấp, sinh năm 1879 ở Thừa Thiên. Ông xuất gia năm 1895 hồi 16 tuổi, tại chùa Ba La Mật và học với Thiền sư Viên Giác cho đến khi thiền sư mất vào năm 1900 (69). Năm 1901, ông thọ đại giới đàn tại giới đàn Phú Yên. Tại giới đàn này ông được đậu đầu trong các giới tử. Ông làm một bài văn tạ ơn hội đồng giám khảo bằng Hán văn, được các vị trong hội đồng khen ngợi và thưởng cho một bộ kinh Lăng Già Tâm Ấn,

một số y và một bình bát.

Chùa Ba La Mật là của gia đình Nguyễn Khoa lập nên, cảm thấy không được thoải mái ở đây, năm 1923 ông lên lập chùa Tra Am gần tháp thiền sư Viên Giác, thuộc về thôn An Cựu. Chùa chỉ là một thảo am vách đất nhưng rất đẹp và biểu hiện được tâm hồn yêu nghệ thuật của Viên Thành. Những cội mai và khóm trúc ông trồng được phối hợp với những tảng đá gành từ trên núi Ngự Phong về. Ông đặt tên dòng suối nhỏ chảy qua trước chùa là Tây Bát Lưu và chiếc cầu nhỏ bắc qua suối là Lược Ước Kiều. Tên chùa là Tra Am và là nơi đọc sách là Ngọa Vân Khôi. Chùa đẹp và giản dị khiến cho thượng thư bộ kinh tế là Nguyễn Khoa Kỳ một hôm đến thăm đã để lại một bài thơ sau đây:

*Nhịp cầu Lược Ước bắc sang khe
Một mái am tranh gió bốn bề
Cúc nở xuê xoang tuồng nệm gấm
Dây leo dòng dành bức màn the
Ngồi xem nước chảy đôi ghềnh đá
Đứng đợi trăng lên mây cụm tre.
Cảnh có, người vui, càng rộn lại
Mặt trời khuất núi vẫn chưa về.*

Tiêu Đầu Nguyễn Bá Trác, hồi đó đang trông nom phần Hán văn cho tạp chí Nam Phong, cũng đã viết bài thơ sau đây về Tra Am:

*Lộ chuyển thôn Khê tăng viện thâm
Ngọa chung thanh đậu trúc kiều âm
Chủ nhân tọa định tây song lý
Ly điệu đình hoa chứng đạo tâm.*

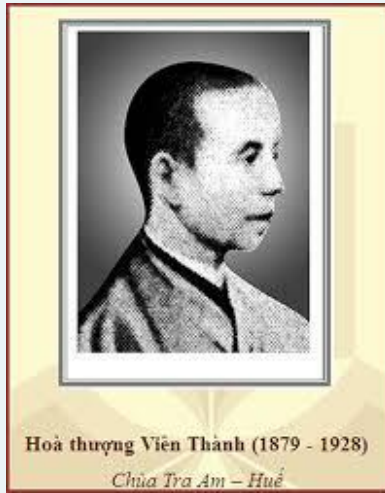
Vũ Hoàng Chương dịch như sau:

*Bóng gợn cầu tre nhịp ngọc chung
Âm u tăng viện lối đi vòng
Chủ nhân ngồi nhập thiền bên cửa
Hoa nở chim kêu chứng tỏ lòng.*

Ông thường giao thiệp thân mật với các thiền sư Tâm Tịnh, Huệ Pháp, Tịnh Hạnh, Giác Tiên, cùng các văn thi sĩ như Nguyễn Bá Trác, Nguyễn Cao Tiêu, Nguyễn Thượng Hiền, Phan Khôi, Lê Thiện Trai, Ưng Bình, Nguyễn Khoa Tân v.v... (70). Năm 1918, Phan Khôi có đưa Phạm Quỳnh lên chùa Ba La Mật để thăm Viên Thành.

Sau đó Phạm Quỳnh đã viết trong báo Nam Phong:

"Cao Tăng hiệu là Viên Thành Thượng Nhân, trú trì chùa Ba La Mật, làng Nam Phổ, cách Huế bốn năm mươi cây lô mét. Nhờ có ông bạn giới thiệu tôi mới biết được là thượng nhân, thực là cảm phục tư cách phong nhã, tư tưởng cao thượng của người... Bước chân vào trong tịnh xá, tưởng như nơi văn phòng của nhà thi nhân tao khách nào. Không phải do bày



biện đẹp không phải là cách trang sức khéo, nhưng bởi cái khí vị riêng của nó phảng phất ở trong cái phòng ấy, khiến người khách chơi biết ngay ông chủ nhân là người phong nhã tài tình. Mà thượng nhân quả là người tài tình phong nhã thật.

"Cái tài tình của Viên Thành Thượng Nhân thì không phải tìm đâu xa; cứ nghe ngay câu chuyện người nói cũng đủ biết; mỗi nhời như nhà ngọc phun châu, mà tưởng cứ tự nhiên thành bài thơ ứng khẩu vậy, người thơ chữ đã tuyệt bút mà thơ nôm cũng rất hay."

Thơ văn chữ Hán của thiền sư Viên Thành một phần được giữ lại trong tác phẩm *Lược Ước Tùng Sao* của ông. Tác phẩm này chỉ giữ được hai bài thơ Nôm. Ông Nguyễn Văn Thoa cho biết đã sưu tầm lại được khoảng ba mươi bài dưới các thể lục bát, song thất lục bát, hát nói và Đường luật (71).

Lược Ước Tùng Sao sao chép thơ từ, câu đối, bi ký do Viên Thành và các thân hữu sáng tác từ lúc ông còn ở Ba La Mật cho đến Tra Am. Riêng về thơ có gần bảy mươi bài bằng chữ Hán. Tác phẩm này, tuy chưa được in lần nào, nhưng đã được chính tác giả duyệt lại và chữa những chỗ viết sai.

Sau đây ta duyệt qua ít bài thơ của ông. Trước hết là ba bài thơ chữ Hán:

*1- Sơ lâm vũ quá tịch dương thì
Khê bạn hoành tương trúc dịch xuy
Nhất khúc tự ngu sơn thủy lục
Thử tình bất dữ bạch vân tri.*

Bửu Cầm dịch:

*Mưa tạnh rừng thưa lúc bóng tà
Bên khe tiếng sáo vắng đưa xa
Vui thay một khúc cùng non nước
Tình nọ mây kia để biết ta.*

*2. Tọa ủng quần phong phú bạch vân
Oanh đề thâm cốc bất tri xuân
Nham tiền hoa vũ tân phân lạc
Ngọa mộng sơ hồi thức cổ nhân*
Dịch:

*Nơi chốn non cao phủ bạch vân
Tiếng oanh hang vắng nhắc mùa Xuân
Hoa trên sườn núi thi nhau rụng
Tĩnh giấc trưa rồi nhận cổ nhân (72)*

*3. Tạc tiêu thanh tại thụ gian đa
Hạc lãnh sơn không nại nhĩ hà
Nhật mộ tiêu điều yu giáp vũ
Thụ phong niều niều Động Đình ba
Chi dư cố bách tam phân thúy
Vô phục sương phong nhị nguyệt hoa
Quái để Lan Đài bi Tống Ngọc
Bất như lưu khứ nhậm thủy tha.*

Vũ Hoàng Chương dịch:

Rì rào cây vắng tiếng đêm qua



Chùa Tra Am, Huế, ngày nay (photo: giacngo.vn)

Nghe lạnh đời không chiếc hạc già
 Vu Giáp chiều buông mưa lất phất
 Động Đình thu gợn sóng bao la
 Tùng khô chỉ sót đôi phần lá
 Bàng rợp đầu tìm một tán hoa
 Lạ nổi đau lòng chi Tống Ngọc,
 Còn hay mất hãy mặc trời xa.

Sau đây là một vài bài thơ Nôm:

1- Mai tĩnh, song thanh, lúc ngớt mưa
 Mành tương phẳng phất án sen đưa
 Tiếng chuông Thiên Mục canh hầu sáng
 Giác mộng hoàng lương đã tỉnh chưa?

2- Lững thững bên trời ngọn ráng thưa
 Dặng bờ thu thảo ngớt cơn mưa
 Rêu xanh đá mọc nhìn đường cũ,
 Khói biếc thành xây tưởng dấu xưa
 Mây phủ nhịp cầu sen ẩn ước
 Cây lồng bóng nước cảnh thừa ư
 Khách quen năm trước bây giờ đến
 Thử hỏi non sông đã biết chưa?

3- Thuyền từ một lá với với
 Biển trần chở biết mấy người trăm luân.
 Nhất thiết vô hữu như Phật già
 Phật là người hỉ xả tử bị
 Xem trong đời hư huyền có ra chi
 Đến thê tử quốc thành cũng bỏ
 Non tuyết lạnh sáu năm tu khổ hạnh
 Mành hình hài xem có cũng như không.
 Miễn tu hành đạo quả cho xong
 Xem nhân thế ví bằng như dế rách
 Vì ngài thấy chúng sanh trong hỏa trạch
 Những lao đao khổ ách nghiệt nghèo.
 Trái kiếp xưa gây nghiệp chướng đã nhiều
 Nên luân chuyển chịu điều báo ứng.
 Vậy ngài mới ra tay bạc chứng
 Vớt loài mê cho khỏi chốn trăm luân
 Trên thì báo đáp đấng quân thân
 Dưới đến mỗi loài đều tế độ
 Chuyển xe pháp rra đời dạy dỗ
 Dầu tiên phong thiên cổ hãy còn truyền,
 Đem lòng về phàn nàn hoàn nguyên
 Thời muốn kiếp được siêu nhiên trên cõi tịnh
 Tường quang thước phá thiên sinh bịnh

Cam lộ năng trừ vạn kiếp tai.
 Hãy khuyên người thay mắt đổi tai,
 Để cho ai nấy lâu dài kim thân
 Vui chi thứ một mảnh trần.

4- Người đời há dặng bao lâu
 Trắng rằng phút đã bạc đầu như chơi
 Thế giới như không hoa,
 Nhân sinh như mộng huyền,
 Ví bằng chẳng kiếm phương tu luyện
 Chi khỏi đầu huyền cảnh buộc vào mình?
 Trong trăm năm dặng mấy lúc an bình
 Rồi đã thấy tóc xanh thành tóc bạc.
 Hà tu đãi linh lạc
 Nhiên hậu thủy tri không?
 Những nâng niu sớm lục tối hồng
 Những xạ ướp hương xông nức nở.
 Non sông còn khi bồi khi lở
 Huống thân người như bóng đổ phù du
 Vui sướng chi mà đeo đuổi chốn diêm phù,
 Trong ba cõi ngó đường như hỏa trạch
 Chiếc thuyền từ sớm khuya đưa khách
 Nước thanh lương rửa sạch trần ai
 Hỡi xin người thay mắt đổi tai
 Thì chín phẩm liên đài lên có lúc
 Đạo thụ bất tài viên quả thực
 Linh căn vị chúng giác hoa hương
 Trên mây rủ tấm lòng thương
 Vậy nên xuống bước mở đường ngu mê,
 Phật tiên vốn cũng một lòng.

Văn chữ Hán của thiền sư Viên Thành rất trang nhã và có nhiều khí lực. Bài bạt ông viết cho kinh Pháp Bảo Đàn được rất nhiều bậc thức giả đương thời ca ngợi.

Thiền sư Viên Thành mất năm 1928, thọ 49 tuổi. Ông tu được ba mươi hai năm, ở Ba La Mật 27 năm và lên Tra Am được có năm năm. Đệ tử có bốn người: Trí Uyên, Trí Hiển, Trí Giải và Trí Thủ. Thiền sư Trí Thủ là người duy nhất xuất gia ở Tra Am. Ông đã trở thành một trong những cột trụ của Phật giáo Việt Nam cận đại.

(68) Giọng Bắc phát âm là Phổ Tuệ hay Phả Tuệ.

(69) Thiền sư Viên Giác tên là Nguyễn Khoa Luận, sinh năm 1834 tại Thừa Thiên. Ông đỗ cử nhân khoa Tân Dậu (1861) dưới triều vua Tự Đức. Ông từng làm án sát Quảng Bình, bổ chính Quảng Ngãi và Thanh Hóa. Sau khi triều đình đề nghị hòa với quân Pháp, ông thất vọng từ quan. Năm 1886 ông xuất gia tại chùa Từ Hiếu, làm đệ tử thiền sư Cương Kỳ, được pháp danh là Thanh Chân, rồi về chùa Ba La Mật tu hành. Năm 1891 ông thụ tỳ kheo giới tại giới đàn Báo Quốc, cũng do thiền sư Cương Kỳ truyền giới. Ông tịch năm 1900, thọ 67 tuổi.

(70) Nguyễn Khoa Tân tự là Tứ Phương. Hiệu là Bình Nam, đã từng làm hội trưởng hội An Nam Phật Học. Ông là con thứ tư của

Nguyễn Khoa Luận (án sát Thanh Hóa, sau này di tu thành thiền sư Viên Giác chùa Ba La Mật). Đậu cử nhân năm 1894, ông giữ chức tổng đốc Quảng Nam, sau được thăng thượng thư bộ hộ, hiệp tá đại học sĩ sung cơ mật viện đại thần dưới triều vua Khải Định. Ông chơi rất thân với thiền sư Viên Thành. Ông học Phật bằng nhiều cách đọc Hải Triều Âm văn khố, và cũng nghiên cứu Duy Thức Học chung với Viên Thành. Có lần ông gửi tặng Viên Thành một bức ảnh có bốn câu:

*Mang mang đại địa trung
Hà chân nhi hà giả?
Chư Phật thị chúng sanh
Bình Nam diệc phi ngã*
Dịch:
Mênh mông trên cõi đất
Biết gì chân gì giả
Chư Phật là chúng sinh
Bình Nam cũng phi ngã.

Ông có làm bài thơ sau đây tặng Viên Thành:

*Thúy trúc hoàng hoa đại nhã
phong
Cao nhân tế sắc tịch dương
hồng
Tân thi ngâm biển hồn vô
trước
Tâm cộng nhàn vân quá thái
thông*
Dịch:
Trúc biếc hoa vàng trang nhã
phong
Cao nhân chiều ngâm giải mây
hồng
Thơ tiên ngâm mãi không
vướng
Lòng tự mây bay giữa hư
không.

Năm 1924, ông có gửi thỉnh một Đại Tạng Kinh gồm hơn 8.000 cuốn để biếu vua Khải Định. Kinh này được vua cất ở cung An Định để làm tài liệu học tập. Ông làm hội trưởng hội An Nam Phật Học năm 1935. Lễ Phật Đản năm ấy vĩ đại một phần quan trọng là do ông.

(71) Nguyễn Văn Thoa: Thiền Sư Viên Thành. Môn đồ Ba La Mật và Tra Am ấn hành. Nha Trang 1974.

(72) Chữ Cỗ nhân ở đây có nghĩa là tự tính, là mặt mũi xưa nay của mình.



(1928—2020)

TỔNG BIỆT HÀNH, THẦY THÍCH QUẢNG ĐỘ

(Kính dâng Giác Linh
Đại Lão Hòa Thượng Thích Quảng Độ)

*Nhứt giả lễ kính Đức Tăng Thổng
Chánh Kiến Ngài, pháp vi diệu thông
Nhị giả xưng tán Thầy Quảng Độ
Chánh Tư Duy, Ngài truyền sâu rộng
Tam giả tri ân Thầy hóa độ
Chánh Ngữ tuyên dương đạo lý sống
Tứ giả Ngài, Sư Giả Như Lai
Chánh Nghiệp soi sáng đường mây rộng
Ngũ giả lễ “Bồ Tát Vô Úy” (1)
Chánh Mạng thanh cao đại chung hồng
Lục giả bạo lực Trượng Phu hê
Chánh Tinh Tấn Phước Tuệ song song
Thất giả bậc Đại Giác vong thân
Chánh Niệm quán các pháp đều không
Bát giả hành trì Bát Chánh Đạo
Chánh Định sinh thế gian hoà đồng.*

VI LINH cảm bái,
Cali 03/08/2020

(1): “Bồ Tát Vô Úy”, danh xưng được trích từ bài “Thầy Quảng Độ, Bồ Tát Vô Úy” của Thiền Sư Thích Nhất Hạnh (nguồn: Thư Viện Hoa Sen)

SUY NGHĨ TỪ BÁT NHÃ TÂM KINH

Nguyễn Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Bài viết này ghi lại một số suy nghĩ về Bát Nhã Tâm Kinh, một bản kinh phổ biến trong Phật giáo nhiều nước Châu Á, trong đó có Việt Nam. Bài viết hoàn toàn **không có ý tham dự vào cuộc tranh luận nào**, vì bản thân người viết không giỏi các ngôn ngữ Bắc Phạn, Nam Phạn, Hán Văn... trong khi chỉ được xem là tạm tạm biết Anh ngữ và tương đối khá Việt ngữ. Bài này cũng sẽ không phân tích theo sử liệu, cũng không dựa vào các luận sư đời sau. Nghĩa là, những suy nghĩ trong bài này khởi từ một vốn học què mùa, được nghe bản văn từ những ngày thơ ấu, hiểu theo những trực giác ấu thơ, thêm một phần từ lời dạy của các vị hòa thượng đã quá cố tại quê nhà và lớn lên với các sách tiếng Việt gặp được trong những năm tìm học, và rồi đọc lại nhiều thập niên sau khi ra nước ngoài.

Bài này sẽ viết ngắn gọn, chỉ nói về một vài câu (đúng ra, vài chữ) trong Tâm Kinh. Bài viết cũng không có đủ mức học thuật, và chỉ là những suy nghĩ riêng để ứng dụng trong đời thường. Nếu bài viết có lợi ích với bất kỳ ai, xin hồi hướng công đức tới khắp pháp giới chúng sinh; nếu sai sót, xin trọn lòng sám hối trước ba đời chư Phật.

...o...

TÂM KINH DÙNG CHO MỌI TRÌNH ĐỘ

Bài này sẽ suy nghĩ dựa vào bản của Ngài Huyền Trang, bản văn nằm trong Kinh Nhật Tụng của đa số Phật Tử Trung Hoa, Việt Nam, Đại Hàn, Nhật Bản... Khi đưa vào Kinh Nhật Tụng, chư Tổ sư Trung Hoa hẳn là nghĩ rằng Tâm Kinh cần được nghe với già trẻ lớn bé, với cả học giả lẫn người mù chữ, với cả người đã tu nhiều thập niên cho tới người mới đặt chân vào cổng chùa. Có nghĩa là, kinh này không để riêng cho giới học giả, và người tụng đọc và hành trì không cần phải uyển bác thiên kinh ngàn quyển.

Tuy nhiên, khi gọi rằng kinh này đưa qua bờ bên kia, nghĩa là kinh này dạy pháp giải thoát

thích nghi cho tất cả Phật Tử. Và do vậy, nên học thuộc và nghiền ngẫm từng chữ.

CHỮ "SẮC" CÓ 2 NGHĨA

Có một điều dễ nhầm lẫn là về từ Hán-Việt: chữ "sắc" đọc trong tiếng Việt là một âm, nhưng trong Tâm Kinh dùng cho hai nghĩa khác nhau.

Chữ "sắc" dùng trong "sắc uẩn" có thể dịch là "thân và sáu căn" (sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý).

Nhưng giữa bài Tâm Kinh, chữ "sắc" cũng dùng trong câu:

...*vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp...*

Như thế, chữ "sắc" trong này không có nghĩa như trong "sắc uẩn" và câu vừa dẫn chỉ có nghĩa là, dịch:

...*không hề có cái được thấy, không hề có cái được nghe, không hề có cái được ngửi, không hề có cái được chạm xúc, không hề có cái được suy nghĩ (nhận biết bởi ý thức)...*

Vì chữ "sắc" trong bản Hán-Việt mang hai nghĩa như thế, bản thân người viết khi còn niên thiếu đã rơi vào chỗ mơ hồ. Nhưng thực sự, phải chăng những mơ hồ như thế, mới thúc đẩy người tụng đọc phải đi tìm ý nghĩa từng chữ? Đây chỉ là suy đoán, vì toàn thể bài Tâm Kinh như đường lức nào cũng phủ đầy một lớp sương khói mơ hồ.

THẤY THỰC TƯỚNG NĂM UẨN LÀ KHÔNG

Câu đầu có nhóm chữ: *chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*. Nghĩa là hệ soi chiếu và thấy năm uẩn đều là không, sẽ qua được mọi khổ ách.

Soi chiếu và thấy... có nghĩa là thấy bằng trí tuệ. Rằng thực tướng năm uẩn là không. Câu kế tiếp sẽ giải thích rõ hơn.

Tâm Kinh viết: *Xá-Lợi-Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. Thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị*.

Nghĩa là: *sắc không khác không, không không khác sắc, sắc chính là không, không*

chính là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng là như thế.

Bản của H.E. Garchen Rinpoche, cũng như bản của một số học giả dịch chữ:

Sắc trong "sắc bất dị không" là "Body." Tiếng Việt hiểu là "Thân"...

Đa số các học giả (kể cả Đức Đạt Lai Lạt Ma) dịch "sắc" là "Form"... Tiếng Việt hiểu là "Hình hài"...

Cả hai cách dịch "Body" và "Form" đều không làm rõ nghĩa "sắc uẩn."

Nếu dịch rõ nghĩa sẽ là: "**Thân và sáu căn không khác gì với không**"... Nhưng như thế, sẽ khó tụng đọc trong bản kinh cô đọng, cần học thuộc lòng.

Trong khi đó, chữ "không" đa số học giả đều dịch là "emptiness" – hiểu là, *rỗng rang không tự tánh*.

Có một số học giả dịch chữ "không" là "the boundless" – hiểu là, *cái rỗng rang vô tận*. Muốn ám chỉ rằng, cái rỗng rang không có gì hết này thực ra có thể sinh ra các pháp.

Cả hai cách dịch đều đúng. Nhưng để tụng đọc, để học thuộc lòng, chữ "không" ngắn gọn và dễ nhớ hơn, và thực ra sẽ gây nghi vấn nhiều hơn, để học nhận tự tìm hiểu. Trong khi chữ "the boundless" dễ gây nhầm lẫn là có cái gì vô tận đó.

KINH NA TIÊN TỖ KHEO: NGÃ, PHÁP ĐỀU KHÔNG

Có thể thấy ý "sắc bất dị không" giải thích rất rõ trong Kinh Na Tiên Tô Kheo.

Đại sư Na Tiên nói với Vua Di Lan Đà rằng Na Tiên chỉ là cái cái tên Na Tiên, chớ không hề có cái gì gọi là "ta" hay "của ta" trong Na Tiên, không hề là tóc, răng, da, thịt, tủy, gân... cho tới mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý... cho tới sắc, thọ, tưởng, hành, thức... cũng đều rỗng rang không tự tánh.

Sau khi nói về người (personality, state of being a person) vốn thật rỗng rang vô tự tánh, Đại sư Na Tiên dẫn ra thí dụ về chiếc xe (tức là pháp, là đối tượng được thấy, được nghe, được sử dụng...)

Đại sư Na Tiên nói với Vua Di Lan Đà rằng gọng xe, trục xe, bánh xe, mui xe... đều không phải là xe, và "tất cả các món ấy hợp lại và buộc chung với nhau" cũng không phải là xe.

Do vậy, Kinh Na Tiên Tô Kheo, bản Việt dịch của Cao Hữu Đính, viết:

"Thấy nhà Vua ngồi cầm nín và các quan chức thì tỏ lòng tán dương bằng nhiều cách khác nhau, Đại đức Na Tiên bèn từ hòa tâm với nhà Vua rằng:

-- Trong kinh, Phật có dạy như vậy: "Hiệp các món gọng, thùng, bánh, mui... theo một mẫu mực nào đó thì thành một cái mà người ta tạm gọi là xe. Cũng như thế, hiệp tất cả đầu, mặt, tay, chân, hơi thở, lời nói, sự khổ, sự vui, điều lành, điều dữ... thì cũng thành một đơn vị mà người ta tạm gọi là cái "ta" để tiện bề phân biệt. Chứ thật ra thì không có cái "ta" chơn thật

nào cả! Đúng như lời của nữ tôn giả Hoa Si Ra (Vajirā) đã bạch với Đức Thế Tôn khi Ngài còn tại thế: "Danh xưng xe sở dĩ có là do nhiều món đồ hợp lại là về thành. Nhiều món cơ thể về thành một vật mệnh danh là chúng sanh"... (1)

Như thế là các pháp (dù là ta, người, vạn vật) chỉ là danh thôi, và là vô ngã, là rỗng rang vô tự tánh.

Khi đã thấy các pháp rỗng rang vô tự tánh, tức khắc tất cả các tâm tham sân si tan hết, y hệt như tuyết rơi trên lò lửa đang cháy. Xa lìa tham sân si tức nhiên giải thoát.

MẮT, TAI, MŨI, LƯỖI... LÀ KHÔNG

Trong Tương Ưng Bộ, có Kinh SN 35.85 -- dựa vào 2 bản Anh dịch của Thanissaro Bhikkhu và của Bhikkhu Bodhi, chúng ta trích dịch nơi đây như sau:

"Đức Phật dạy: Ananda, thế giới là không (Empty is the world), bởi vì nó rỗng rang không tự ngã, và nó không tùy thuộc vào bất kỳ cái được gọi là tự ngã nào. Và cái gì rỗng rang không tự ngã và không thuộc về cái gì gọi là tự ngã? Ananda, mắt là rỗng rang không tự ngã, và rỗng rang không tùy thuộc vào cái gì gọi là tự ngã. Cái được thấy là rỗng rang không tự ngã và không tùy thuộc vào cái gì gọi là tự ngã. Nhãn thức rỗng rang không tự ngã và không tùy thuộc vào cái gì gọi là tự ngã. Nhãn xúc rỗng rang không tự ngã và không tùy thuộc vào cái gì gọi là tự ngã... Bất cứ thọ nào khởi lên do duyên ý xúc – dù là lạc, khổ, hay bất khổ bất lạc – cũng rỗng rang không tự ngã và không tùy thuộc vào cái gì gọi là tự ngã..."

Tương tự, với tai, mũi, lưỡi, thân, ý... đều rỗng rang không tự tánh... Do vậy thế giới là không." (2)

Thế giới theo Đức Phật định nghĩa là tất cả những gì chúng ta thấy, nghe, nhận, biết... Và ngoài thế giới này, là ở ngoài giới vực của chúng ta.

Trong Kinh SN 35.23 - Sabba Sutta: The All, Đức Phật giải thích về thế giới, tương tự, dựa theo 2 bản tiếng Anh sẽ được dịch như sau:

"Chư tăng, cái gì là tất cả? Mắt và cái được thấy, tai và cái được nghe, mũi và cái được ngửi, lưỡi và cái được nếm, thân và cái được chạm xúc, tâm và hiện tượng được nhận biết. Đó gọi là tất cả..." (3)

Với hai kinh vừa dẫn, chúng ta có thể hiểu được gần hết bài Tâm Kinh.

TÂM KINH TRONG THIỀN TÔNG

Bát Nhã Tâm Kinh theo truyền thuyết là đức kết tư tưởng Bát Nhã của thời kỳ Ngài Long Thọ. Và được Thiền Tông nhìn như pháp tu viên đốn (viên là đầy đủ, tròn đầy, không thiếu sót; đốn là ngay tức khắc, không mài giũa tuần tự). Nơi đây, chúng ta sẽ khảo sát thêm về nghĩa này.

Khi chúng ta lùi ra xa, nhìn về Đại sư Na

Tiên, hay khi nhìn về chính mình hay nhìn về bất kỳ ai, đều sẽ thấy đó là một khối lung linh đang vận hành, đang thuyết pháp, đang tụng kinh, đang nói cười ngủ nghỉ, đang đi đứng nằm ngồi...

Tương tự, lùi ra xa, nhìn về chiếc xe mà Đại sư và Vua Di Lan Đà thảo luận, hay nhìn về bất kỳ chiếc xe nào khác, hay bất kỳ những gì trên thế gian này, cũng sẽ thấy chỉ là một khối lung linh đang vận hành, khi xe ngừng, khi xe chạy, khi xe mòn, khi chở nặng hay chở nhẹ...

Tất cả đều linh linh trong cái Rỗng Rang Vô Tự Tánh, ngắn gọn là Không.

Giải thích ngắn gọn về cái vận hành đó sẽ là Luật Duyên Khởi, rằng cái này có nên cái kia có. Rằng khi Đại sư Na Tiên đang thuyết pháp, hay khi chiếc xe đang chạy nghĩa là khi toàn khối "rỗng rang vô tự tánh" đang kích hoạt, gá nương vào nhau để vận hành. Và đó là nghĩa của "không bất dị sắc" (không chẳng khác gì sắc).

Khi nhìn về Đại sư Na Tiên hay chiếc xe, chúng ta thấy rằng tất cả đều hiện lên trong gương tâm của chúng ta. Nhà Thiền gọi là Một Tâm, hay Nhất Tâm. Cả thế giới hiện lên trong ánh sáng của gương tâm, và tâm này là rỗng rang nhưng năng chiếu.

Bây giờ, chúng ta nhìn về chiếc xe Đại sư Na Tiên vừa nói. Xe đó là cái được thấy, tiếng xe chạy là cái được nghe... Tánh Không của xe hiển lộ trước mắt và bên tai chúng ta. Như thế, xe là cái được hiển lộ trong gương tâm của chúng ta. Nơi Gương Tâm Rỗng Rang này, khi xe tới thì hiện xe, khi xe không tới hay đã qua thì chỉ còn cái lặng lẽ, nhưng ánh sáng chiếu diệu của thấy, nghe, nhận biết vẫn không biến mất.

Thiền Tông nói rằng nhận ra Gương Tâm Rỗng Rang Chiếu Diệu này, là pháp viên đốn, vì tức khắc xa lìa tham sân si. Gọi tắt là Thấy Tánh.

Có khi quý Thầy giải thích theo Duy Thức. Bây giờ, chúng ta thử lùi xa chiếc xe, và nhìn theo lời giải thích của Đại sư Na Tiên. Tất cả gong xe, bánh xe, mui xe, càng xe... đều hiển lộ trong tâm chúng ta như là thức (chư Tổ Trung Hoa có khi gọi là thức biến). Có một số Thầy khi dịch sang tiếng Anh gọi tắt cả những gì hiển lộ đó là niệm (thought), nhưng có lẽ chữ thức (consciousness) chính xác hơn. Như thế, đó là nghĩa vạn pháp chỉ là thức.

Đó cũng là lý do, khi thấy hai vị sư nhìn thấy phước động trước gió, tranh cãi rằng có phải phước động hay gió động, Lục Tổ Huệ Năng nói: "*Không phải gió động, không phải phước động, tâm các ông động...*"

Như thế, chúng ta thấy hiển lộ ra một số ý chỉ từ:

-- Kinh Lăng Nghiêm với câu "*toàn tướng tức tánh, toàn tánh tức tướng.*" Nghĩa là, tất cả những gì được thấy cũng là tâm hiển lộ, những gì được nghe cũng là tâm hiển lộ. Cái sở tri chính là cái năng tri (nhưng không phải là

năng tri, vì vốn thực là không). Cảnh hoa nở, tiếng chim kêu cũng là tâm hiển lộ.

-- Kinh Kim Cương với câu "*nếu thấy các tướng không phải là tướng, tức là thấy Như Lai.*" Nghĩa là, nếu thấy Na Tiên không phải Na Tiên, thấy xe không phải xe tức là thấy Gương Tâm Hiển Lộ Chiếu Sáng.

-- Kinh Hoa Nghiêm, nhà sư Nguyễn Thế Đăng viết trong sách "Đi Vào Kinh Hoa Nghiêm," trích:

"Tâm này là Phật, chúng sanh là Phật, thế giới là Phật. Đó là cái thấy biết kinh Hoa Nghiêm khai thị cho chúng ta. Tất cả những gì chúng ta thấy, nghe, hiểu, biết, xúc chạm, suy nghĩ... đều đồng một Phật tánh, đồng một tánh vàng như pháp giới vốn là vàng ròng.

Khi tất cả sáu căn, sáu trần, sáu thức đều trở lại nguyên thể của chúng là vàng thì tất cả là vàng không một mảy may hờ sót. Khi mỗi vi trần, mỗi niệm đều là vàng thì tất cả các vi trần, các niệm tương tức tương nhập, tương dung tương nhiếp một cách vô ngại, hiển bày pháp giới Hoa Nghiêm...

...Bản tánh của tâm chúng ta và thế giới là tánh Không, do đó mỗi tư tưởng của chúng ta và mỗi hình tướng chúng ta thấy đều là tánh Không. Thấy được bản tánh của tất cả các pháp hay "thật tướng của tất cả các pháp" là tánh Không thì thấy được Pháp thân của chư Phật." (4)

Bởi vì tất cả các pháp không lìa tâm mà hiển lộ ra.

BƯỚC QUA BỜ BÊN KIA

Có một suy nghĩ có thể khởi lên: Bát Nhã Tâm Kinh nhấn mạnh ý nghĩa qua bờ bên kia, cuối bài là câu thần chú, được phiên âm trong tiếng Việt là: "*Yết đế, yết đế. Ba la yết đế. Ba la tăng yết đế. Bồ đề tát bà ha.*"

Bản tiếng Anh của Đức Đạt Lai Lạt Ma ghi thần chú tiếng Sanskrit này là: *tadyatha - gaté gaté paragaté parasamgaté bodhi svaha!* (Trang 130, bản sách giấy Essence of the Heart Sutra, NXB Wisdom Publications, 2014) và Ngài dịch ngắn gọn là "Go to the other shore." Nghĩa là, *đi qua bờ bên kia.*

Phải chăng, Tâm Kinh Bát Nhã là tóm gọn của Phẩm Qua Bờ Bên Kia trong Kinh Tập?

Phần thứ năm của Sutta Nipata là Phẩm Qua Bờ Bên Kia (Parayanavagga — The Chapter on the Way to the Far Shore).

Phẩm Qua Bờ Bên Kia là một trong 2 nhóm Kinh Nhật Tụng Sơ Thời được chư tăng ni tụng hàng ngày trong thời Đức Phật sinh tiền. Nghĩa là hai nhóm kinh rất xưa cổ. Hai nhóm kinh này đều không nói về Tứ Niệm Xứ, Bát Chánh Đạo... nhưng nói nhiều với tư tưởng Trung Quán, một hệ thống tư tưởng được Long Thọ khai triển, trong đó cô đọng là Bát Nhã Tâm Kinh.

Để độc giả có thể đối chiếu, sau đây người viết sẽ dịch một số câu từ Phẩm Qua Bờ Bên Kia, dựa trên 4 bản Anh dịch của Bhikkhu Bo-

dhi (không có bản điện tử, chỉ có bản giấy The Suttanipata, ấn bản 2017, có thể mua ở Amazon), của Anandajoti Bhikkhu, của Access to Insight [Ireland | Thanissaro], của Khantipalo. Ba bản sau có links ở (5).

Phẩm Qua Bờ Bên Kia viết theo thể thơ, ghi lại 16 cuộc hỏi đạo của 16 du sĩ Bà La Môn tới gặp Đức Phật. Sau mỗi cuộc đối thoại, nhóm 15 du sĩ đầu tiên đặc quả A La Hán tức khắc, và vị thứ 16 là ngài Pingiya đặc Thánh quả thứ ba, tức Bất Lai (hay A Na Hàm – sẽ không trở lại cõi này nữa, vì đã diệt sạch hai kiết sử Tham và Sân). Nghĩa là, nghe pháp xong là tức khắc giải thoát.

Gọi đây là một trong hai nhóm Kinh Nhật Tụng Sơ Thời vì Kinh Tăng Chi Bộ ghi rằng trong thời Đức Phật còn tại thế, có nữ cư sĩ Nanda mỗi rạng sáng đều tụng đọc lớn tiếng nhóm kinh Parayana-avagga - Qua Bờ Bên Kia. (6)

Mỗi kinh trong phẩm này gồm nhiều đoạn thơ, ghi số theo đoạn 4 dòng thơ, hay 5 hay 6 dòng thơ. Trong bản Khantipalo, đoạn thơ đầu ghi số 983, đoạn cuối phẩm ghi số 1156, như thế cả phẩm gồm 173 đoạn thơ. Nhưng bản Bhikkhu Bodhi chệch đi, đoạn đầu ghi số 976, đoạn cuối 1149, cũng là 173 đoạn. Bản Access to Insight cũng ghi số khác.

Chúng ta sẽ dịch ra văn xuôi một số ý kinh gần với âm hưởng Bát Nhã Tâm Kinh, cuối đoạn sẽ ghi số theo bản Khantipalo. Đầu các đoạn thơ dịch sẽ ghi tên người vấn đạo, đôi khi sẽ ghi thêm tiếng Anh, có khi ghi 2 dị bản tiếng Anh, cho rõ nghĩa. Các đoạn thơ dịch như sau, và cũng không cần lời bình.

Đức Phật dạy: Ajita, người hỏi rằng nơi đâu danh và thân sẽ tịch diệt không còn chút gì, ta nói rằng khi thức tịch diệt (cessation of consciousness) là hoàn toàn giải thoát. (1044)

Đức Phật dạy: Dhotaka, bất cứ những gì người thấy nghe hay biết, dù là [các cõi] trên cao, dưới thấp, khắp phương hướng, và chặng giữa; hiểu rằng đó là dây buộc vào cõi này, chớ có ước muốn sinh ra hay không sinh ra (don't create craving for becoming or non-..). (1075)

Đức Phật dạy: Upasiva, hãy tỉnh thức, hướng tâm vào không một pháp nào hết (looking to nothingness, focused on nothingness), không nương tựa vào một pháp nào hết (depending on nothing) để vượt qua trần lụy; hãy bỏ mọi cuộc nói chuyện, bỏ cả tham dục, hãy nhìn thấy tham dục biến mất từng ngày, từng đêm. (1077)

Đức Phật dạy: Upasiva, với người đã giải thoát, không có gì để đo lường nữa, không còn

gì để người khác nói về người này; khi các pháp với người đó đã hoàn toàn rỗng rang vô tướng, lời nói ngôn ngữ cũng rỗng rang dứt bật (when dharmas for that one are emptied out, emptied are the ways of telling too; when all phenomena have been uprooted, all pathways of speech are also uprooted). (1083)

Đức Phật dạy: Nanda, bất cứ những ai đã buông bỏ những gì được thấy, được nghe, được cảm thọ, buông bỏ cả giới đức, buông cả luyện tập, và cũng buông bỏ vô số pháp hành khác (whoever here has given up reliance on what is seen, heard, or sensed, and virtue and practices, and has also given up all the countless other ways) -- người đó biết rõ hoàn toàn về tham ái, và đã xa lìa ô nhiễm. Ta nói người đó đã vượt qua trần lụy. (1089)

Đức Phật dạy: Jatukanni, đối với người không còn tham chút gì về thân và tâm (altogether without greed for mind and body), sẽ không còn ô nhiễm nào hiện hữu nữa để người có đó thể bị cái chết kiểm soát. (1107)

Đức Phật dạy: Udaya, Với người không tìm vui trong cảm thọ dù trong hay ngoài, với người sống tỉnh giác như thế, thức sẽ tịch diệt (consciousness ceases). (1118)



THIỀN SƯ VIỆT NAM GIỮA CỠ SẮC VỚI KHÔNG

Bởi vì Bát Nhã Tâm Kinh là kinh nhật tụng tại Việt Nam, cho nên chúng ta thấy nhiều Thiền sư Việt Nam ưa sử dụng ngôn ngữ và hình ảnh về sắc với không. Thực sự, cũng là để chỉ pháp Thấy Tánh.

Như Thiền sư Viên Chiếu (999-1090) thời nhà Lý, có thơ:

*Nhược đạt tâm không vô sắc tướng,
Sắc, không ẩn hiện nhậm suy di.*

*Dịch: Nếu tâm được rỗng rang, cũng không dính tới sắc tướng gì,
Dù sắc với không, có ẩn hay hiện, thì vẫn xoay cũng mặc kệ.*

Thiền sư Tông Diễn (1640 - 1711) quê ở Cẩm Giàng, Hải Dương, có bài kệ:

*Ứng hữu vạn duyên hữu,
Tùy vô nhất thiết vô
Hữu vô câu bất lập
Nhật cảnh bốn đương vô.*

Dịch: Căn cứ muôn duyên có. Ứng không tất cả không. [Khi] có với không đều chẳng lập, mặt trời trí huệ hiện lên cao.

Cũng như với Thiền Sư Thanh Đàm, sinh trong thế kỷ 18, trụ trì chùa Bích Động ở làng

Đam Khê, phủ An Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Trong tác phẩm Thiền Sư Việt Nam, Hòa thượng Thích Thanh Từ viết về Ngài Thanh Đàm, và dịch một phần Pháp Hoa Đề Cương, trích:

"...Đến năm 1819, Sư sáng tác sách Pháp Hoa Đề Cương tại viện Liêm Khê. Trong đây, Sư có đặt ra một số câu hỏi để giải thích về Điều tâm như:

Hỏi: Tại sao không chỉ thẳng cái thứ nhất là Diệu Tâm xưa nay, mà lại chỉ cái thứ hai là căn tánh để làm phương tiện tu hành ?

Đáp: Tâm vốn vô hình, làm sao mà chỉ ? Trước kia tôi đã nói một lần rồi, ngôn thuyết và biểu thị, không nắm được tâm. Tuy vậy, dù tâm vô hình, nhưng sự ứng dụng của tâm lại có vết tích, vì có vết tích nên có thể chỉ bày khiến cho người tu học có thể nhìn vết tích của sự ứng dụng, do ánh sáng ấy mà về được tâm.

Hỏi: Dấu vết ấy ở đâu ?

Đáp: Ở trên đối tượng lục trần. Do sắc mà có cái thấy, do thanh mà có cái nghe, lục trần là dấu vết ứng dụng của lục căn. Nay muốn nắm được dấu vết của căn thì phải quan sát cái thấy cái nghe nơi đối tượng sắc thanh. Nên biết rằng công dụng của căn là công dụng của tâm, căn nhận biết là tâm nhận biết; cái khác nhau là căn có tới sáu công dụng, mà tâm chỉ có một bản thể tinh minh. Chư Phật truyền nhau là căn pháp này, các vị Tổ truyền nhau là tâm tông ấy. Đó là bí quyết mà các kinh điển chỉ bày để được căn bản trí. Pháp ấn truyền trao qua lại các thời đại cũng lấy cái ấy để phát giác sơ tâm. Chúng ngộ mau hay chậm là vì căn cơ rộng hay hẹp..." (7)

Thực sự, Thiền Tông như thế không có gì bí ẩn. Vì là xuất xứ từ hai nhóm Kinh Nhật Tụng Sơ Thời trong tạng Pali, và tất cả đều chỉ pháp viên đốn. Nghe xong, tức khắc thành A La Hán, y hệt Kinh Bahiya, không thấy gì để làm nữa, ngôn ngữ tự nhiên vắng bật. Thấy được Gương Tâm Rỗng Rạng Tịch Chiếu, sẽ thấy không cần gì phải tu nữa.

Tới đây, chúng ta kể một câu chuyện trong Thiền sử. Không nhớ trong Thiền Trung Hoa hay Nhật Bản. Vị thầy hỏi trò, hôm qua mưa gió mịt mù, đứng nơi góc rừng thấy mưa ào ạt trước mắt, nghe tiếng gió xô dạt cây rừng gầm rú. Hôm nay cảnh đó ở đâu.

Chúng ta nơi đây, không có ý muốn nói chuyện hôm qua, tuần qua, năm qua. Chỉ muốn nói về chuyện của khoảnh khắc hiện tại, khi mưa gió mịt mù, đứng nơi góc rừng thấy mưa ào ạt trước mắt, nghe tiếng gió xô dạt cây rừng gầm rú.

Chúng ta sẽ thấy như sau: trước mặt, tất cả các pháp (mưa rơi ào ạt) thực sự là rỗng rang không một pháp, cho nên CÁI ĐƯỢC THẤY tức khắc phải là không, nên hình ảnh chuyển biến ào ạt; tương tự, bên tai sẽ thấy, CÁI ĐƯỢC NGHE tức khắc phải là không, nên gió gào, cây rú chuyển biến ào ạt. Trước mặt, bên tai, đó là vô thường và vô ngã chảy siết. Đó là hiển lộ

của tâm, trong gương tâm rỗng rang tịch chiếu. Thấy như thế, là vô tu vô chứng. Và ngôn ngữ biến mất, vì không ai có lời nào để nói về màu xanh của cây rừng, hay nói về tiếng mưa đêm ni non, vì khi đã thấy và nghe cái "sắc bất dị không," tất cả tâm hành đều dứt bật.

Trong khoảnh khắc thấy như thế, đó là đương xứ tức chơn, đó là Niết bàn diệu tâm, là nơi vắng bật ngôn ngữ vì hề mở lời là dòng vô thường chảy xiết bỗng trở thành chuyện của khoảnh khắc hồi nãy, của giờ trước, của hôm qua, của năm qua... và là vướng vào bầy sinh tử luân hồi.

Và đương xứ tức chơn, đó là khi, thức đã tịch diệt...

GHI CHÚ:

(1) Kinh Na Tiên Tỳ Kheo: <https://thuvienhoasen.org/p19a949/phan-i>

(2) Kinh SN 35.85, bản Thanissaro Bhikkhu:

<https://www.accesstoinight.org/tipitaka/sn/sn35/sn35.085.than.html>

và bản Bhikkhu Bodhi: <https://suttacentral.net/en/sn35.85>

(3) Kinh SN 35.23, bản Thanissaro Bhikkhu:

<https://www.accesstoinight.org/tipitaka/sn/sn35/sn35.023.than.html>

và bản Bhikkhu Bodhi: <https://suttacentral.net/vn/sn35.23>

(4) Đi Vào Kinh Hoa Nghiêm: <https://thuvienhoasen.org/p17a25183/2-tam-phat-chung-sanh-ca-ba-khong-sai-khac>

(5) Bản Anandajoti Bhikkhu: <https://suttacentral.net/en/snp5.1>

Bản Access to Insight: <https://www.accesstoinight.org/tipitaka/kn/snp/index.html>

Bản Khantipalo: <https://suttacentral.net/files/snp.pdf>

(6) Velukantaki Nanda having got up in the last watch of the night was reciting loudly the Parayana Vagga... -- http://obo.genaud.net/dhamma-vinaya/mnl/an/07_sevens/an07.050.upal.mnl.htm

(7) Thiền Sư VN: <https://thuvienhoasen.org/a11314/phan-12>



BUÔNG BỎ CHẤP THỦ TỰ NGÃ ĐỂ AN VUI LÂU DÀI



Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Ai cũng quý thân tâm này, nó là tôi và của tôi, cũng từ đây mọi chấp thủ hình thành rồi sinh ra hết thảy phiền não khổ đau.

Đức Phật dạy cần nhìn thật kỹ, thật sâu sắc để thấy thân tâm này là duyên sinh, giả có, vô chủ, để rồi buông bớt chấp thủ về tự ngã. Buông được bao nhiêu thì an vui bấy nhiêu. Ai buông hết là giác ngộ, giải thoát.

"Một thời, Phật ở tại vườn Cấp Cô Độc, rừng cây Kỳ-đà, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn nói với các Tỳ-kheo:

- Những pháp không thích ứng của các ông, thì hãy nên liả bỏ hết. Nếu buông bỏ những pháp này rồi, các ông sẽ được an vui lâu dài.

- Tỳ-kheo, những pháp nào không thích ứng của các ông, mà các ông phải nhanh chóng liả bỏ? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không phải là pháp thích ứng của các ông, hãy liả bỏ hết. Nếu dứt sạch pháp này rồi các ông sẽ được an vui lâu dài.

- Giống như cây cối trong rừng Kỳ-hoàn; có người đến chặt cành lá rồi đem đi, các ông cũng chẳng lấy làm lo buồn. Vì sao? Vì những cây này chẳng phải ta, chẳng phải sở hữu của ta. Cũng vậy, này các Tỳ-kheo, những gì không là thích ứng của các ông, hãy liả bỏ tất cả. Nếu xa liả hết rồi, các ông sẽ được an vui lâu dài. Những gì không phải thích ứng của các ông? Sắc không phải là thích ứng của các ông, phải liả bỏ hết. Nếu xa liả rồi thì sẽ được an vui lâu dài. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức không phải thích ứng của các ông, hãy nhanh chóng liả bỏ. Nếu buông bỏ các pháp này rồi, sẽ được an vui lâu dài.

- Tỳ-kheo, sắc là thường hay vô thường?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thế Tôn, là vô thường.

Phật dạy:

- Tỳ-kheo, vậy vô thường là khổ phải không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thế Tôn, là khổ.

Phật bảo:

- Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thế Tôn, không.

- Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức là

thường hay là vô thường?

Đáp:

- Thế Tôn, là vô thường.

Phật bảo:

- Vô thường là khổ chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thế Tôn, là khổ.

Phật bảo:

- Nếu vô thường là khổ, là pháp biến dịch, vậy đa văn Thánh đệ tử ở trong đó có thấy có ngã, khác ngã, hay ở trong nhau không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thế Tôn, không.

- Tỳ-kheo, cho nên, những gì thuộc về sắc, hoặc quá khứ, hoặc vị lai, hoặc hiện tại; hoặc trong, hoặc ngoài; hoặc thô, hoặc tế; hoặc tốt, hoặc xấu; hoặc xa, hoặc gần; tất cả chúng đều chẳng phải ngã, chẳng khác ngã, chẳng ở trong nhau. Cũng vậy, thọ, tưởng, hành, thức... chẳng ở trong nhau. Thánh đệ tử phải quán sát năm thọ ấm này chẳng phải ngã, chẳng phải sở hữu của ngã. Lúc quán sát như vậy, đối với thế gian không có gì để chấp thủ. Vì không có gì để chấp thủ nên tự đạt Niết-bàn: 'Ta, sự sinh đã dứt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, tự biết không còn tái sinh đời sau nữa'.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo sau khi nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành."

(Kinh Tạp A-hàm, kinh số 269)

Khi đã thấy rõ như thật vô thường-khổ-vô ngã của năm uẩn, tuệ giác "không phải tôi, không phải của tôi, không phải tự ngã của tôi" mới có mặt. Không tuệ thì không thể buông, ít tuệ thì buông ít, nhiều tuệ thì buông nhiều, toàn tuệ thì buông hết, buông hết mới được giải thoát an vui.

Đức Phật dạy: Ngũ uẩn giai không. Hãy bắt đầu thiền quán, minh sát về vô thường của sắc (thân) cho đến thọ, tưởng, hành, thức (tâm). Chúng đổi thay, biến dịch, sinh diệt trong từng sát-na. Thấy rõ tính duyên sinh, giả hợp của mỗi uẩn và cả năm uẩn là tuệ giác lớn.

Cội nguồn của khổ là do vô minh, vì vô minh mà chấp thủ và tham ái. Phát huy tuệ giác để xả buông chấp thủ tự ngã chính là con đường đi đến an vui lâu dài mà Đức Phật đã đi qua và chúng ta phải thành tựu.

HOANG CẢNH

vạt chiều mây lênh đênh
quán cũ, bàn ghế lệch
ly rượu suốt bỏ quên
bên góc đời mỗi mệt
nâng lên rồi để xuống
lạnh lòng nỗi nhớ người
hình như ngày vừa rụng
một bóng chim ngang trời
gió thốc, hơi lạnh lùa
chân dung mờ khói thuốc
vắng lặng mọi giấc mơ
triển đôi sương lướt thướt.

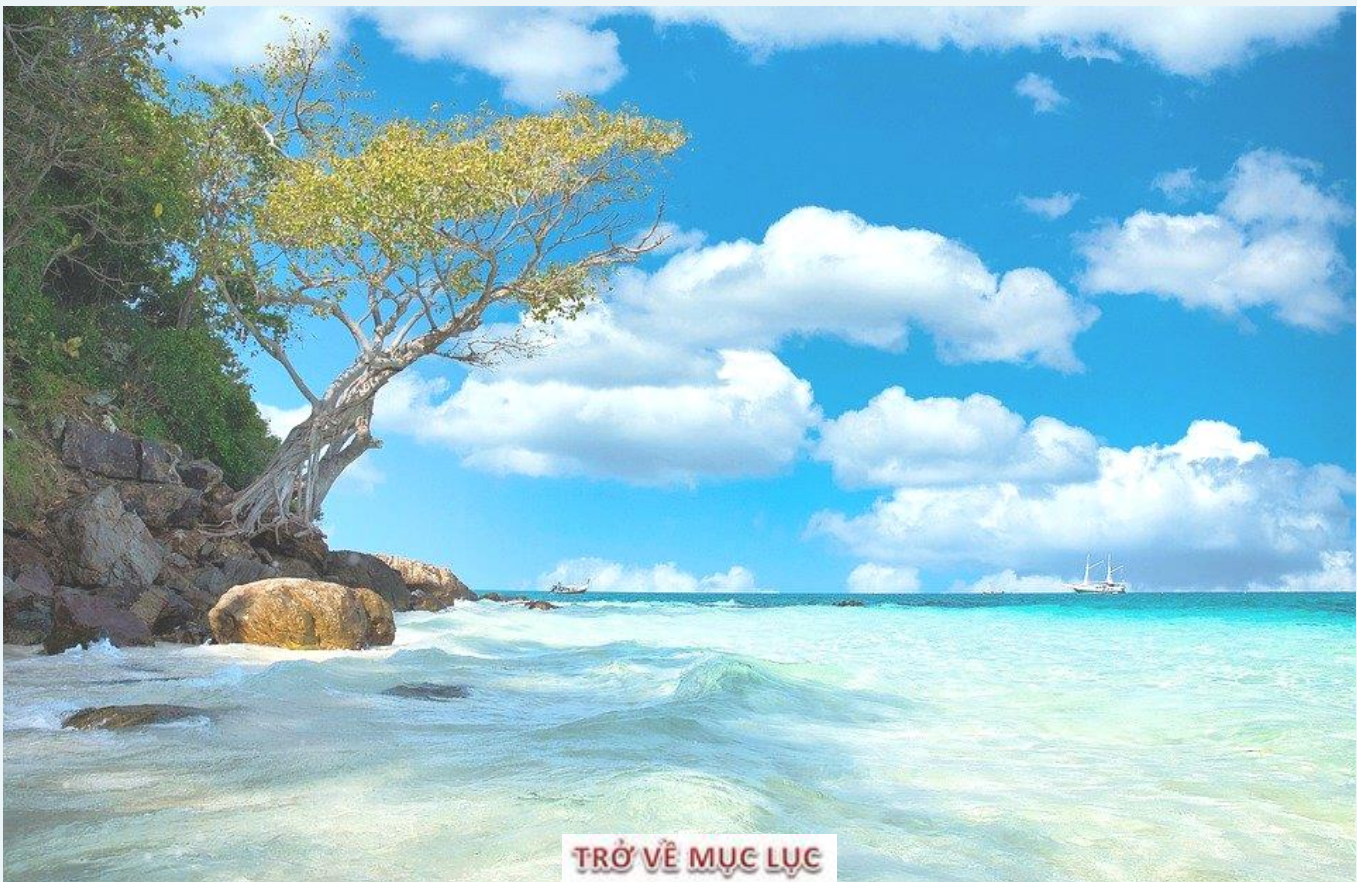
NGHIỆP LỰC ĐÔI HỒI

đu theo vô thức về non
non cao cánh mộng, non mòn cánh mơ
chèo về bến cũ kiếm bờ
vô tình vấp phải hồ đồ bán lại
phiêu lưu giấc mộng cũng dài
đôi khi hoang tịch lại đây chiêm bao
đi, về hai ngó trước sau
trước êm thân thức, sau đau tri tình
một chồng tà kiến đeo tìm
dứt ra thì uổng, nán thêm lại tàn
đời hồn trước, tâm mang mang
ngón tay chỉ cả triệu ngàn trắng bay.

HUÂN TẬP CA

về nghe hoa lá thắm thì
vang sâu tiết điệu xuân đi hạ về
về nghe rìng núi man di
xanh nguồn sơn dã tình quê gọi người
về nghe phỏ đổi đường đời
thâm sâu nhân nhục là lời báo ân
về nghe suối lở sông tràn
cô sơn khóc quạnh hai hàng tà huân
về nghe nắng phỏ mưa rìng
người đi sơ ngộ chín tầng nhân duyên
về nghe kinh sử trao truyền
bồ đề xanh lá trút huyền cơ bay
về nghe đêm trắng chờ ngày
công phu thúc liêm bút dây không thời
về nghe hôn rẻo gọi đời
mang mang tiếng sáo trên đôi vọng âm
về nghe óc nhà thơ tầm
cảo thơm mấy độ ân cần trao tin
về nghe huyền sử cổ kim
ngàn năm nán lại trần duyên tạ đời
về nghe giọt rượu tê môi
phỏ khuya chiếc bóng cuộc chơi đăng trình
về nghe tiếng gọi mộng mênh
bên triền thanh sử lênh đênh thả về.

thơ PHÙ DU



TRỞ VỀ MỤC LỤC

THIÊN PHẬT GIÁO PHÁT TRIỂN TRONG XÃ HỘI THIÊN CHÚA GIÁO

Huỳnh Kim Quang dịch

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trong những quốc gia nói tiếng Tây Ban Nha, Phật Giáo nằm ngay giữa bối cảnh lịch sử Thiên Chúa Giáo. Mỗi quan hệ giữa hai nền văn hóa tôn giáo – Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo – phủ lên một hình ảnh bao quát: từ chủ nghĩa bài xích nhau đến đối thoại hiệu quả, chuyển qua các cấp độ đa dạng của sự lãnh đạm nhau. Liên quan đến hai truyền thống tâm linh, Ana Maria Schlüter Rodés biểu hiện những gì bà gọi một cách chính xác là “song ngữ tôn giáo.”

Trong cuộc phỏng vấn với Daniel Millet Gil từ Buddhistdoor Global được dịch sang Anh ngữ và đăng trên trang mạng www.buddhistdoor.net hôm 27 tháng 2 năm 2020, Ana Maria nói về con đường tâm linh và thực hành Thiền của bà trong bối cảnh Thiên Chúa Giáo.

Ana María Schlüter Rodés sinh ra tại Barcelona vào năm 1935 trong gia đình cha là người Đức và mẹ là người Tây Ban Nha. Bởi vì trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ 2, bà sống tại Đức từ năm 2 tuổi đến 14 tuổi, và tại Tây Ban Nha sau năm 1949. Bà học về triết học và văn chương tại Barcelona, Hamburg, và Freiburg Breisgau (Đức), và tại Nijmegen và Utrecht (Hòa Lan), sau đó bà học tiến sĩ tại Barcelona, với luận án về chủ đề “Why Do Some See and Others Look But Do Not See?” [Tại Sao Có Người Nhìn Thấy và Những Người Khác Nhìn Mà Không Thấy?] Kể từ năm 1958, bà đã là thành viên của tổ chức tôn giáo Women of Bethany, sống tại Hòa Lan, một quốc gia mà tổ chức này được khai sinh, từ năm 1958 tới 1965.

Ana Maria là giảng sư về chủ nghĩa hòa đồng tại nhiều trường đại học Tây Ban Nha cho đến năm 1987, được mời bởi một giảng sư tại Viện Higher Pastoral Institute tại Madrid tại một cuộc họp về đoàn kết được tổ chức bởi kỹ giả Thụy Điển tại Sigtuna vào năm 1968. Lúc đó, bà sống tại một khu ngoại ô của Madrid, duy trì cam kết xã hội sâu sắc, gồm vai trò thư ký cho hiệp hội khu phố của bà.

Ana Maria trở thành phụ tá và thông dịch

viên cho Thầy Dòng Tên và Thiền Sư Hugo Enomiya-Lassalle (1898–1990) vào năm 1976. Vào năm 1985, sau một thời gian dài ở tại Nhật, Yamada Kōun Roshi phong bà làm thầy dạy Thiền, và vài năm sau Kubota Jiun Roshi ấn chứng bà làm Thiền Sư. Cùng với nhiều đệ tử, bà sáng lập Trung Tâm Zendo Betania Centre tại Brihuega (Guadalajara của Tây Ban Nha), nơi bà sống kể từ năm 1988. Ngày nay, bà đồng hành cùng với nhiều người trên con đường Thiền tại Tây Ban Nha và Mỹ Tây Cơ. Bà cũng phát biểu tại các cuộc hội nghị và đăng các bài viết và ấn hành sách.

Buddhistdoor en Español: Bà là tín đồ sùng đạo Thiên Chúa Giáo mà cũng là người thực hành và dạy Thiền. Xin cho chúng tôi biết về con đường tâm linh đã dẫn đưa một tín đồ Thiên Chúa Giáo trở thành được thừa nhận là một Thiền Sư.

Ana María Schlüter Rodés: Tôi có nhiều kỷ niệm không thể xóa nhòa về thời thơ ấu, như một bông hoa vàng nhỏ bé trong đám cỏ phủ sương mai, trong vườn của ông bà tôi. Và mùi thổ ngời khi nhặt những hạt gié nằm trong những chiếc lá mùa thu rơi rụng trong một khu vườn cây hạt gié rậm rạp lấp lánh với những giọt nước, để đổi chúng lấy dầu rau cải. Sự huyền bí của lòng tử tế và mộc mạc, điều mà con người nhận ra trong một cành hoa và khu rừng... Rồi sau này, ký ức về một ngọn núi hoàn toàn bị che khuất trong mây và việc đi bộ trên cao từ sương mù đến một không gian đầy bí ẩn, dãy núi Montserrat. Một cuốn Kinh thánh rút gọn, trong số ít những cuốn sách nằm trên bệ cửa sổ, đã củng cố nhận thức của tôi rằng con người không bao giờ bị bỏ rơi và luôn được che chở, ở giữa mọi thứ, và kèm theo Vị nào đó chúc lành cho họ.

Những nghiên cứu và sự phát triển lý trí của tôi đã dẫn đến một thời kỳ khủng hoảng của “niềm tin đen tối” này, dựa vào kinh nghiệm mà chỉ có lý trí thì không thể giải thích. Cho đến khi tôi hiểu, nhờ Blaise Pascal

(Pensées), rằng chức năng cao quý nhất của lý trí là nhận ra giới hạn của nó. Rồi thì, một điều rất sống động và đồng thời, một nhận thức rất đơn giản, vô hình, về Tình yêu của Chúa, có thể xảy ra.

Lúc này, thật là quan trọng trong cuộc đời tôi, dần dần vang lên 2 câu hỏi trong tôi:

1. Làm sao tôi có thể nuôi dưỡng kinh nghiệm này để nó già dặn?

2. Làm sao tôi có thể giúp người khác thức giấc đối với hiện thực này?

Điều này dẫn tôi đến Cộng Đồng của Women of Bethany, một đời sống tận hiến giữa thế gian. Ở một phạm vi khác, tôi đã viết luận án tiến sĩ của tôi về đề tài "Tại Sao Một Số Người Nhìn Thấy và Những Người Khác Nhìn Nhưng Không Thấy?" Nhưng tôi đã không hoàn toàn tìm thấy điều mà tôi tìm kiếm cho đến khi tôi khám phá ra Thiên.

Tiếp xúc đầu tiên của tôi là với Thầy Dòng Tên Enomiya-Lassalle, nhà tiên phong trong đối thoại liên tôn giáo. Ông mở đường cho những tín đồ Thiên Chúa Giáo thực tập Thiên và là Thiên Sư Thiên Chúa Giáo được thừa nhận bởi Thiên Sư Phật Giáo Nhật Yamada Kōun Roshi. Ông đã dựng lên trung tâm Thiên được gọi là Shinmeikutsu (Cave of Divine Darkness – Hang Động Của Bóng Tối Thiên Thần). Ông đã đến Tây Ban Nha vào năm 1976, được mời bởi Ignacio Oñatibia, giáo sư thần học tại Victoria (Xứ Basque) và cộng đồng tôn giáo Reparadoras de Los Molinos tại Madrid.

Enomiya-Lassalle đã làm việc với Nghị Hội Vatican Hai trong việc viết văn bản, chứa đựng trong tài liệu của hội đồng Ad Gentes, chương 18, viết rằng, "*Cần thận xem xét cách tiếp nhận các truyền thống khổ hạnh và ẩn tu trong đời sống tôn giáo của tín đồ Thiên Chúa Giáo, mà hạt giống Thiên Chúa thường xuyên phân tán giữa các nền văn hóa xưa trước khi loan báo Tin Mừng.*" Bản thảo đầu tiên đã nói rõ ràng về Thiên và yoga, dù sau đó, ông đã để nó mở ra cho nhiều truyền thống hơn.

Enomiya-Lassalle đã giới thiệu tôi cho Yamada Kōun Roshi và, sau khi trú lại một thời gian dài tại San'un Zendo ở Kamakura, Nhật Bản, ông đã chấp nhận cho tôi làm Thiên sư vào năm 1985.

BDE: Zendo Betania đã ra đời ra làm sao và chức năng của nó là gì?

AMSR: Cùng với các đệ tử của tôi, chúng

tôi đã sáng lập ra Zendo Betania tại Brihuega, Tây Ban Nha. Chúng tôi nghiên cứu địa điểm hoàn hảo, được hướng dẫn bởi văn bản về Za-

zen Yojinki do Keizan Zenji viết rằng: "*Trong một thung lũng độc lập... gần dòng nước sạch ... gần con sông – dưới khu rừng ... cách xa các trung tâm quyền lực và phần thịnh, tách xa những người muốn đánh đấm và thống trị.*" Hơn nữa trong trường hợp của chúng tôi, phải có đủ tài chánh và không cách xa trung tâm thành phố lớn hơn 90 kilômét, để chúng tôi có thể đi lại ở đó với tiện lợi tương đối, không phải là một tu viện nhưng mà là trung tâm Thiên nơi mà các tín đồ có thể đến, những người đã làm việc và sống tại Tây Ban Nha và xa hơn.

Qua tọa thiền, Zendo Betania nhằm mục đích giúp nhân loại hiện đại gặp lại nguồn gốc sâu thẳm của chính họ trong thời tiết của hòa đồng và tôn trọng tất cả mọi người và mọi niềm tin, và trong hòa điệu với niềm tin Thiên Chúa

Giáo. Nó dẫn tới các dự án văn hóa và liên kết với những người và các dân tộc bị thiệt thòi, cả trong và ngoài Tây Ban Nha.

Sự gặp gỡ giữa Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo là sự kiện lịch sử rất quan trọng trong thời đại của chúng ta. Nó có ý nghĩa cho nền hòa bình và sự tốt lành của nhân loại và Trái Đất.

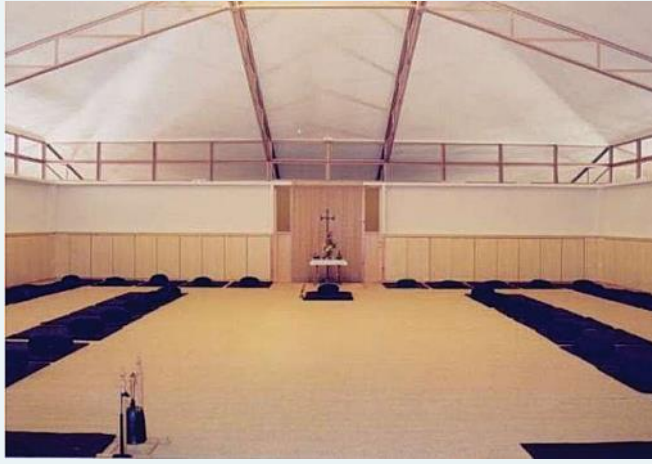
Như trong tất cả các cuộc gặp gỡ thực sự của con người, đối thoại liên tôn giáo Phật Giáo-Thiên Chúa Giáo thay đổi cả hai bên, không bên nào đánh mất bản sắc của họ. Họ tìm thấy lại nó ở mức độ sâu hơn và nó còn làm cho họ cao thượng hơn. Vì lý do này, Phật tử phải thật sự là Phật tử và nhận ra mình như thế, và tín đồ Thiên Chúa Giáo thật sự là tín đồ Thiên Chúa Giáo, cũng nhận ra họ như thế.

Chỉ từ quan điểm này mới có thể hiểu được cuộc đối thoại giữa các tôn giáo; một cuộc đối thoại giữa hai truyền thống tâm linh trong một con người, như sự thật rằng tại Zendo Betania, những người Thiên Chúa Giáo thực hành Thiên mà không tạo ra một thứ Thiên Thiên Chúa Giáo hay một thứ Thiên Chúa Giáo Thiên.

Sự gặp gỡ giữa Thiên và niềm tin Thiên Chúa Giáo này tạo ra sự chuyển đổi gấp đôi: một mặt, nó làm cho khả dĩ đi vào quan điểm Thiên và, một mặt khác, nó dẫn tới sự khám phá chiều kích sâu hơn của chính niềm tin Thiên Chúa Giáo. Sâu xa hơn, niềm tin kiên định rằng Thần Thánh đang hiện diện trong tất cả con người với sự tốt lành. Những người Thiên Chúa Giáo, được khích lệ bởi Ngài, cảm



Ana María Schlüter Rodés.
(nguồn: Zendo Betania)



*Thiền Đường Zendo Betania tại Brihuega.
(nguồn: Zendo Betania)*

thấy hạnh phúc vĩ đại mỗi khi họ nhận ra sự có mặt của Ngài trong nhân tính và điều này thức tỉnh trong họ sự ước muốn học hỏi từ mọi người và nhận biết và yêu thương Thượng Đế, Cha của tất cả chúng ta, sâu hơn và sâu hơn.

Nghị Hội Vatican Hai của Giáo Hội Công Giáo, đã được tổ chức vào năm 1965, cổ võ "rằng qua đối thoại và hợp tác với tín đồ các tôn giáo khác, thực hiện với sự thận trọng và lòng yêu thương và làm chứng cho đức tin và cuộc sống Thiên Chúa Giáo, họ nhận thức, bảo tồn, và khuyến khích các việc thiện, tâm linh và đạo đức, cũng như các giá trị xã hội-văn hóa được tìm thấy trong những người này." (Nostra Aetate 2)

BDE: Bà có thể cho chúng tôi biết một chút về sự hiện hữu của tổ chức Zendo Betania tại Châu Mỹ La Tinh.

AMSR: Vào tháng 9 năm 1990, đáp ứng lời mời liên tục, tôi đã đến thành phố Mexico lần đầu tiên để giới thiệu Thiền, và tôi tiếp tục thăm viếng nơi này cho đến năm 2014. Sau 25 năm, trong thời gian mà Zendo Betania cũng đã được thành lập tại các thành phố khác, tôi đã chỉ định một người thẩm quyền để thay tôi tại các buổi giới thiệu và khóa thiền nhiếp tâm [sesshin] này. 2 người khác giúp những giới thiệu này, tại Mexico City và Nezahualcóyotl, riêng biệt. Lúc này, những liên lạc với tôi tiếp tục bằng Skype với các đệ tử và các nhóm địa phương, chủ yếu tại Mexico City, Nezahualcóyotl (một tiểu bang của Mexico), Monterrey (thủ phủ của tiểu bang Nuevo León) và Torreon (thủ phủ của tiểu bang Coahuila), cũng như lúc đầu tại Tampico. Nhiều đệ tử đã đến Brihuega tại Tây Ban Nha để nhận thêm huấn luyện.

Trong năm 2002, Pedro Flores, một thiền sư của Zendo Betania, đã đến Argentina và tiếp tục thăm viếng hàng năm cho đến năm 2018. Hiện nay Thiền tiếp tục có mặt ở đó, với nhiều nhóm tại Buenos Aires và tại Argentine

Patagonia, với 2 người chịu trách nhiệm việc giới thiệu. Cũng có người từ Argentina là người đến Zendo Betania tại Tây Ban Nha. Có một đệ tử của Zendo Betania tại Bogota, Colombia, và những người đến từ nhiều quốc gia Châu Mỹ La Tinh đã tiếp xúc trực tiếp với tôi.

Trong năm 2016, một vị thầy của Zendo Betania, là người đã đến El Salvador, Guatemala, và Ecuador, tách ra từ Zendo Betania sau 30 năm và hiện thuộc dòng Thiền Sanbo.

Tam cá nguyệt san Pasos, được thực hiện bởi Phái Thiền Zendo Betania -- với số báo lưu hành nội bộ -- có nhiều mục tiêu chính về việc kéo dài sự hướng dẫn lộ trình đưa vào nhiếp tâm, và giúp xác lập con đường Thiền trong truyền thống văn hóa Tây Phương và Thiền Chúa Giáo.

BDE: Bà miêu tả Thiền như thế nào?

AMSR: Hiện tại, tôi hiến dâng tất cả cho công tác "tu luyện mảnh đất tâm," để nó mẫn cảm và thâm nhập tới chiều sâu thẳm nhất của thực tại.

Tôi tin tưởng sâu sắc vào ánh sáng của tâm thức của tất cả mọi con người. 2 bậc đại nhân đã minh giải điều này rõ ràng, vào những khoảng thời gian rất ra nhau trong lịch sử, cũng là xa nhau về địa lý và trong khuôn khổ văn hóa-tôn giáo: Đức Phật Cổ Đàm Sĩ Đạt Ta và Thánh John của Thập Giá, một huyền bi Thiền Chúa Giáo ở thế kỷ 16. Người thứ nhất tuyên bố lần đầu tiên sự tỉnh thức của ngài, lúc trở thành vị Phật: "Tất cả chúng sinh đều có khả năng giác ngộ, nhưng vì cách suy nghĩ và cố chấp sai lầm đối với chính họ mà họ không nhận ra được điều đó." Thánh John của Thập Giá đã viết rằng, "Ánh sáng này không bao giờ thiếu đối với linh hồn, nhưng bởi vì các hình thức và mạng che mặt" (Ascent of Mount Carmel II, 13,4).

Con đường nào mà Thiền đề xuất để thành đạt sự thức giác ánh sáng của tâm hay -- được mô tả chính xác hơn trong ngôn ngữ Thiền -- cội rễ hay yếu tính của con người và tất cả các pháp? Theo lời dạy được cho là của Bồ Đề Đạt Ma tóm tắt điều tinh yếu, Thiền là:

Giáo ngoại biệt truyền (truyền riêng ngoài giáo pháp)

Bất lập văn tự (không dựa vào chữ nghĩa)

Trực chỉ nhân tâm (chỉ thẳng tâm người)

Kiến tánh thành Phật (thấy tánh thành Phật)

Cuộc đối thoại sau đây đã diễn ra vào thế kỷ thứ 8 tại Trung Hoa: Đại sư Yakusan Igen (Dược Sơn Duy Nghiễm) ngồi Thiền và một vị tăng đến gần và hỏi: "Ngài làm gì trong lúc ngồi tĩnh tọa như thế?" Dược Sơn trả lời: "Tôi ngồi trong bất khả tư nghi (fu shiryō tei)." Vị tăng hỏi lại: "Làm sao người ta có thể ngồi trong bất khả tư nghi?" Dược Sơn trả lời: "không tư nghi" (hi shiryō). Đây là nghệ thuật tinh yếu của tọa thiền: ngồi, không suy nghĩ,

trong bất khả tư nghì, vượt thoát tạp niệm. Nhiều thế kỷ sau đó tại Nhật, Thiền Sư Đạo Nguyên thêm vào: "Và cái bất khả tư nghì này giúp tôi."

Tôi muốn nói thêm rằng Thiền là "con đường trở về nhà," theo những lời từ Zazen Yojinki bởi Keizen Zenji. Nó không phải là phương pháp hay kỹ thuật, nhưng là nghệ thuật. Một dương cầm thủ phải biết các nốt đàn dương cầm thật tốt, nhưng chính điều này sẽ không làm cho người đó trở thành một dương cầm thủ; người ấy sẽ không bắt đầu thực sự là một dương cầm thủ cho đến khi vị đó không còn nghĩ gì về những nốt đàn -- khi đó chỉ có nhạc mới thật sự hiện hữu. Nói lắt léo, Thiền không phải là thiền, trong thời gian một người tu tập các căn và các trú sở của tâm, nhưng giống như điều Thánh John và Mẹ Teresa nói đến như là sự quán chiếu.

BDE: Làm sao việc thực hành Thiền giúp con người sống kinh nghiệm Thiền Chúa Giáo sâu sắc hơn?

AMSR: Khi tôi từ từ đi sâu hơn vào con đường Thiền, tôi tiếp tục khám phá ra rằng không chỉ tôi đang học hỏi phương pháp mới của việc lặn sâu vào sự kỳ bí – mà vượt qua các giới hạn của tư duy khách quan – nhưng tôi cũng học được một số điều nữa, một số điều mà trước hết tôi đã không thể nào tưởng tượng: một "ngôn ngữ" mới dẫn tôi tới sự khám phá và thể hiện bản thân trong cách mới, mà đã mở ra chân trời mới cung ứng nhiều khả năng mới để liễu giải một số chiều kích của kinh nghiệm. Như thế, dù thực tại tối hậu và bất khả thuyết là một và luôn luôn giống nhau, khuôn khổ tôn giáo mà nó được trải nghiệm ảnh hưởng đến khả tính và phương thức kinh nghiệm nó, cũng như sự diễn giải về kinh nghiệm.

Tất cả khuôn khổ văn hóa và tôn giáo là sự biểu đạt kinh nghiệm và, ngược lại, nuôi



*Ghi danh cho Khóa Nhiếp Tâm tại Cuernavaca.
(nguồn: Zendo Betania)*

QUAY VỀ ĐÊM HÔM TRƯỚC

*nắng mặt chảy qua trời đông chỉ
không lạnh mà sao lại cứ buồn
gió gợi hương người nghe rất ngọt
hôm nào sót lại giữa môi hôn
mỗi chữ xuống dòng nghe rất nặng
trong lòng giấy trắng hãy còn thom
em muốn viết gì thêm nữa vậy
Chữ buồn
gom lại cũng cô đơn
ngồi lại nói quanh điều nhặng cuội
cái đau bữa trước nói như đùa
xuân ở bên trời chưa kịp đến
giật mình đang nắng bỗng dưng mưa
nắng buổi hôm xưa hồng như ngọc
lời ngỏ năm xưa chẳng gieo vên
em hé đôi môi nồng như rượu
chia cùng không một chút phân vân
chùng xuân đang chín dần trong gió
ta vẫn chân chừ phía cuối đông
muốn quay về lại đêm hôm trước
rót thêm vào đó chút ân cần*

TRẦN THIÊN THỊ

dưỡng phương thức đặc biệt của sự nhận thức thực tại và giải thích kinh nghiệm. Một khuôn khổ mới, như Phật Giáo Thiền cho tín đồ Thiên Chúa Giáo, cung cấp khả tính ngôn ngữ mới cho việc giải thích điều gì được kinh nghiệm và cũng tạo ra nhiều khả tính nhận thức mới, cũng như phương tiện mới để giải cứu khỏi sự lãng quên được nhận ra.

Michael Amaladoss SJ gán một ý nghĩa tiên tri cho các tín đồ Thiên Chúa Giáo đến với Thiền hoặc những con đường khác. Không phải là tạo ra một bản sắc tôn giáo thứ ba và siêu đẳng, mà thay vào cuộc sống căng thẳng giữa Thiền và đức tin Thiên Chúa Giáo thì ủng hộ trào lưu đối thoại mà ngày nay cần thiết hơn bao giờ hết để thực hiện sự cân bằng đối với trào lưu chính thống tin tuyệt đối vào Thánh Kinh.

Và đối với Thiền không có sự tịnh thức hay giác ngộ thực sự nếu nó không dẫn tới từ bi.

TỪ, BI, HỖ, XẢ trong KINH PHÁP CÚ

Tâm Minh Ngô Tằng Giao



ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trong Kinh Pháp Cú (Dhammapada) Đức Phật khuyên dạy chúng sinh hãy chăm tu tập “*Tứ Vô Lượng Tâm*”, tức là “bốn món tâm rộng lớn không lường được”, đó là các tâm “*Từ, Bi, Hỷ, Xả*”. Phật dạy hãy mở rộng bốn tâm này, không hạn chế, cho tất cả các loài hữu tình ở khắp bốn phương. Đây là những đặc tính giúp con người trở nên tốt đẹp, hoàn thiện, là lối sống của bậc thánh.

Đạo Phật thường được gọi là đạo từ bi, đạo cứu khổ. Ở đâu có Đạo Phật, ở đó có tình thương. Phương châm tu tập của Phật Giáo là từ, bi, hỷ, xả. Người Phật tử lấy từ, bi, hỷ, xả làm nền tảng cho sự phát triển thánh hạnh; tâm từ bi được coi là tâm Phật. Tâm “*Từ*” là khả năng hiến tặng niềm vui cho tha nhân, cho người khác. Tâm “*Bi*” là khả năng làm vơi đi nỗi khổ đang có mặt. Tâm “*Hỷ*” là niềm vui, lòng thanh thản do từ bi đem tới. Tâm “*Xả*” là thái độ nhẹ nhàng, tự do, không kỳ thị. Bốn món tâm rộng lớn không lường được nói trên nếu của Phật và các vị Bồ tát thời được xưng là “*Đại từ, Đại bi, Đại hỷ, Đại xả*”.

TÂM TỪ

“*Từ*” là lòng lành giúp ích cho người, lòng thương yêu, thường đem vui cho tất cả chúng sinh. “*Tâm từ*” là cái gì làm cho lòng êm dịu, là lòng mong ước cho tất cả chúng sinh đều được an lành vui vẻ, lòng chân thành của người bạn hiền muốn cho bằng hữu mình được an vui hạnh phúc. Ngược lại với tâm từ là lòng “*sân hận*”.

Tâm từ không phải là sự yêu thương thiên về xác thịt, về tình dục, cũng không phải là lòng triu mến vị kỷ, lòng luyện ái đối với người nào. Tâm từ không phân biệt kẻ thân người sơ, không dành riêng cho tình đồng chí, đồng chủng, cũng không dành riêng cho tình đồng hương hay đồng đạo. Hơn nữa tâm từ không phải chỉ nên có giữa người và người mà phải bao trùm tất cả chúng sinh, bởi vì, loài cầm thú cũng cần đến sự giúp đỡ và tình thương.

Nói tóm lại, tâm từ bao la, rộng rãi, trải ra

đồng đều đối với chính mình cũng như đối với những người thân cận, dù không quen biết, dù có ác cảm với mình. Người thực hiện từ tâm đến mức độ cùng tột sẽ thấy mình đồng hóa với tất cả chúng sinh, không còn sự khác biệt giữa mình và người. Cái gọi là “*ta*” không còn nữa. Mọi sự chia rẽ đều biến mất như đám sương mù tan trong nắng sáng. Vạn vật trở thành một, đồng thể, đồng nhất.

Đức Phật dạy chỉ có tâm từ mới dập tắt được lòng sân hận, ác ý, thù oán. Không những dập tắt được lòng sân, tâm từ còn diệt được các mầm tư tưởng bất thiện. Nhìn thái độ của loài người đối với hận thù, Đức Phật đưa ra nhận xét là tình thương sẽ chinh phục được lòng sân hận. Để giáng hòa một cuộc tranh chấp giữa hai tiểu bang đang giành nhau nước dưới con sông làm ranh giới, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 197)

*“Ở ngay giữa đám nhân sinh
Dù người hờn oán, nếu mình thành thoi
Sống không thù hận cùng người
Thật là sung sướng, cuộc đời thơm hương.”*

Nhưng có lòng từ ái đối với người khác không có nghĩa là phải quên mình. Lúc Đức Phật sắp nhập Niết Bàn, các đệ tử từ bốn phương xa gần tấp nập về đánh lễ Ngài. Chỉ có một thầy Tỷ kheo lại rút về tịnh thất chuyên cần hành thiền. Khi được hỏi về thái độ ấy, thầy trả lời vì trong ba tháng nữa Đức Phật sẽ nhập diệt nên thầy nghĩ rằng để tỏ lòng quý trọng Ngài, việc làm tốt đẹp nhất là thành tựu đạo quả A La Hán lúc Ngài còn tại tiền. Đức Phật ngợi khen thầy và nhấn mạnh là “*Không nên vì mục tiêu của người khác mà lãng quên mục tiêu, sự an lành của chính mình.*” và hãy “*lập tâm thành đạt mục tiêu ấy*”:

(Pháp Cú 166)

*Chớ vì lợi ích cho người
Mà quên lợi ích cho nơi chính mình
Mục tiêu giải thoát tử sinh
Ai lo lợi ích cho mình chớ quên
Quyết tâm đạt được cho bền.*

Không nên hiểu lầm là Đức Phật dạy ta nên ích kỷ, chớ có phục vụ kẻ khác một cách vị tha, bất câu lợi. Trái lại Đức Phật chỉ nhấn mạnh rằng trong khi phục vụ lợi ích cho người cũng đừng quên mục tiêu tự giải thoát cho chính mình. Mình có giác ngộ và giải thoát rồi sau đó đi giúp kẻ khác mới hữu hiệu được hơn.

TÂM BI

"Bi" là lòng thương xót cứu khổ, thương dứt trừ đau khổ cho hết thầy chúng sinh. Bi là động lực làm cho tâm rung động trước sự đau khổ của kẻ khác. Đặc tính của "tâm bi" là ý muốn giúp người khác thoát khỏi cảnh khổ. Tâm bi là vị thuốc có thể tiêu trừ bệnh hung bạo. Lòng của người có tâm bi thật là mềm dịu. Lắm khi người có tâm bi không ngăn ngại hy sinh đến cả tính mạng. Chính do nơi tâm bi mà con người có thể hoàn toàn vị tha trong khi phục vụ kẻ khác, giúp mà không bao giờ mong đền ơn, đáp nghĩa.

Đối tượng của tâm bi là những kẻ nghèo đói, túng thiếu, đau ốm, cô đơn dốt nát, hư hèn và cả những người có đời sống buông lung, phóng dăng tội lỗi. Tâm bi phải bao trùm tất cả chúng sinh đau khổ, rất bao la và bình đẳng. Như Đức Phật xưa kia đã từng tế độ cho một người phụ nữ lạc bước giang hồ và cho cả một tên sát nhân tàn ác, toan hại Ngài. Về sau, cả hai đều theo Ngài và hoàn toàn đổi tính. Bên trong mỗi người, dù xấu xa thế nào cũng ngầm có những tính tốt. Đôi khi chỉ có lời nói phải, đúng lúc, cũng có thể làm đổi hẳn con người. Như vua A Dục ngày xưa, tàn bạo đến nỗi, người đời bấy giờ gọi là "A Dục, con người tội lỗi". Thế mà, khi nghe được lời nói phải của một thầy Sa di trẻ tuổi, ông đổi hẳn lại tính tình, mạnh tiến trên con đường tự giác và trở thành "A Dục, con người hiền đức". Ta nên nhận định rằng, tâm bi của Phật giáo không phải là giọt nước mắt nhỏ suông gọi là thương xót. Kẻ thù gián tiếp của tâm bi là "âu sầu, phiền não".

Tâm Từ và Tâm Bi thường đi chung với nhau. Trước hết phải dùng tâm bi để trừ giùm đau khổ cho chúng sinh, rồi kể đó dung tâm từ mà cho họ niềm vui. Như thế, cái vui mới được hoàn toàn. Vậy "bi" là nhân mà "từ" là quả. Người sống có tâm từ bi, có tình thương thì mọi hận thù trên thế gian này sẽ tiêu tan.

Một người có hai bà vợ. Một bà có con và một bà không. Bà không con đem lòng ganh tị, trộn thuốc độc vào thức ăn của bà kia, hai bà kia hai lần hừ thai. Đến lần thứ ba, thuốc độc làm cho bà kia đang có mang cùng chết với đứa bé. Bà kia khởi tâm cương quyết báo oán và thực hành ý định. Bà không con bị trả thù, cũng quyết tâm trả thù lại. Thù oán trả qua trả lại, hết bà này đến bà kia, qua lại trong hai kiếp sống liên tục. Tuy nhiên, đến kiếp tái sinh thứ ba, cơ hội đưa đẩy hai bà cùng đến gặp Đức Phật và sau đó nhờ Ngài khuyên giải mà

hận thù được chấm dứt:

(Pháp Cú 5)

*Khắp nơi trong cõi dương gian
Hận thù đâu thể xua tan hận thù
Chỉ tình thương với tâm từ
Làm tiêu oán hận, giải trừ hờn căm
Đó là định luật ngàn năm.*

Cô hầu nhỏ của một ông chồng no bất chợt đem lòng ganh tị bà vợ lớn. Một lần cô đem đồ bơ nóng lên đầu bà nhưng bà không giận mà còn giải lòng từ bi đến cô, nguyện rằng mình không sân hận, khiến cho bơ nguội lạnh, bà không bị phỏng. Về sau, cô hầu nhỏ ăn năn hối hận và xin sám hối. Bà bảo cô phải lên xin sám hối với Đức Phật trước bà mới bằng lòng quên lỗi. Cô làm theo lời bà và được Đức Phật khuyên rằng "Hãy lấy tình thương mà chế ngự tâm sân, lấy chân thật khắc phục giả dối":

(Pháp Cú 223)

*"Lấy từ bi, lấy ôn hòa
Thẳng cơn nóng giận bùng ra thét gầm
Lấy hiền lành, lấy thiện tâm
Thẳng lòng hung ác bất nhân khó lường
Lấy tâm bố thí cúng dường
Thẳng hàng keo kiệt, thẳng phường tham lam
Lấy chân thật để dập tan
Những trò hư ngụy, dối gian ở đời."*

TÂM HỖ

"Hỷ" là lòng vui, tự mình vui và mừng giùm cho người được điều thiện. Hay muốn nói cho đủ là tùy hỷ: vui theo, cùng vui với người khác. Phạm nghĩa của hỷ là "ưu phiền". Hỷ không phải là trạng thái thỏa thích suông, cũng không phải là cảm tình riêng đối với một người nào. Hỷ là lòng cùng vui thích với người khác khi họ có hạnh phúc hay họ được thành công, nhất là khi sự thành công ấy tiến về nẻo thiện, hướng đến mục đích giải thoát. Lòng "ganh tị" là kẻ thù trực tiếp của hỷ. Nhiều người lấy làm bực tức khi thấy người khác thành công hay vui khi thấy người khác thất bại. Chính tâm hỷ làm tiêu tan lòng ganh tị đó.

Người có tâm hỷ sẽ trực tiếp hưởng nhiều lợi ích do tâm ấy đem lại cho mình hơn cả người khác. Nếu so sánh với tâm từ và tâm bi, tâm hỷ lại càng khó thực hiện. Muốn có tâm hỷ, phải có ý chí mạnh mẽ và hết sức cố gắng. Để tạo sự an vui, hạnh phúc trong đời sống cá nhân cũng như tập thể và vươn mình lên sống đời trong sạch, cao thượng, người Phật tử nên thực hành tâm hỷ.

Một Sa di, con của người gác cửa, nói xấu về tâm bố thí của tất cả các thiện tín đến chùa, từ đại thí chủ như ông Cấp Cô Độc đến vua Ba Tư Nặc, ngoại trừ những người có họ hàng với chú. Vài vị Sư khác bạch lại với Đức Phật về tác phong thấp hèn của chú Sa di, Đức Phật dạy "Người nào đem lòng khen chê, bất mãn và đổ kỵ về những phẩm vật bố thí thì tâm người ấy

chưa được an tịnh. Người bỏ được tính đố kỵ, ganh ghét và không so đo hơn thua thì tâm lúc nào cũng an tịnh”:

(Pháp Cú 249)

*"Do lòng tin, bởi niềm vui
Người người bỏ thí, nơi nơi cúng dường
Kẻ mà tâm xấu buông lung
Thấy ai được hưởng, trong lòng ghét ganh
Ngày đêm sẽ mãi quần quanh
Không hề an tịnh tâm mình được lâu."*

(Pháp Cú 250)

*"Chỉ riêng người hiểu pháp mầu
Nên lòng ganh ghét trước sau diệt trừ
Ngày đêm hương đạo thơm đưa
Cõi lòng an tịnh, tâm tư thanh nhàn."*

TÂM XẢ

"Xả" là lòng buông xả ra mọi vật của mình cho tất cả chúng sinh không phân biệt kẻ oán người thân. Xả là bố thí, bỏ đi, không chấp, không ghi giữ trong lòng. Xả là trông thấy đúng đắn, nhận định chân chính, suy luận vô tư, tức là không ghét bỏ cũng không luyến ái; không ưa thích cũng không bất mãn. Phản nghĩa của "tâm xả" là "cố chấp".

Người cao thượng luôn giữ tâm bình thản trước sự khinh rẻ, phi báng, nguyên rủa. Giữa cuộc thăng trầm của thế gian đó, Đức Phật dạy ta nên luôn bình thản, hành tâm xả, vững chắc như tảng đá sừng sững giữa trời, vững như voi, như mãnh hổ. Ví như gió thổi ngang màn lưới mà không bị vướng trong lưới, tuy sống giữa chợ người mà ta không luyến ái những lạc thú hão huyền và vô thường của cuộc đời. Như hoa sen từ bùn nhơ nước đục vươn lên, chúng ta cũng vượt lên bao nhiêu quyến rũ của thế gian để sống trong sạch, tinh khiết, luôn luôn bình tĩnh và an vui.

Kẻ thù trực tiếp của xả là "luyến ái" và kẻ thù gián tiếp của tâm xả là sự "lãnh đạm". Tâm xả lánh xa lòng tham ái và trạng thái bất mãn. Thái độ vô tư, thản nhiên, an tịnh là đặc tính quan trọng của tâm xả. Người có tâm xả không thích thú trong vui sướng cũng không bức tức trong phiền não. Người có tâm xả đối xử đồng đều giữa kẻ tội lỗi và bậc thánh nhân. Đức Phật luôn khen ngợi, khuyến khích hàng đệ tử thực hành tâm xả.

Xả có bốn thứ. Nếu đem cho người ta đồ vật, của cải thời gọi là "tài xả". Nếu đem giáo pháp, giáo lý cho người thời gọi là "pháp xả". Nếu đem đức không sợ hãi cho người thời gọi là "vô úy xả". Còn tự mình xả bỏ tất cả các mối phiền não thời gọi là "phiền não xả".

Một Tỳ kheo có thói xấu hay moi móc lỗi lầm của người khác để chê bai. Đức Phật dạy "Nếu có ai nói rõ lỗi lầm của người khác và chỉ dạy cho họ cách sửa chữa lại thì đó chẳng phải là một hành động xấu ác đáng chê trách. Trái

lại nếu có kẻ nào luôn luôn chỉ trích chỗ sai lầm của người khác với ý định hiểm độc để nói xấu thời những người như thế không bao giờ đạt được giác ngộ mà chỉ có sự ô nhiễm tăng trưởng trong họ mà thôi”:

(Pháp Cú 253)

*"Nếu ta thấy được lỗi người
Tâm ta nóng giận tức thời dễ sinh
Tăng thêm phiền não thật nhanh,
Xa lìa an tịnh, quần quanh muện sâu,
Lỗi người chẳng để tâm lâu
Còn chi sâu muện, còn đâu não phiền."*

Vài thầy Sa di không biết nên theo pháp khuấy một vị A La Hán khả kính vì thân hình ngài nhỏ bé thấp lùn. Khi được biết vị thánh tăng tính tình hiền hòa, chẳng hề tức giận, vẻ mặt luôn bình thản, không chút xao động, Đức Phật dạy rằng chư vị A La Hán giữ mình luôn bình thản trước những lời tấn dương hay khiển trách:

(Pháp Cú 81)

*"Gió nào lay núi đá cao
Và người trí lớn khác nào núi kia
Tiếng đời trần tục khen chê
Tán dương, phi báng, để gì động tâm."*

Theo lời mời của một vị Bà La Môn, Đức Phật và các môn đệ Ngài đến an cư kiết hạ tại làng của ông ta nhưng các ngài lắm lúc bị bỏ lửng, không được chăm sóc đến, vì vị thí chủ này lãng quên, hơn nữa dân làng địa phương lúc đó đang bị nạn đói kém trầm trọng. Các ngài đôi khi phải dùng lúa cho ngựa ăn nhưng không có ai vì đó mà buồn ý, vẫn tinh tấn tu tập. Đến khi trở về tịnh xá Kỳ Viên các ngài được cung cấp thực phẩm chu đáo nhưng cũng không vì đó mà tỏ ra thỏa thích quá độ. Đức Phật lưu ý rằng người thiện trí vượt lên trên mọi xúc động thường tình, không bao giờ bông bột, cũng không bao giờ để tinh thần suy sụp, luôn bình tĩnh trước mọi việc xảy ra:

(Pháp Cú 83)

*"Người lành thường mãi lìa xa
Mọi điều dục lạc bỏ qua chẳng bàn,
Người hiền trí gặp vui buồn
Dù đây hạnh phúc, hay trần khổ đau
Không hề dao động trước sau
Tinh thần luôn vững, há nào mừng lo."*

Một bà tín nữ có ý muốn thỉnh năm vị Tỳ kheo lão thành về nhà trai tăng. Nhưng tịnh xá lại cử đi năm vị Sa di trẻ tuổi đến nhà bà thọ thực nên bà không vui, tỏ vẻ không tôn kính và không dâng cúng vật thực đúng thời khiến các vị Sa di bị đói khát. Về sau bà mới nhận ra phẩm hạnh của các vị Sa di, mặc dầu không được tiếp đãi nồng hậu, vẫn không hề tỏ ra bất mãn. Khi nghe thuật lại câu chuyện, Đức Phật dạy:

(Pháp Cú 406)

*"Tỏ ra thân thiết chân tình
Giữa người thù nghịch quanh mình gần xa,
Tỏ ra thiện chí ôn hòa
Với người tính khí thật là hung hăng,
Không còn luyến ái vương mang"*

*Bên người cố chấp buộc ràng vây quanh,
Bà La Môn thật xứng danh."*

Một ông vua lấy làm thất vọng và âu sầu vì đã bị bại trận ba lần. Ông không thắng nổi kẻ địch là người cháu gọi mình bằng cậu. Người cháu đó là vua A Xà Thế. Ông vua bại trận bỏ cả ăn uống, cứ nằm dài mãi trên giường. Đức Phật dạy rằng muốn an vui, chớ ham tranh thắng bại. "Kẻ chiến thắng gây thêm thù hận. Còn người thất trận phải chịu khổ đau ào ão". Sống an hòa là thái độ tốt nhất:

(Pháp Cú 201)

*"Khi mà thắng lợi về vang
Sinh ra thù oán ngập tràn. Nguy thay!*

*Khi mà thất bại chua cay
Sinh ra đau khổ chất đầy tâm can!
Chi bằng thắng bại chẳng màng
Cuộc đời tịnh lạc, bình an vô cùng."*

Hỷ và Xả là hai hạnh lành, có tương quan mật thiết, làm nhân làm quả cho nhau. Xả làm nhân cho hỷ, nghĩa là muốn vui theo với người, muốn làm cho người vui, thì trước tiên mình phải đừng chấp, phải xả bỏ những điều ngang trái, những điều thiệt thòi si nhục mà người khác đã làm cho ta.

Trong các truyện về "Tiền thân Đức Phật" ta thấy Ngài từng xả bỏ thân mạng mà cứu giúp chúng sinh. Khi được làm Bồ Tát trên cung trời Đâu Suất, Ngài xả bỏ các sự vui sướng nơi thiên cung mà giáng sinh cứu thế. Trước kia khi còn là một hoàng tử sắp lên ngôi vua, Ngài xả bỏ tất cả đèn đài cung điện, châu báu ngọc ngà, vợ đẹp con khôn, quyền cao chức trọng để mà một thân một mình ra đi tu hành khắc khổ.

Người tu hành phải tập xả dần, xả tất cả. Con tằm sở dĩ thành bướm bay lượn đó đây, vì nó đã rời bỏ cái kén, dù đó là một cái kén bằng tơ vàng óng ánh, ấm áp, đẹp để mịn màng vô cùng. Nhưng xả mà còn buồn rầu tiếc nuối cho cái mà mình đã bỏ đi thì xả như thế không có ích gì. Xả phải đi đôi với hỷ. Phải xả với vẻ mặt hoan, vui mừng như người tử khi tháo gỡ xiềng xích.

TÂM MINH NGŨ TĂNG GIAO
(Xuân Canh Tý 2020)



TÂM

*Người học đạo nhìn đời qua lăng kính
Đỏ hay Đen chỉ do tại lòng mình
Thời buổi này bệnh dịch khắp mọi nơi
Hãy lấy Tâm vững tin niềm tu đạo.*

*Thực hành đúng do mình không khách sáo
Thương kính người gặp khó khăn nạn tai
Bằng con tim chân chính mỗi phút này
Đường tu học lấy Tâm ta làm gốc.*

*Tập buông bỏ thói đời thường ngang dọc
Nhìn lại mình giây phút lắng tâm tư
Cuộc đời này không vì chuyện thiếu dư
Mà để mất Tâm ta vào quên lãng.*

thơ **TÁNH THIÊN**

Gót chân Achilles

TIÊU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Thế là thiên hạ hoảng loạn thật sự, ban đầu chỉ là Wuhan và vài nơi ở Trung Hoa, giờ lan tràn ra cả trăm quốc gia, khắp cả năm châu, nhiều ổ dịch mới như: Daegu (Hàn quốc), Lombardy (Italy), King County (USA)... Coronavirus hay còn gọi là Covid-19 là con vi khuẩn nhỏ bé không thể nhìn thấy bằng mắt thường nhưng đã quật ngã con người, làm cho con người hoảng sợ. Con người xưa nay vẫn tự phụ là thông minh, mạnh mẽ, làm chủ thế gian này. Con người xưa nay tự cho mình có sức mạnh, có thể khống chế thiên nhiên. Tiếc rằng chỉ vài con virus vô cùng nhỏ là đủ cho con người tiêu tủng. Lịch sử cũng từng có những trận dịch làm vơi đi nửa loài người. Có những trận thiên tai xảy ra trong chớp lát đủ phá huỷ hết những công trình mà loài người tốn hàng chục hoặc hàng trăm năm mới dựng nên: cuồng phong, sóng thần, hoả hoạn tính bằng giờ, động đất tính bằng giây. Bầy kỳ quan cổ đại của nhân loại xa xưa cũng đã thành cát bụi, thành phố Atlantic cũng đã chìm dưới đáy đại dương, thành Pompeii vùi trong lòng đất... Xem ra sức mạnh, trí khôn, năng lực con người chẳng ăn thua gì cả.

Con người mạnh thể, đông đúc và ngạo mạn thế nhưng chỉ một cơn dịch bệnh là lộ ra cái yếu, cái mong manh, tính vô thường chẳng khác nào chàng lực sĩ Achilles có sức mạnh phi thường,

tướng chừng như vô địch nhưng chỉ cần chọt đúng vào gót chân thì anh ta sẽ bại sụp ngay. Ngày xưa người ta tưởng tượng ra ôn thần (thần bệnh dịch) giận dữ gieo rắc dịch bệnh để trừng phạt con người. Ngày nay những ôn thần ấy là có thật, những ôn thần ấy không ở trên mây mà có mặt trong đời thường hàng ngày. Ai cũng có thể thấy, cũng có thể biết mặt. Những ôn thần ấy khoác áo nhà khoa học ngày đêm nghiên cứu chế tạo vũ khí sinh học, vũ khí vi trùng, vũ khí hoá học và bao nhiêu thứ vũ khí khác giết người hàng loạt... Những ôn thần ấy khoác áo tướng lãnh quân sự, chính khách, chính trị gia... chỉ một lời nói, một lệnh hạ xuống, một cái phẩy tay có thể giết chết hàng vạn người, xóa sổ cả một thành phố trong chớp mắt. Những ôn thần ấy khoác áo phi công, lái máy bay, tử hù không gieo rắc cái chết xuống mặt đất. Những ôn thần ấy khoác áo lái súng, thương gia vũ khí... gieo rắc chết chóc, tàn phá khắp nơi trên trái đất này. Những ôn thần là những trùm ma túy, xì ke... Mang cái chết chậm đến từng người, từng nhà. Những ôn thần ấy là những thực khách ngu muội, tham lam ăn uống vô độ, ăn không chừa con vật nào trên thế gian này, ăn tươi sống, ăn tàn bạo dã man từ óc khi, máu rắn, súp dơi, cá sống, côn trùng, thú trên rừng, chim trên trời, cá dưới nước...

Nghiệp sát sẽ báo oán, vi khuẩn, virus từ động vật hoang dã sẽ lây lan qua người. Ôn thần ngày nay nhiều quá, nhiều vô số, những ôn thần với muôn hình vạn trạng, mang nhiều khuôn mặt và danh vị khác nhau.

Thế giới này mong manh lắm, vô thường lắm! Con virus nhỏ tí ti có thể làm sụp đổ cả một nền văn minh, có thể hủy diệt một phần nhân loại như chơi! Quốc độ này thật sự mong manh và vô thường!

Con virus Corona (Covid-19) từ đâu ra? Người thì bảo từ chợ hải sản Wuhan, kẻ thì bảo từ món soup dơi, từ động vật hoang dã... nhưng cũng có nhiều tin tức bảo rằng nó thoát ra từ phòng thí nghiệm, nó là đòn độc để hạ bệ nhau của những thế lực chính trị ở Trung Nam Hải. Dù thế nào đi nữa cũng đều có lý cả! Thật sự ôn dịch vẫn thường xảy ra từ xưa đến nay và sẽ còn tiếp tục xảy ra nữa. Ôn dịch xảy ra với



nhieu nguyên nhân và lý do khác nhau nhưng đều có chung cái gốc là nghiệp sát chín muồi và là cộng nghiệp của loài người. Dịch hạch, dịch chuột, dịch tả, dịch cúm (gà, heo, bò), dịch Sars, dịch Corona...

Ôn dịch là một trong tam tai kiếp nạn của loài người, của quốc độ này: Thủy, hỏa, binh đao, ôn dịch, nạn đói. Một khi quả đã chín muồi thì nó ắt xảy ra, không có ai cũng chẳng có một thế lực nào có thể ngăn chặn hay hoá giải được! Tam tai kiếp nạn vốn có liên hệ chặt chẽ với nhau, cái này xảy ra thì dẫn đến cái kia. Theo cái nhìn nhà Phật là nghiệp sát gây nên, khi nghiệp sát chín muồi thì tự nhiên sẽ xuất hiện những tay bạo chúa, tàn sát vài vạn, vài triệu, vài chục triệu mạng người như con sâu cái kiến. Xưa nay thủy hỏa binh đao có bao giờ nguội, không đánh lớn thì đánh nhỏ, không nơi này thì nơi khác, không lúc này thì lúc khác, đánh nhau với muôn vàn lý do nhưng không ngoài việc tranh đoạt, cướp bóc vì tài, sắc, danh, thực. Thế giới chưa bao giờ yên, không có ai đếm xuể bao nhiêu cuộc chiến đã và đang xảy ra trong thế giới loài người

Khi nghiệp sát chín muồi thì chiến tranh xảy ra, ôn dịch hoành hành và thường thì nạn đói kém cũng sẽ đến. Thế giới hiện đại hôm nay với khoa học kỹ thuật tân tiến, y học phát triển cao có thể khắc phục phần nào dịch bệnh, đói kém nhưng mặt khác khoa học kỹ thuật tân tiến lại làm cho chiến tranh tàn khốc hơn, chết chóc nhiều hơn, tàn phá kinh khủng hơn. Bom A, bom H, vũ khí laser, vũ khí siêu âm, siêu thanh, vũ khí hoá học, vũ khí vi trùng... đủ sức hủy diệt thế gian này. Người ta tính rằng, nếu lượng vũ khí hạt nhân trên trái đất đồng loạt nổ thì dư sức hủy diệt quả địa cầu này.

Thế giới hôm nay với trình độ khoa học kỹ thuật tân tiến, kỹ thuật điện toán quá tinh vi, mọi người kết nối với nhau, các quốc gia liên kết

nhau thành một mạng lưới, tất cả ràng buộc và tác động qua lại lẫn nhau về mọi mặt từ chính trị, quân sự, kinh tế... Toàn cầu hoá có những mặt tốt của nó nhưng hậu quả cũng vô cùng kinh khủng, thậm chí cái lợi chẳng bù được cái hại. Lịch sử loài người chưa bao giờ mà thiên nhiên bị tàn phá, hủy hoại nặng nề như hôm nay. Núi rừng cao sạch, đất đai hoang hoá, tài nguyên cạn kiệt, sông hồ, biển cả ô nhiễm nghiêm trọng, khí hậu biến đổi, băng tan, biển dâng, nhiệt độ tăng, muôn loài bị tàn sát và nguy cơ tuyệt chủng... Mẹ thiên nhiên bị tổn hại nặng nề vì sự tham lam, ích kỷ và ngu muội của con người.

Toàn cầu hoá đem lại lợi nhuận lớn kinh khủng cho nước Tàu và các tập đoàn, công ty của phương Tây. Cái câu "Mua tận gốc bán tận ngọn" chưa bao giờ chính xác như hôm nay. Các công ty Âu-Mỹ tận dụng nguyên liệu, tài nguyên, nhân công rẻ từ các nước nghèo để sản xuất và mang hàng về bán ở chính quốc. Mức độ lời quá to lớn, tiền bạc chảy vào túi ông chủ và lãnh đạo tập đoàn như thác lũ, tài sản họ tăng lên từng giờ. Điều đó cũng đồng nghĩa với môi trường thiên nhiên các nước nghèo bị tàn phá tệt hại trong từng phút, từng giờ.

Toàn cầu hoá làm tăng cái khoảng cách giàu nghèo giữa con người lên đến mức không tưởng nổi. Loài người từ khi hình thành và phát triển đến giờ, chưa khi nào mà sự chênh lệch tàn nhẫn đến như thế!

Toàn cầu hoá đã cho con rồng đỏ một cơ hội vàng. Nó trở nên cường bạo, hung hãn và tham lam hơn bao giờ hết. Nó đã lợi dụng cơ hội để tích lũy tiền của, ăn cắp công nghệ, cướp biển, chiếm đảo, cắm móng vuốt vào các nước nghèo, thò tay vào tận sân sau là Mỹ La Tinh, áp đặt ảnh hưởng lên châu Phi, dòm ngó Bắc Cực... Con rồng đỏ đang

đe dọa an ninh, hoà bình của thế giới này. Nó lăm le giành lấy ngôi vị số một của đại bàng. Toàn cầu hoá cho nó sức mạnh vô địch, vì vậy mà nó ngạo mạn, hung hăng, hống hách và thẳng tay tàn độc.

Toàn cầu hoá đã buộc các nước lệ thuộc nó, nhờ cơn dịch Corona mà thấy rõ hơn, hàng loạt nhà máy, hãng xưởng phải đóng cửa hoặc đóng một phần vì phụ tùng từ Tàu không thể xuất đi được. Nó dùng cái thuyết "Nhất đời nhất lộ" để tóm cả thế giới này, buộc hàng loạt các quốc gia khác vào trong của nó. Nó vẫn mơ nó là cái rốn của vũ trụ, giống như tổ tiên ngày xưa của nó từng mơ.

Một trận ôn dịch xảy ra, có thể từ tự nhiên, có thể từ phòng thí nghiệm vũ khí sinh học làm tiết lậu... nhưng nó đã thấm đò, nó đã biết sợ! Thật sự chẳng có sức mạnh nào có thể chống lại được vô thường, chẳng có thế lực nào thoát khỏi luật nhân quả. Cái lẽ thành-tru-hoại-không vẫn hiển hiện trong từng phút giây, từng tướng của thế gian này. Vô thường và tự nhiên không thuận theo ý muốn chủ quan của bất cứ cá nhân hay tập thể nào. Luật nhân quả chẳng chịu sự chi phối của bất cứ thế lực nào, dù là con người hay thánh thần. Một khi nghiệp sát chín muồi thì con người phải trả giá cho những gì mình gây ra. Chỉ tội cho những nạn nhân vô tội nhưng vì cộng nghiệp mà phải chịu chung hậu quả.

Con người trong thế giới hiện đại hôm nay càng ngày càng tham lam vô độ, sân hận lấy lừng, si mê cực độ nên chiến tranh và ôn dịch cũng sẽ theo đó mà phát sanh, mức độ cũng sẽ càng tệt hại hơn. Không có bất cứ thế lực phi phạm nào có thể cứu nổi, không có cầu nguyện nào giúp được. Con người phải thức tỉnh và tự cứu lấy mình mà thôi!

Ất Lăng thành, 3/2020



GIỮ TÂM AN BÌNH

*Đời người nơi trần thế
Nào khác chi bốn mùa
Luật tuần hoàn thay đổi
Lạnh nóng đến nắng mưa.*

*Thế giới đầy rắc rối
Dịch bệnh và chiến tranh
Làm sao mà tránh khỏi
Hãy giữ tâm an lành.*

*Người có phúc có họa
Sống nghèo khổ cao sang
Đều là số mệnh cả
Buôn trách cũng muộn màng.*

*Sinh ra trong cuộc sống
Trót mang kiếp con người
Liều tri đời biến động
Thuận theo tâm an vui.*

*Hãy tùy duyên mà bước
Tự tại sống an nhiên
Giữa những Không - Có được
Chấp nhận chẳng than phiền.*

*Đừng than trời trách đất
Khi không được thuận duyên
Hãy theo lời Đức Phật
Buông bỏ sống tham thiền.*

thơ **DIỆU ĐẠO SONG PHƯỢNG**

Strasbourg, Pháp quốc - 12.03.2020

MỠI KỶ MỘT MÓN CHAY

ĐẬU HỦ CHIÊN XỐT CÀ CHUA

(Tofu in fresh tomato sauce)

Đậu hủ chiên xốt cà chua là món ăn không còn xa lạ với nhiều người, nhất là các bạn sinh viên. Món này hội tụ 3 yếu tố ngon, bổ, rẻ. Từng miếng đậu hủ mềm, thấm đậm gia vị, thêm phần nước xốt chua chua, ngọt ngọt thật hấp dẫn.

Nguyên liệu (2 phần ăn):

- Đậu hủ chiên: 2 miếng
- Cà chua: 2 trái
- Hành boa-rô: 100 gr
- Nước tương: 2 muỗng canh
- Bột ngọt: 1/2 muỗng cà-phê
- Muối: 1/2 muỗng cà-phê
- Đường trắng: 1 muỗng cà-phê
- Dầu ăn: 2 muỗng canh

Thực hiện:

1. Đậu hủ chiên mua sẵn ngoài chợ, cắt thành miếng nhỏ, hình vuông vừa ăn. Cà chua rửa sạch, cắt hạt lựu. Hành boa-rô cắt nhỏ.



2. Làm nóng 2 muỗng canh dầu ăn. Cho cà chua vào, đảo đều đến khi cà chua mềm. Thêm gia vị 2 muỗng canh nước tương, 1/2 muỗng cà-phê bột ngọt, 1/2 muỗng cà-phê muối, 1 muỗng cà-phê đường trắng cho vừa ăn. Đổ 1/2 chén nước vào, nấu sôi khoảng 1 phút.

3. Tiếp theo, cho đậu hủ vào, nấu lim rim nhỏ lửa cho ngấm phần xốt. Dùng đũa trở nhẹ tay miếng đậu hủ. Chú ý không để miếng đậu hủ bị nứt.



4. Tắt bếp, cho món ăn ra đĩa, rắc hành boa-rô lên để món ăn thêm màu sắc. Giờ chỉ việc ăn cùng cơm, canh và món chính nào.



(Nguồn: <https://www.cooky.vn>)

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

BIẾT LÀ HỮU DỤNG

Những cuộc tranh luận về vấn đề chánh truyền – phương tiện vẫn xảy ra hoài, có khi thì trầm lắng, lúc lên cao trào. Gần đây có nhiều người mạnh mẽ tuyên bố:

- Phật A Di Đà không có thật, chỉ là sản phẩm của người Tàu, cụ thể là của Phật giáo Bắc truyền.

Nhiều Phật tử lâu nay tu theo Tịnh Độ cảm thấy hoang mang, có một số quay qua học thiền và nhiều người phân vân không biết tiến hay lùi.

Một hôm sau khoá tụng kinh, Phật tử chùa Tân Lâm xin tham vấn thầy:

- Rốt cuộc Phật A Di Đà có thật hay phương tiện?

Thầy bảo rằng:

- Hư không có hay không

có chẳng quan trọng, miễn hít thở được thì biết là hữu dụng!

CỪU

Đàn cừu mấy trăm con, to đùng mập ú, ngày ngày vui vẻ ăn cỏ khô, ở trong trại, tranh từng nhúm cỏ, giành một miếng nước, húc hoặc nhau những chuyện vu vơ. Cả bọn chẳng hề hay biết mình bị người nhà của chủ xén trụi lông, vặt cạn sữa và cứ xẻ thịt từng con. Bọn nó còn cảm ơn chủ và chịu sự chần dặt của mấy con chó săn. Lũ thú rừng thắc mắc:

- Sao đàn cừu ngu thế? chỉ cần tụi nó tràn lên là đâm chết mấy con chó kia như chơi!

Bác cú già trên bông cây cù rúc:

- Bởi vì tụi nó là cừu, ơn chủ, ơn chó còn không hết thì nói chi đập chết!

MỤ VƯƠNG BÁN DƯA

Huynh đệ ban đầu thờ chung một thầy, sau lưu lạc bốn phương, nhân ngày giỗ tổ mới về sum họp, huynh đệ tay bắt mặt mừng.

- Nay đệ, tịnh độ là phương tiện của các tổ, chỉ có thiên tông chánh pháp mới là của Phật!

Sư đệ nhã nhặn:

- Sư huynh, thời mạt pháp tu thiên dễ lạc thiên, mà nhập, khó thành tựu. Tịnh độ tu tắt, nhanh, dễ thành tựu!

Sư phụ cười, kể câu chuyện xưa:

- Chợ Hoài Âm có mụ Vương bán dưa rao: "Dưa tôi ngon nhất chợ này." Lão Thòn đi qua nghe thế mua một quả. Lúc ấy bên cửa Đông, lão Đại bán dưa cũng rao: "Dưa tôi ngon nhất thiên hạ." Chú Lý nghe thế cũng mua một quả, sau đó cả hai đến nhà lão xã trưởng dự tiệc, dưa của hai người bỏ ra cho mọi người ăn. Lão Thòn và chú Lý khẳng khăng bảo dưa mình ngon hơn. Trong khách khứa có người cười khùng khục: "Mụ Vương, lão Đại đều lấy dưa từ ruộng nhà tôi."



ÁNH ĐÈN

Con gái đến tuổi dậy thì, không còn bé nữa nhưng cũng chưa đủ trưởng thành. Một hôm cô ta xin đi chơi hộp đêm với bạn trai. Người cha không cho, cô ta giận dỗi bỏ ăn:

- Bà không thương con, ba lạc hậu và khó tánh quá!

Biết là có giải thích thế nào con gái cũng không nghe nhưng ông vẫn giữ quan điểm của mình. Trời sập tối, đèn ngoài hiên nhà được thắp lên. Cả nhà quần quần hóng gió, bấy giờ có vô số phù du, thiếu thân bay tấp vào ánh sáng đèn mà chết. Người cha chỉ ngọn đèn nói:

- Ánh sáng thật lôi cuốn và hấp dẫn, bọn phù du vì mê mà chết. Ánh sáng và âm thanh của hộp đêm còn quyến rũ gấp nhiều lần, vì thương con nên không để con giống như những con thiêu thân kia!

Cô gái lặng im, hôm sau vui vẻ như chưa có chuyện gì xảy ra.

TÀU KHÔNG VÀO BẾN

Cuộc thi rất xôm tụ và nổi tiếng, quảng cáo trên hệ thống truyền thông khá âm ỉ. Ngày phát thưởng, nhiều tác giả được xướng tên, phải nói là cả quan lại và báo chí sở tại ca tụng, tặng bốc lên tận mây xanh. Tuy nhiên dân chúng và những người không tham dự hoặc không được tham dự thì cười khì:

- Bỏ khi, toàn văn tán theo kim chỉ nam!

Nhiều người ngoài giới viết lách thắc mắc:

- Có nhiều tác phẩm hay, đại chúng yêu thích, trong ngoài tìm đọc sao không được thưởng?

Trên mạng có kẻ vô danh viết rằng:

- Biển cả mênh mông, người ta quây một góc biển, rào dậu cẩn thận, ụ nổi cọc ngầm... chỉ có những chiếc thuyền nhỏ lách được thì vào tới luồng, hoặc những chiếc xuồng đã được bơm hơi thì lướt vô tận bãi. Những con tàu to thì để chi vào được, và lại chắc gì muôn vô!



MỘ

Có một tay nọ làm chức gì đó khá to, tiếng đồn bay xa trong triều ngoài quận. Y lại kiếm thêm mấy chức danh in đầy trên cạc (business card):

- Đương kim tổng chủ, giáo sư, phó tiến sĩ, chủ tịch hội abc, đại biểu danh dự câu lạc bộ xyz, nhà lý luận...

Y còn viết sách, chẳng biết y viết gì mà triều đình bỏ ra bọn tiền để in và buộc đàn em phải mua về trưng. Bọn theo voi hít bã mía, truyền thông, mạng lẽ phải... bốc y lên tận mây xanh. Dân mạng thuộc bọn lẽ trái có kẻ viết câu đối:

*Địa vị cao chức danh lớn
được đàn em hâm mộ*

*Đất nước nghèo xã hội
loạn dân chúng đá mộ bia*

XỨ SỞ NHỮNG NHÀ BĂNG

Ở giữa cự lục địa có một xứ sở lạ lùng, nhiều núi non, đất đai chẳng màu mỡ lại lạnh giá tuyết băng. Ấy thế mà nổi danh khắp thiên hạ:

- Tiền bạc, của cải mà gửi

ở đây thì tuyệt đối an toàn!

Bởi thế mà bao nhiêu tiền sạch, tiền dơ của danh môn chánh phái, tà bang ngoại đạo, hôn quân vô lại, cô ke lục chốt... đều đem đến đây ký gửi. Nhiều tổ chức cũng như những người có đạo đức kêu gọi:

- Phải minh bạch tiền bòn rút và tiền chính đáng!

Người xứ ấy cười khì:

- Bọn tổ chỉ giữ tiền, bảo đảm bí mật cho khách hàng, còn nguồn tiền từ đâu bọn tổ không cần biết!

Người xứ ấy còn khéo tay đảo đũa, họ làm ra những chiếc đồng hồ chính xác nhất thế giới, ai ai cũng ước ao sắm được một cái để loè nhau. Thời chiến tranh lạnh, có tay bồi bút vô hạnh viết: "Đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ." Thiên hạ chửi sập mặt luôn, cũng may người xứ ấy hồng biết ngôn ngữ của hắn ta.

STEVEN N
Georgia, 3/2020

TIỂU SÓN

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức



Y KHOA PHỔ THÔNG

Són tiểu xảy ra ở mọi lứa tuổi, cả nam lẫn nữ. Người tuổi cao thường hay tiểu són nhiều hơn nhưng đây không phải là do sự hóa già. Con nít cũng bị tiểu không tự chủ. Đó là đái dầm.

Phụ nữ thường tiểu són nhiều hơn nam giới tới 2 lần vì cấu trúc khác nhau ở vùng xương chậu cũng như do sự thay đổi của hormon khi mang thai hoặc rặn đẻ khi sinh con.

Theo thống kê, 80% són tiểu có thể chữa khỏi hoặc giảm bớt. Tuy nhiên người bệnh cũng có một số hậu quả không vui như là cảm thấy ngượng ngùng trong khi đang sinh hoạt, thường hay bị nhiễm trùng ngoài da vùng kín cũng như là nguyên nhân thường bị đưa vào nhà dưỡng lão, vì không được chăm sóc chu đáo tại gia.



Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

Sự bài tiết nước tiểu

Nước tiểu liên tục do thận sản xuất rồi được đưa xuống bàng quang qua hai niệu quản dài khoảng 20-30 cm. Thành niệu quản có lớp cơ trơn có thể co giãn để đẩy nước tiểu xuống dưới. Khi bóng đái đầy thì bàng quang bóp lại để đẩy nước tiểu ra ngoài qua hai cơ vòng ở niệu đạo là ống dẫn nước tiểu.

Dung tích của bàng quang trung bình là gần nửa lít, đôi khi có thể tăng tối đa là gần 1 lít. Sau mỗi lần tiểu, khoảng 50 cc nước tiểu sót lại trong bàng quang. Nước tiểu tử thận tiếp tục chảy xuống. Khi nào được 150 cc thì bàng quang phát ra tín hiệu mót đái.

Sự bài tiết nước tiểu tùy theo ta uống nhiều hoặc ít nước. Trung bình ta đi tiểu khoảng 8 lần một ngày và loại ra khỏi cơ thể khoảng 1,5 lít nước tiểu.

Bình thường nước tiểu có màu vàng trong và không có mùi. Khi có màu vàng sẫm là do gan suy yếu vàng da; mầu đỏ có thể là có máu...

Một chi tiết nhỏ về sự khác biệt trong việc

tiểu tiện giữa nam và nữ là: ở nam giới, niệu đạo nằm trong dương cụ và lộ hẳn ra ngoài cơ thể cho nên họ có thể tiểu đứng hoặc ngồi trên bàn cầu. Ở nữ giới, miệng niệu đạo mở sát cửa mình, cho nên khi ngồi thì tiểu tiện dễ dàng hơn. Nữ giới có thể đứng tiểu nhưng phải đưa hai chân ra xa để tránh nước tiểu dính vào người.

Phân loại

Có nhiều trường hợp tiểu són:

1- Tiểu són vì tăng áp lực trong hốc xương chậu ép vào bóng đái như là khi ta ho mạnh, cười to liên tục (cười vải đá), hắt hơi, nâng nhấc vật nặng, cố sức trèo cao. Phụ nữ có thai hoặc trong khi sanh, áp lực lên bóng đái tăng do đó hay bị són tiểu.

2- Tiểu són do một thôi thúc mót đi tiểu dù là vừa mới tiểu xong. Bình thường khi bàng quang đầy thì một tín hiệu cho hay là cần "tháo

cống" nhưng cho ta một thời gian ngắn để đi tới nhà vệ sinh. Bị thôi thúc thì không thể nào trì hoãn được và chưa kịp tới toilet nước tiểu đã rỉ ra rồi. Trường hợp này xảy ra khi bóng đái bị nhiễm trùng, bị kích thích hoặc trong các bệnh suy yếu thần kinh như bệnh liệt rung Parkinson, bệnh Alzheimer, tai biến não... Bàng quang ở trong tình trạng quá kích thích, luôn luôn có thôi thúc muốn tiểu tiện.

3 -Tiểu són khi bóng đái bị quá tải

Trong trường hợp này, mỗi lần tiểu, bàng quang không "trút hết bầu tâm sự", còn sót lại một chút vì ống dẫn tiểu bị tắc nghẽn, bàng quang lại tiếp tục nhận nước tiểu tử thận, sẽ mau đầy. Bóng đái bị kích thích, bóp lại khiến cho phải đi tiểu. Loại này thường thấy ở bệnh phì đại tuyến tiền liệt, trong tiểu đường, suy thận, tổn thương rễ thần dây kinh tủy, thương tích bóng đái...

Nguyên nhân

Nguyên nhân chính gây ra tiểu són chưa

được xác định. Tuy nhiên tiểu són có thể xảy ra trong các hoàn cảnh như:

- Uống nhiều nước là bắt buộc phải đi đại;
- Rượu, cà phê, nước có hơi sẽ kích thích bàng đái và ta phải giải tỏa;
- Một số dược phẩm chữa bệnh tim mạch, cao huyết áp kích thích bàng đái;
- Ở người tuổi cao, cơ bắp nâng đỡ bàng đái yếu, dung lượng bàng đái giảm khiến cho nước tiểu hơi đầy đã mót tiểu;
- Nhiều vị tuổi cao bị tiểu són vì bệnh thể chất hoặc tâm thần khiến họ không vào buồng tắm đúng lúc để tiểu. Nhiều vị bị viêm khớp chưa kịp mở cửa quần đã tóe đái.
- Viêm nhiễm bàng đái, viêm sưng niệu tuyến;
- Nhiều người cứ nghe thấy tiếng nước chảy là mót đái.

Điều trị

Về điều trị, có nhiều cách:

Thay đổi thói quen tiểu tiện

Huấn luyện bàng đái để kiểm soát cảm giác "buồn tiểu" bằng cách trì hoãn tiểu theo ý muốn của mình: khi mót đái thì nín khoảng năm phút rồi hãy tiểu; hoặc tiểu một chút rồi nín một lúc sau đó tiểu nốt.

Để nín, khi thấy mót tiểu thì hãy hít thở sâu thư giãn trong vài phút rồi hãy đái. Tập nín khoảng mười phút rồi tăng thời gian lên cho tới khi chỉ đi đại mỗi hai-ba giờ. Mục đích là để mình tự chủ, điều khiển được bàng đái. Có vẻ phức tạp nhưng rất hữu hiệu. Đi tiểu vào thời gian định trước thay vì mót là đi. Chẳng hạn chỉ vào toilet mỗi 2 hoặc 3 giờ.

2-Huấn luyện cơ bắp ở xương chậu

Sàn xương chậu có một lớp cơ trơn để nâng đỡ đáy bàng quan, dạ con. Khi cơ giãn, ống dẫn tiểu mở, nước tiểu thoát ra. Ngược lại khi cơ co thắt thì nước tiểu được giữ lại. Huấn luyện để tự co giãn cơ theo ý muốn có mục đích là tăng cường sức mạnh của cơ các cơ này. Đó là phương pháp Kegel.

- Tìm kiếm cơ: đó là cơ mà ta thường dùng khi muốn nín trung tiện. Nhìn đúng nếu ta thấy cơ quan sinh dục nhúc nhích nâng cao hoặc đang tiểu mà ta gò cơ bắp vùng sàn chậu không đái nữa thì là đúng.

- Bắt đầu tập bằng cách nhín các cơ này khi nằm. Khi các cơ đã mạnh thì tập lúc ngồi và đứng.

- Nhín và giữ như vậy khoảng 3 giây rồi thư giãn 3 giây. Nhắc lại cho tới khi được 10 lần. Tập nhiều lần trong ngày.

Nhớ là trong khi tập thì đừng co các cơ khác như là cơ ở bụng, hông hoặc chân và cũng đừng nín thở.

Phương pháp coi bộ rất mất công nhưng tập nhín mãi thành ra quen và ta làm chủ được sự tiểu tiện, muốn tiểu lúc nào thì tiểu.

Phương pháp này cũng được áp dụng để tăng cường hứng thú cho sự làm tình. Khi tập, cơ vòng xung quanh âm hộ co ôm vào dương

cụ, tăng cảm giác khoái lạc.

3- Gắn điện cực vào hậu môn hoặc âm hộ kích thích mấy sợi cơ bắp nâng đỡ bàng đái để chúng mạnh hơn, nhờ đó kiểm soát được tiểu tiện.

4- Dược phẩm

Một vài loại dược phẩm để hỗ trợ sự nín đái như oxybutynin (Ditropan), tolterodine (Detrol), darifenacin (Enablex), fesoterodine (Toviaz), solifenacin (Vesicare) and trospium (Sanctura), Tofranil có thể được bác sĩ dùng. Thuốc có mục đích chặn tín hiệu mót đái xuất phát từ hệ thần kinh, không cho bàng quan co thắt đẩy nước tiểu ra ngoài.

5- Các phương pháp điều trị khác

- Phụ nữ có thể được đặt vòng gọi là Pessary để nâng bàng đái và tử cung bị xệ, tránh đái són hoặc nhét cuộn bông băng trong cửa mình để thấm nước tiểu, lâu lâu thay băng mới.

- Nam giới bị són đái sau khi giải phẫu niệu tuyến có thể được đặt cơ vòng ống tiểu nhân tạo để điều khiển tiểu tiện.

Duy trì vệ sinh bàng quang

1- Uống nước đầy đủ để tránh bị khô nước. Mỗi người có nhu cầu số lượng nước khác nhau, tùy theo sức nặng cơ thể, hoạt động và thời tiết. Uống nước đủ khi nước tiểu trong không màu hoặc hơi vàng và không có mùi.

2- Giữ gìn vệ sinh

Luôn luôn tiểu tiện trước và sau khi giao hợp để tránh nhiễm trùng đường tiểu tiện phía dưới. Với phụ nữ, nên lau cửa mình từ trước ra sau, khi đi cầu cũng như tiểu tiện.

3- Giảm sức nặng nếu quá kí.

4- Tiểu cho tới khi hết nước trong bàng quan. Nước tiểu sót lại khiến cho bàng quan giãn và yếu.

5- Ngưng thuốc lá vì thuốc lá gây ho mà ho lại tăng sức ép trong xương chậu khiến cho nước tiểu dễ bị tống ra ngoài.

6- Khi đại tiện, tránh rặn để cơ trơn sàn xương chậu khỏi bị yếu, bàng quang sa xuống không kiểm chế được nước tiểu.

7- Tránh thức ăn nước uống có tính cách kích thích bàng quang.

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức
www.bsnguyenyduc.com



Giới thiệu quyển sách “TRÁI ĐẤT VÀ SỰ SỐNG” của Đạo Hữu Đức Hạnh Lê Bảo Kỳ

THÍCH NHƯ ĐIỂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tôi được Tác Giả ký tặng cho quyển sách này vào ngày 2 tháng 9 năm 2019, gửi đi từ miền Santee thuộc Tiểu Bang California, Hoa Kỳ và độ chừng 3 tuần lễ sau thì ở Đức tôi đã nhận được. Lần đầu khi nhận sách, đọc chỉ được vài ba chục trang lại ngưng, vì có những việc khác phải làm và hôm nay ngày 21 tháng 1 năm 2020 nhằm ngày 27 tháng chạp năm Kỷ Hợi tôi đã đọc xong quyển sách dày 300 trang này của Tác Giả đã gửi tặng. Xin nhiệm ân Tác Giả Đức Hạnh Lê Bảo Kỳ về việc này.

Người khác tặng sách cho mình, mà không đọc; chứng tỏ rằng mình lười; hoặc già không quý sách vở. Để thể hiện việc này hằng ngày tôi vẫn đọc Kinh, sách, báo chí v.v... có khi đọc một ngày 200 trang Đại Tạng Kinh bằng chữ Việt. Có những quyển sách 120 trang tôi chỉ đọc trong vài giờ và cũng có nhiều quyển Kinh, sách đọc hoài nhưng chẳng hết, vì nhiều lý do khác nhau. Dầu cho bận rộn đến đâu, nếu ai đó nhờ tôi viết lời giới thiệu thì điều quan trọng là phải đọc hết sách ấy rồi mới viết; chứ không vì bận rộn và chỉ xem qua tựa đề hay mục lục của

sách mà vội viết lời giới thiệu liền. Sách này do Tác Giả tự xuất bản năm 2019 và nay muốn tái bản tại Việt Nam; nên tôi xin có vài lời trang trọng để giới thiệu về tác phẩm này.

Thật ra tiêu đề này không phải là mới; nhưng Tác Giả đã đi sâu vào bốn vấn nạn muôn đời của nhân loại là: Con người từ đâu sanh ra? Con người từ đâu đến? Sanh ra để làm gì? Và Chết, sẽ đi về đâu? Tác Giả đã cố công diễn giải bằng nhiều cách khác nhau qua khoa học thực nghiệm, qua kinh điển, qua lời Phật dạy trong các Kinh văn như Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, truyện cổ Phật Giáo, v.v... để chứng minh là con người không phải do một đấng tạo hóa nào sinh ra cả, mà là do những U tế bào tác thành chúng sanh từ loài nhỏ nhất cho đến loài lớn nhất. Từ những chúng sanh ở ba đường ác và những chúng sanh ở các cõi thiện lương; nhưng điều quan trọng là do A Lợi Gia Thức gá vào chúng sanh đó. Từ đó một con người, con vật, một chư thiên mới hình thành. Nếu chỉ có tinh cha huyết mẹ không, thì không thể thành một chúng sanh hữu tình được. Theo trong Kinh Lăng Nghiêm Đức Phật dạy rằng:



Chúng sanh nào tình nhiều tướng ít, khi thác sanh, thần thức sẽ dễ bị rơi vào cõi thấp hơn cõi người. Nếu chúng sanh nào có thức nhiều tình ít thì khi thác sanh, chúng sanh ấy sẽ dễ sanh về cõi chư Thiên và nếu chúng sanh nào vừa tình vừa thức ngang nhau thì khi thác sanh sẽ trở lại làm người.

Nhưng con người từ đâu sanh ra hay từ đâu tới? là một câu hỏi quá lớn mà lâu nay các nhà Tôn Giáo Học, các khoa học gia, các học giả cố gắng giải thích; tựu trung chưa lột tả hết được những lời luận giải như của Tác Giả Đức Hạnh Lê Bảo Kỳ ở trong sách này. Do vậy Quý Vị cần nên đọc kỹ và đọc nhiều lần mới thấm thấu hết được ý nghĩa thâm sâu về thai tạng giới của Phật Giáo về tư tưởng tam thiên đại thiên thể giới này mà theo Tác Giả, Nasa của Hoa Kỳ cho đến năm 2019 vừa qua các Khoa Học Gia đã tìm ra được 1.300 thể giới lớn nhỏ khác nhau ở ngoài quả địa cầu mà chúng ta đang sinh sống. Đó là một minh chứng cho thấy rằng: Đức Phật sau khi chứng ngộ đã dùng ba minh(Thiên nhãn minh, lậu tận minh và túc mệnh minh) để quan sát thế giới; nên mới nói ra thuyết trùng trùng duyên khởi như vậy. Sau này nhà Bác Học Albert Einstein, người Đức gốc Do Thái ở vào cuối thế kỷ thứ 20, Ông đã được thế giới 7 tỷ người vinh danh là cha đẻ của thuyết tương đối và Ông Einstein cũng đã phát biểu rằng: Phật Giáo không cần thẩm định lại giá trị khoa học của mình nữa, vì tất cả những gì Đức Phật dạy, đều vượt lên khỏi sự chứng minh của khoa học rồi. Hay nhà Bác Học Steven Hawking người Anh, chứng minh về thời gian không có bắt đầu và không có cái cuối cùng. Như vậy đâu có khác gì lời Phật dạy là mây, cách đây hơn 2.600 năm về trước?

Trong sách, tác giả Lê Bảo Kỳ cũng đã chứng minh là theo tài liệu của www.Sinhhoc101112.com.VN thì loài người đã xuất hiện vào thời gian cách đây 1,8-65 triệu năm một cách tổng thể gồm ba giống người: Homo Habilis, Homo Erectus và Homo Sapien. Hai giống người trước không còn tồn tại nữa. Chỉ còn giống Homo Sapien thì còn tồn tại khá đông và từ giống này nam nữ loài người Homo Sapien kết hôn với nhau để sinh con bằng thai cho đến ngày hôm nay. Tuy nhiên theo Phật Giáo, nhất là trong Luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới thì Đức Phật dạy rằng: loài người từ cõi trời Quang Âm Thiên đến trái đất này từ trong vô lượng kiếp, mà cõi này thuộc cõi trời thứ 3 thuộc cõi Thiên thứ hai của Sắc Giới. Các vị ở đây có thân hình toàn là ánh sáng và sống trong trạng thái hỷ lạc, đã giáng thần xuống cõi Ta Bà để làm người. Tuy nhiên Tác Giả còn chứng minh thêm về những chúng sanh khác từ các cõi Dục, Sắc và Vô Sắc cũng tái sanh vào cõi người; nên mới có hình người mà tâm thú và cũng có những người có thân người mà tâm Bồ Tát, tâm Phật v.v....



Đây là một đề tài vô cùng tận, không nói hết bằng lời hay không đọc hết bằng kinh sách, mà mỗi người nên dụng công theo pháp hành như Thiền Định, niệm Phật, trì chú v.v... thì chúng ta mới thấm thấu hết được những thế giới hải mà Đức Phật đã dạy cũng như Tác Giả Đức Hạnh Lê Bảo Kỳ mong muốn mang đến những thành quả nhất định như thế cho chúng ta.

Vậy bất kể là Tăng, Ni hay tín đồ Phật Giáo và ngay cả những Tín Đồ của các Tôn Giáo khác đi nữa cũng như các khoa học gia, nhà tâm lý, Bác học, Bác sĩ, sinh viên v.v... ai ai cũng có thể tìm đến tác phẩm này để đọc và nghiên cứu sưu tầm. Thật là lợi ích vô cùng. Do vậy tôi xin tán thán Tác Giả đã dày công nghiên cứu qua cái nhìn Phật Học và Khoa Học của mình cũng như mong độc giả hãy cố tìm đến quyển sách giá trị này để xem và để hiểu đúng với lời Phật dạy vậy.

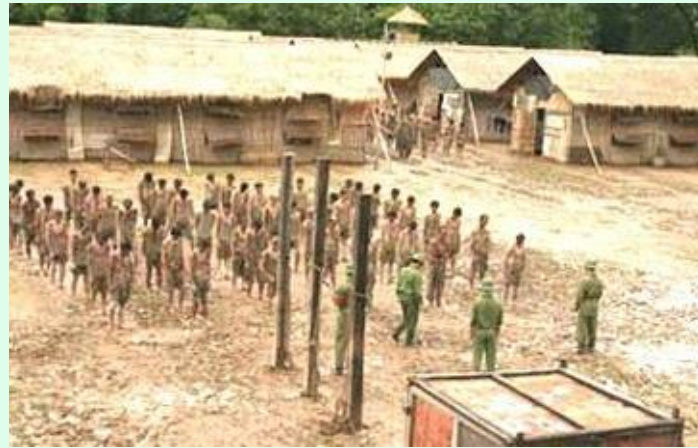
Viết xong vào lúc 17 giờ ngày 21 tháng 1 năm 2020 tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc.

Thích Như Điển

Liên lạc tác giả **Lê Bảo Kỳ: (619) 201 6266**

NÓI VỚI ĐỨA CHÁU NHỎ MỚI SANH

Cháu sanh ra trên đất nước này
hưởng đầy đủ mọi thứ Tự Do, tiện nghi thừa mứa
Đừng tưởng rằng khi không mà có
Ông bà và các đảng sanh thành ra cháu trải bao
gian khổ
mới đến được bến bờ hôm nay
nhờ sự mở rộng vòng tay của những người ở đây,
thân ái
khi đồng chủng bên kia thù hằn rẻ rúng
mọi phương tiện sinh tồn bị giới hạn, bao vây,
đuổi khỏi nơi làm việc, bắt thầy lên rừng
tự đào giếng tìm nước bằng cái xuống cùn,
thuốc men cậy nhờ mấy thứ lá cây cỏ dại
những bữa ăn chỉ toàn khoai sắn
bên đĩa muối sả hay chút nước muối mặn mặn chế
pha
đánh lừa khẩu vị đưa cay bằng vài ba trái ớt
Rừng chiều năm sáu giờ mặt trời cũng biến mất
Cả thành phố cúp điện dài dài
Nơi nơi tối tăm ngịt ngịt
Công an khu vực hằng bữa kêu lên âm oẹ xử lý
Chuyện này chuyện kia cố ý hành dân
Vải tính từng tấc, gạo đong từng cân
Phải đi
Phải đi
Phải đi
“Cột đèn biết di chuyển chắc nó cũng ra biển từ
lâu”
Dãi dầu sóng nước nhiều phen.
Ngục tù đòn bọng hai ba lượt.
Vẫn phải quyết ra khơi, dù biết chắc hiểm nguy đói
khát
Thèm từ củ khoai đèo, đọt rau ủa tới ly nước chín để
nguội qua đêm.
Vết chút đường cặn còn lại dưới đáy thùng lóc lẩn
trong xô lườn ghe ngập nước
Đứa bé - người sanh thành ra con sau này- mê sáng
trong hầm tàu hôi dầu nồng nặc
Qua mấy ngày ối tới mặt xanh
Giữt mình thức dậy khóc bù loa:
Cây cà-rem của con sao ba giữt mắt?
Cả nhà cầu mong trong mắt trôm lơ đầy nước mắt:
Đừng ai để nước trùng dương làm thủy mộ
và cá ngàn khơi theo hộ tang! (*)
Đến được bến bờ Tự do
Thỉnh thoảng cả nhà vẫn còn nửa đêm thức dậy
bàng hoàng
Tưởng như vẫn đương ở tại quê nhà, trong vòng rào
trại lảng



Âu lo, hồi hộp ngại ngày mai hùng sáng,
Lại những cú đá đập thù hằn dành cho người
bỏ nước vượt biên.
Con ơi, quê hương rối loạn triền miên, kẻ thua
người thắng
Người thắng điều hành theo cách thế vô tâm
thì kẻ thua ở lại chỉ thêm lòng đau xót!
Những đứa bé vô tư phải đi ăn cắp, ăn xin,
đánh giày, moi đồng rác
Thập thò đứng chờ **người lớp mới** ăn thừa để
húp một chút nước còn sót lại trong tô trôi nổi
mây cọng tằm.
Bác sĩ kỹ sư ngồi sửa xe đạp lè đường, bơm
gas xó chợ, đập ba bánh, chạy xích lô
thân ngọc ngà đứng chào khách trong công
viên, thập thò gốc cây cuối phố,
đàn bà bó thịt, nịt gạo trong quần lấm lét mỗi
lần xe qua trạm,
những thằng nhóc cỡ con mình rờ rảm xét tra
quát tháo...
muôn nhà bữa đói bữa no.
cột trụ gia đình biệt tù giam cải tạo
hơn ba mươi năm rồi nhắc lại vẫn thấy mắt
cay xè,
trái tim quặn thắt.
Ông tâm niệm đặt sinh mạng gia đình trên
may rủi chuyển đi.
Điểm đến phải là nơi vô cùng trân quý,
Không chỉ cầu thực tha phương
lẩn lóc xứ người năm này tháng nọ làm tên ty
nạn
Như chùm gởi, như thiêu thân, như ốc mượn
hồn
cho rong rêu bám đời vô định
loanh quanh trong ích kỷ ty hiềm

Mà sống phải làm những gì có ích cho đời không
vụ lợi bản thân.

ước vọng phai lán theo tháng năm,
thời gian trôi và thời cuộc xoay vần,
ông thất vọng về chính mình quá đời
tự an ủi chưa làm chuyện gì để lương tâm hối lỗi
Trong suốt cuộc đời phải ray rứt mình hơn
Khi con thành nhen,
Chắc ông không còn nữa!
Chỉ để lại lời dặn dò
Sống xứng đáng cho ra người mang hai dòng
lịch sử.

Quê hương là nơi con sinh trưởng học hành
Là nơi con lớn lên thành người thời đại
Hòa đồng với dân bản xứ
Ngược mặt tự hào rằng mình và họ chẳng khác
gì nhau...

Nhưng máu dòng giống vẫn tiềm tàng mãi mãi
trong huyết quản, trong màu da khác loại.

Dẫu con ở đâu trên thế giới này
cũng vẫn là người Việt Nam

Hãy nhớ điều đó con ơi, đừng phũ tay chối bỏ
Đừng lạnh lùng xa lạ với người cùng dân tộc,
sống xa quê

Hãy thương dân mình lưu lạc khắp muôn nơi
không bóp chẹt bùn xin kiếm chút lời từ công lao
vất vả

của đồng hương mưu sinh trên xứ lạ

Hãy thông cảm với những tính toán chi li của
đồng bào trong nước.

Khi vôi vữa, xin chút bạc tiền để phòng ốm đau
bệnh tật thiên tai.

Hãy kết nối bạn bè với người Việt tha hương tứ
xứ hôm nay

họ cũng héo ruột như ông cha con khi nhớ về đất
xưa quê cũ

Về kỷ niệm tuổi thơ một thời chiến tranh, bão lũ
nay đã xa cách ngàn trùng

Về bạn bè hàng xóm, bà Bảy, ông Tư..

Hãy biết đau buồn vì đất đảo, núi rừng, vùng
biển, tài nguyên

của tiền nhân bao ngàn năm để lại.

bị mất dần vào tay quân phương Bắc tham lam
Nỗi nhục của người không còn Tổ Quốc

Đau đớn lắm con ơi!

Sống trên đất Mỹ

Phải biết tự do này ôi sao là quý

Bao xương máu xưa xây dựng tạo nên.

Sống lương thiện, xứng đáng công dân, ông cho
rằng chưa đủ,

Khi cần thiết,

Phải biết xả thân bảo vệ.

Vì con ơi!

Nhờ đất nước này cứu mang ưu đãi
Bao triệu người gốc Việt như con
mới có được hôm nay:

Com no, áo ấm, suy nghĩ Tự do và tấm lòng
nhân ái.

Phải yêu quý nơi mình sanh ra và yêu cả đồng
bào ở bên kia nửa vòng trái đất

Ông sẽ đau buồn nếu xuôi vàng nhìn thấy:

lũ cháu nhỏ lớn lên bê tha, không thành đạt

đánh mất tấm lòng và không thông thạo tiếng

Việt Nam...

thơ

NGUYỄN VĂN SÂM

(*) Viên Linh - Thủy Mộ Quan: *Chỉ cá trùng
đương theo hộ tang.* Viên Linh là nhà thơ nổi tiếng
trước 1975, hiện hoạt động văn nghệ ở Hoa Kỳ.



Công chúa Nhật Quang

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Công chúa Nhật Quang là con thứ hai của vua Ba Tư Nặc nước Xá Vệ. Công chúa rất đẹp, một vẻ đẹp thùy mị hơn hẳn các thiếu nữ đương thời ở nước Xá Vệ; Công chúa lại rất thông minh học đâu nhớ đấy. Không những công chúa sắc sảo về môn nữ công mà còn tinh thông các triết lý học thuật; đức hạnh công chúa cũng quản chúng, tuy sanh trong giai cấp vua chúa cao sang, nhưng vẫn giữ thái độ khiêm tốn nhã nhặn, nhất là đối với hạng nghèo khổ tật nguyền, công chúa thành thật yêu mến và luôn luôn tìm cách giúp đỡ. Vì thế công chúa được rất nhiều người kính trọng. Người nào đã hạnh gặp công chúa một lần, họ sẽ nhớ mãi nụ cười hiền hòa và lời nói thanh tao của công chúa. Đối với cha mẹ, công chúa thật là người con hiếu hạnh, nằng hịu hạ vua và hoàng hậu hết sức chu đáo, và không bao giờ nói một lời hay làm một việc trái ý vua và hoàng hậu.

Vua Ba Tư Nặc được một người con xứng đáng như vậy, nên rất cưng quý, có thể nói công chúa Nhật Quang là viên ngọc vô giá của vua nước Xá Vệ. Những cuộc quan sơn ngoạn thủy của vua, công chúa đều được tham dự, mỗi khi quốc sự rảnh rang, nhà vua thường đòi công chúa đến hầu chuyện, hỏi những vấn đề thắc mắc công chúa đều trả lời trôi chảy, nhà vua rất đẹp dạ.

Một buổi chiều nhà vua đang dùng trà tại vườn ngự

uyển, có công chúa đứng bên cạnh, nhà vua nhìn con rồi vui miệng phán rằng: “Khắp nước Xá Vệ này không ai được hạnh phúc bằng con, đời con được như thế thật là hoàn toàn nhờ sức của cha mẹ tác thành vậy.”

Công chúa Nhật Quang thành thật trả lời: “Tâu phụ vương, công ơn sanh dưỡng của Phụ hoàng và Mẫu hậu như trời bể con không hề dám quên. Nhưng đời con được hạnh phúc như thế này, con thiết tưởng cũng có ảnh hưởng của cha mẹ một phần nào, nhưng phần lớn nhờ kiếp trước con đã tu nhân tích đức nhiều vậy.”

Câu nói của công chúa không ngờ đã chạm lòng tự ái của vua Ba Tư Nặc quá mạnh, vua liền đứng dậy, lặng lẽ trở vào cung.

Đêm hôm ấy, nhà vua không hề chợp mắt, suy nghĩ mãi lời nói của công chúa, và vua rất bức tức, đưa con yêu và ngoan ngoãn của mình chưa bao giờ trái ý mình dù là một cử chỉ nhỏ nhặt, hôm nay lại xúc phạm đến lòng tự ái của mình, có thể nói là không thừa nhận một lý thuyết (nghĩa là hạnh phúc của con hoàn toàn do cha mẹ tác thành) mà ông cho là muôn đời bất biến và ai cũng phải công nhận.

Muốn bảo thủ thành kiến của mình, nên mới sáng tinh sương, vua Ba Tư Nặc liền đòi viên cận thần thân tín báo rằng: ta cần một thanh niên trạc tuổi công chúa Nhật Quang mà hiện sống trong một cảnh nghèo hèn, cơm

không có ăn, áo không đủ mặc, người phải tìm cho ra một người có đủ điều kiện ấy, dẫn về đây cho ta.

Ba ngày sau, viên cận thần dẫn về một thanh niên hành khất, mặt mũi khô ngô, nhưng trong người chỉ mặc vón vện một chiếc khổ rách đến yết kiến vua Ba Tư Nặc. Vua rất mừng ban thưởng viên cận thần xong, quay lại hỏi thân thể thanh niên hành khất rồi bảo rằng: “Ta thấy người nghèo khổ, chưa có gia thất, nay ta đem công chúa Nhật Quang gả cho người, người được quyền dẫn công chúa đi đâu tùy người.”

Thanh niên nghèo khổ kia không biết trả lời ra sao chỉ cúi đầu vâng lệnh.

Vua lại kêu công chúa Nhật Quang đến phán rằng: “Hôm kia con đã nói: ‘Hạnh phúc của con hiện tại phần lớn là do con đã tu nhân tích đức ngày trước.’ Nay ta muốn thí nghiệm lời ấy, nên ta đã gả con cho một thanh niên hành khất, nếu con có phước báo thì con cũng trở nên giàu có sung sướng. Con hãy sửa soạn ngày mai lên đường với chồng con, khi nào có chiếu chỉ mới được trở về cung.”

Với nét mặt đầy nghiêm nghị của Vua Ba Tư Nặc, công chúa không dám nói gì, chỉ yên lặng trở về hậu cung.

Sáng ngày công chúa vào lay cha mẹ, từ biệt mọi người, rồi bình tĩnh ra đi với thanh niên hành khất.

Hoàng hậu và thần dân đều thương xót và khóc lóc, lo ngại cho số phận công chúa, nhưng ý vua đã quyết nào ai

dám mở lời khuyên can!

Ra khỏi hoàng cung, công chúa hỏi thanh niên hành khất rằng: Cha mẹ chàng đâu? Nhà cửa chàng đâu? Vì sao chàng lại nghèo khổ đến thế?

Thanh niên buồn rầu đáp: "Gia đình tôi trước cũng giàu có, vì được cha mẹ cưng quý, tôi tiêu xài hoang phí, ham chơi bời với chúng bạn, có học tập nhưng không đậu đạt gì, đến khi cha mẹ qua đời, tôi bán hết ruộng đất nhà cửa, hiện nay chỉ còn một sở vườn cách đây ba trăm dặm cỏ lác mọc đầy, cho người ta mướn họ không mướn, bán họ không thèm mua, hết của cải, không nghề nghiệp không biết nghề gì nuôi thân, nên phải hành khất độ nhật. Hôm nay tôi đang lang thang giữa đường, thì gặp một vị quan của vua, ông ta hỏi cặn kẽ về gia thế tôi, rồi ông dẫn tôi yết kiến nhà vua, không biết vì sao nhà vua lại đem công chúa gả cho một kẻ nghèo hèn như tôi?"

Vấn nét mặt ôn hòa công chúa nói với thanh niên hành khất rằng: "Dù sao từ nay chúng ta cũng đã là vợ chồng, chúng ta phải tìm phương kế làm ăn và trước hết phải tìm nơi tạm trú."

Không biết tìm chỗ nào khác, nên công chúa và thanh niên hành khất liền dẫn nhau đến sở vườn của cha mẹ thanh niên để lại - thật là một mảnh vườn hoang phế, cỏ lác um tùm sỏi đá lởm chởm. Hai người bàn định cắt cỏ đốn cây che một chiếc chòi nhỏ vừa tạm ở, những người quanh đây có người biết công chúa Nhật Quang nên cùng nhau đến giúp đỡ công việc cho công chúa. Đến khi đào đất để dựng cột nhà, vừa đào được vài lát đất thì gặp ngay ba cái chum lớn niêm khấn cẩn thận. Công chúa liền mở chum ra thì thấy trong ba cái chum ấy, vô số là vàng bạc châu báu, công chúa vui mừng sung sướng đem bán bớt một số châu báu rồi mướn người dọn dẹp cỏ rác, trồng tía họa quả, tạo lập lâu đài... Vốn sẵn tánh hiền lành lại sẵn lòng yêu thương giúp đỡ mọi người, nên thợ thuyền tôi tớ rất trung

thành tận tụy, không bao lâu đám vườn hoang phế kia đã biến thành một vườn hoa trăm sắc muôn màu; lâu đài trang hoàng lộng lẫy, người vô kể ra tấp nập không khác dinh thự của bậc đế vương.



Từ khi công chúa rời khỏi cung điện, vua Ba Tư Nặc sanh lòng hối hận đêm ngày trông nhớ. Nhà vua đĩnh ninh rằng công chúa lâu nay chắc gặp nhiều khổ sở, và định đón công chúa trở về cung để an hưởng cảnh đoàn viên phú quý. Nhà vua liền phái một số cận thần tìm nơi công chúa ở và dò xem đời sống của công chúa ra sao.

Sau một thời gian dò xét, các cận thần về tâu với nhà vua: "Công chúa ở cách xa cung điện nhà vua chừng ba trăm dặm và hiện đang ở trong cảnh phong lưu sung sướng giàu có ức triệu." Vua Ba Tư Nặc không tin, liền đến nơi dò xét quả đúng như lời các cận thần. Nhà vua nói với kẻ tả hữu rằng: "Trẫm thấy đời sống của vợ chồng công chúa Nhật Quang hiện tại, tuy trẫm là vua một nước, thật cũng không sung sướng bằng."

Nhưng vua cũng băn khoăn thắc mắc không biết tiền kiếp công chúa đã tu những nhân lành gì mà nay được nhiều phước báo như vậy.

Vốn nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc đại giác, nên

vua thân hành đến Tịnh xá nơi Phật thuyết pháp, cung kính bạch rằng: "Bạch Thế Tôn! Nghe danh Ngài là bậc đại giác chứng nhất thế trí, hiểu thấu việc trong ba đời, nay đệ tử có điều nghi xin Ngài chỉ dạy: Nhật Quang công chúa thứ hai của đệ tử, không biết đời trước tạo nhân lành gì, mà ngày nay tướng mạo đẹp đẽ, thông minh xuất chúng, giàu có sang trọng... Đệ tử đã gả công chúa cho một kẻ hành khất nghèo hèn thế mà công chúa cũng đào được vàng bạc rồi trở nên sang trọng hơn người. Đệ tử cứ thắc mắc mãi mong Ngài từ bi khai thị cho đệ tử rõ?"

Đức Phật Thích Ca nở nụ cười hiền hòa muôn thuở thông thả dạy rằng: "Nghi vấn Đại vương sẽ được tiêu tan sau khi nghe câu chuyện này:

"Nầy Đại vương! Xưa kia khi Đức Phật Ca Diếp ra đời, có hai vợ chồng người lái buôn giàu có, người vợ rất tôn kính Tam bảo, thường khuyến khích mọi người bỏ việc ác làm lành, quy y Tam bảo, lại hay làm việc bố thí cúng dường, nhất là đối với kẻ tàn tật, nâng hết sức thương mến và tận tâm chăm sóc. Người chồng lại có tánh bòn sẻn, mỗi khi thấy vợ làm việc cúng dường bố thí, thì tỏ ra thái độ bất bằng, tìm cách ngăn cản.

Một hôm gặp ngày nguyên đán, người vợ thành tâm sắm sửa lễ vật để cúng dường Tam bảo và bố thí kẻ nghèo trong ba ngày, người chồng thấy vậy bực tức nói rằng: 'Hãy để dành tiền của lại sắm sửa thêm nhà cửa ruộng đất, chứ làm những việc ấy thêm hao tổn, phỏng có ích gì!' Người vợ dịu dàng trả lời: 'Của cải là vật vô thường ta không bỏ nó, rồi nó sẽ bỏ ta; hơn nữa những kẻ nghèo khổ hiện tại, theo trong kinh Phật dạy, đều do đời trước tham lam ích kỷ, không biết dùng tiền của làm các việc phước thiện; ngày nay đời sống của vợ chồng chúng ta tạm gọi là khá giả, chúng ta nên dùng một số tiền làm các việc phước thiện để bảo tồn hạnh phúc tương lai cho chúng ta, và cũng gọi là góp một

phần trong công việc nghĩa chung vậy.”

Nghe mấy lời giải thích của vợ, người lái buôn mới tỉnh ngộ và cảm động, từ đó anh không ngăn cản vợ mà lại rất hăng hái trong công việc làm phước đức...

Này Đại vương! Vợ người lái buôn xưa kia chính là công chúa Nhật Quang ngày nay, đời trước nàng thường khuyến khích mọi người bỏ ác làm lành, quy y Tam bảo, nên được quả báo thông minh xuất chúng; đời trước sốt sắng cúng dường bố thí, nên nay được quả báo sung sướng giàu sang, nhiều người mến phục; đời trước tận tâm săn sóc giúp đỡ kẻ tàn tật, ngày nay được quả báo nhan sắc đẹp đẽ, tướng mạo đoan trang.

Người lái buôn xưa kia chính là chồng công chúa hiện tại, ngày trước lúc chưa tỉnh ngộ, anh ta bôn sên hay ngăn cản việc làm phước thiện của vợ, nên ngày nay phải chịu đói rách một thời.”

Nghe Phật kể rõ tiền kiếp của công chúa Nhật Quang, nhà vua mới tỉnh ngộ, và rất thâm cảm đạo lý nhân quả tội phước của Phật. Rồi vua cúi đầu dâng lễ Đức Phật ra về.

Về đến cung, công việc đầu tiên của vua là cho người đón rước vợ chồng công chúa Nhật Quang về. Gặp công chúa, vua Ba Tư Nặc khôn xiết vui mừng, vua không quên nói nhiều lời hối hận. Công chúa Nhật Quang cũng rất sung sướng được gần gũi phụng sự cha mẹ, và giúp vua cha trong việc trau dồi đạo đức, bảo quốc an dân. Thanh niên hành khất chớng công chúa, cũng được vua phong cho một chức quan cao cấp trong triều đình.

Quảng Tiễn

*Sống gì hơn sống làm lành
Cho bao nhiêu của để dành
bấy nhiêu*



VỌNG CỔ HƯƠNG

*Lạnh lùng đất khách tuyết sương
Thả hồn theo gió vãn vương quê nhà
Xuân về vườn trở thêm hoa?
Ruộng nương, cây trái đậm đà thắm tươi?
Đồng bào đỡ phải ngược xuôi?
Những mong lắng được tiếng cười vọng sang
Không còn vách đỏ, tường loan
Non sông khởi sắc huy hoàng dân ca
Cùng nhau chung sức đuổi tà
Biển, đất thôi bán, dân làng được yên
Gió hè thoảng chút hương liền
Sen hồng đua nở khắp miền Cờ Hoa (*)
Mặc dù đang sống phương xa
Đóa hoa viên xú chan hòa nhớ thương
Rồi đây tái ngộ tương phùng
Thì ta sẽ kết những dòng thơ vui.*

thơ

DIỆU VIÊN

San Jose, 2020

Hồi chuông cảnh tỉnh...!

NHUẬN HÙNG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nói đến chuông là ai ai cũng hiểu ngay, đó là vật được đúc ra từ đồng, từ ngàn xưa đã có mặt rồi. Nhưng nói cho cùng, cũng có nhiều loại chuông đã được mọi người phân loại như: chuông chùa, chuông nhà thờ, chuông đồng hồ, (alarm) chuông báo động, chuông xe đạp v.v... Tùy theo loại lớn nhỏ mà phân biệt, cho từng mỗi công việc cần thiết... Phân tích về chuông trong phạm vi này, người viết chỉ muốn diễn bày về tiếng chuông cảnh tỉnh, theo cách nhìn khách quan phóng khoáng, không câu kê tiểu tiết về chuông.

Những ngày đầu Xuân Canh Tý, khí trời còn lạnh lạnh, dư âm mùa Xuân vẫn còn quanh quẩn trong phố xá của người Á Châu. Tôi có dịp đi viếng cảnh quanh vùng Nam Cali cùng người quen. Từ leo lên núi cao đứng trên những tầng đá lớn, khí thở khí trời trong lành, cho tới xuống tận bãi biển xanh thăm thẳm, được mệnh danh là thiên đàng nắng ấm, của "vùng đất hứa" "nó" đã thu hút không biết bao nhiêu du khách từ khắp nơi đến để viếng cảnh... Nhưng năm nay chẳng mang lại "chiến tích" gì cả! Mà còn gặp vận xấu nên rơi vào nạn đại dịch "corona virus" tại China "Vũ Hán" thật là khổ cho các du khách, từ phương xa đến. Có nhiều người cũng phải hoãn lại chuyến bay chờ đợi dịp khác... Các hãng máy bay cũng phải "điên đầu" trước sự thất thu đành lòng lên chương trình đình chỉ. Bởi thế, tôi đi đến đâu

chỉ toàn thấy là cảnh yên tĩnh chẳng có ai cả, đúng là con người tu có phải, chỉ biết tìm đến nơi nào thật là vắng lặng...!

Nhưng có một hôm tôi đến viếng cảnh ở bờ biển Long Beach gần khu quân sự... Thoạt đầu, tôi thấy trên ngọn đồi thoai thoải, cảnh trí chung quanh rất thoáng mát, những thảm cỏ xanh tươi rượi, phía trước lối vào, ngôi nhà hướng mặt ra biển có hai trụ cờ, một cờ Hoa Kỳ và trụ kia là cờ Hàn Quốc đang hiện ngang trên nền trời xanh thẳm, để chúng tỏ đồng minh sát cánh bên nhau. Kế đồi đó tôi nhìn thấy chiếc chuông to nằm trong lầu chuông trông thật trang nghiêm. Tuy nơi đây không phải là chùa nhưng giữa khu đồi rất xinh xắn hướng ra biển xanh bát ngát, cảnh trí tuy đơn sơ nhưng toát ra sự yên tĩnh trong giống như thiền môn, mà thiền sinh đang tìm đến đó để tu tập. Thịnh thoảng cũng có vài người khách ngoại quốc đi quanh viếng cảnh và thắp chuông. Còn có người mang cả thức ăn và gia đình đến đó nghỉ mát, và ngắm cảnh trông thật thú vị. Tháp chuông này kiến trúc theo lối Đại Hàn cổ đại nên màu sắc tuy sặc sỡ nhưng cũng có vẻ thiền vị thoát tục. Lòng tôi chùng hẳn lại, khi bước đến những nơi nhưng thể này. Những ý tưởng ngày xưa liền khơi lại, khiến tôi nhớ lại ngày đầu tiên bước đến chùa, sự phụ dạy bài học đầu tiên là phải thuộc kệ

"thịnh chuông" rồi sau đó chỉ tôi cách "đánh", nói đúng theo cách của thiền môn là "thịnh" Đại Hồng Chung (chuông). Nói đến Đại Hồng Chung là loại chuông lớn của chùa. Tùy theo chùa lớn, nhỏ mà tạo dựng Đại Hồng Chung, cho hợp với không gian của chùa... Ngoài chuông lớn còn có trống lớn nữa, đó gọi là pháp khí trong chùa... Tôi còn nhớ như sau:

Kệ thịnh chuông

"Nguyện thử chung thanh siêu pháp giới / Thiết vi u ám tất giai văn.

Văn trần thanh tịnh chúng viên thông / Nhất thiết chúng sinh thành chính giác."

Văn chung thanh phiên não khinh / Trí tuệ trưởng Bồ Đề sinh,

Ly Địa ngục xuất hỏa khanh / Nguyện thành Phật độ chúng sanh"

Nghĩa:

(Nguyện tiếng chuông này ngân khắp cõi / Thiết-vi ngục tối thảy xa nghe

Cõi trần trong sạch đều thông suốt / Giác ngộ sanh linh cả mọi loài.

Nghe chuông, phiên não nhẹ lâng lâng / Bồ đề lớn thêm, Tuệ sáng ngần

Xa rời Địa-ngục, qua hầm lửa / Nguyện thành chư Phật, độ chúng sanh.)

Nhắc lại, Đại Hồng Chung được mệnh danh chuông lớn hay còn gọi là chuông U minh, chuông này thường được gióng vào những lúc đầu hôm (5 hoặc 6 giờ chiều) và canh khuya (4 giờ sáng). Thịnh chuông vào lúc đầu hôm là để thức tỉnh và nhắc nhở mọi

người rằng:

*"Vô thường mau chóng,
chẳng hẹn một ai,
khi hơi thở ra, mà không
quay về lại được là qua đời
khác".*

Còn đánh vào lúc canh khuya, gần sáng là để sách tấn mọi người mau mau tu tập, đoạn trừ mọi phiền não cầu uế của tự tâm, gạn lọc (tham, sân và si) là thứ gây ra tội lỗi, trói buộc trong vòng sinh tử luân hồi. Lối đánh chuông này, thường là 108 tiếng, ý nghĩa biểu trưng cho 108 thứ phiền não của chúng sinh, khi chuông đánh lên thì 108 thứ phiền não này đều bị rơi rụng, trí tuệ phát sinh, căn lành tăng trưởng, đạt được sự giải thoát giác ngộ trong tương lai. Đại Hồng Chuông còn được đánh vào những buổi lễ lớn để thỉnh chư Phật - chư Bồ Tát... cùng chung với trống lớn ở chùa cho nên gọi là Chuông Trống Bát Nhã. Hoặc là khi có những buổi lễ lớn quan trọng của chùa thì mới dùng đến...!

Báo chúng chung hay còn gọi là Tăng đường chung, tức là loại chuông này dùng để báo tin trong lúc nhóm họp Đại chúng, thọ trai hoặc khi lên khóa lễ hay kiến chùy v.v... trong các chùa và am tự viện thường dùng đến.

Gia trì chung là loại chuông dùng để đánh trong trường hợp đầu bài hoặc cuối bài những câu kinh hay câu sám, hoặc cũng có lúc xuống dòng của đoạn hay của câu, và còn ra hiệu cho biết khi bắt đầu hoặc chấm dứt buổi lễ. Đồng thời cũng là để điều hoà cho người tụng kinh, lễ Phật được nhịp nhàng đều đặn, hướng người tụng vào một con đường duy nhất là Chí Tâm, còn gọi là chuông gia trì, thường để phía trước bàn Phật.

Nói đến tiếng chuông, ngoài trừ chuông chùa ra chúng ta còn có nhiều loại chuông khác nữa. Nhưng ở đây trong phạm vi bài này không thể diễn đạt cho hết được. Tôi chỉ đơn cử vài khía cạnh về chuông, với cảm nhận của riêng tôi tiếng chuông cảnh tỉnh trong bài này chỉ là



lòng mong mỏi của tôi, cũng như mọi người. Bởi đời sống thực tại hiện tại bây giờ, đang trên đà phát triển đi quá nhanh hơn mình tưởng.

Hãy thử nghĩ lại cách nay thời gian gần nhất là hai mươi năm. Mọi vật vẫn còn trong giai đoạn bình thường từ từ tiến hóa. Thế mà, quay ngoắt chỉ trong chớp mắt hai mươi năm qua, trong hai mươi năm đó thay đổi, đổi thay biết bao nhiêu công việc. Nhất là thời đại khoa học kỹ thuật lên cao, cộng thêm nạn nhân mãn. Thống kê con số dân cư càng lúc càng tăng vọt, đời sống hẳn nhiên phải vất vả thêm ra. Nhưng nói thế, con người không thể dậm chân tại chỗ, phải chạy theo trào lưu, nghĩa là lao vào vòng xoáy của cuộc đời. Không ngoài vật chất, sinh nhai như ngày xưa, mà còn thực phẩm hằng ngày cũng bị con người điều khiển, từ sự phát triển cho đến thành phẩm phải cho ra số nhiều và ngắn hạn, mới có đủ số lượng lớn cung cấp cho mọi người tiêu thụ.

Phải chăng, đó có phải là ưu tư trong cuộc sống không? Nếu chúng ta sống mà nương vào hóa chất nhiều thì sức khỏe của con người sẽ ra sao? Nhất là nạn dịch "Corona virus" đang hoành hành khắp mọi nơi, chúng ta ai ai, cũng biết. Chẳng hạn một khi đại dịch đã đến, thì chúng ta phải làm gì đây? Chúng ta cần ý

thức cho cuộc sống trước cái đã, nên tự chăm sóc bản thân, cùng con cháu và người thân... Việc gì đến rồi sẽ đến, nhưng tâm chúng ta mãi mãi vẫn còn chưa yên được. Bởi xã hội này còn đang gặp nhiều tai ách...! Ta không lường trước được.

Vậy hãy nghe tiếng chuông để cho lòng lắng đọng lại, bớt đi những "tham-sân-si-mạn-nghi-ác-kiến." Có như thế, thì cuộc sống bớt đi phiền não. Phiền não nhiều thì dễ sinh ra bệnh hoạn. Bệnh hoạn thì sẽ ra sao? Nếu không đến chùa được, hằng ngày chúng ta cũng cố gắng tạo cho mình có một không gian yên tĩnh, ít nhất cũng dành cho được nửa giờ đồng hồ, nếu được nhiều càng tốt. Chúng ta nên tập ngồi xếp bằng, tư thế ngồi thiền, (theo kiểu quý thầy - quý sư cô) ngay thẳng trong phòng khách hay nơi nào đó thuận lợi, không suy nghĩ việc gì cả, chỉ hít vào và thở ra theo dõi hơi thở trong thời gian rất ngắn, nếu được từ từ gia hạn thêm. Thỉnh thoảng đánh một tiếng chuông nhỏ, rồi sau đó tập trung nghe theo tiếng chuông. Nếu làm được như thế, thời gian sau chúng ta sẽ cảm nhận được gì? Câu trả lời dành cho quý vị!!!

Đứng trên phương diện, nhân sinh theo tôi nghĩ nếu đem tiếng chuông thức tỉnh lòng người mà viết ra, rất là dài dòng, nên dành vào dịp khác.

Theo tôi được biết, từ ngày xưa tiếng chuông mà đã không biết bao nhiêu nhân văn, thi sĩ thường hay nhắc đến: "Phong Kiều Dạ Bạc" (thơ - Trương Kế)

"Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên

Giang phong ngư hỏa đối sầu miên

Cô Tô thành ngoại Hàn Sơn Tự

Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền".

Dịch nghĩa:

Trăng lặn, quạ kêu, sương phủ đầy trời

Trong giấc mơ buồn có cây phong ở bến sông và ngọn lửa thuyền chài

Chùa Hàn Sơn ở ngoại thành Cô Tô

Nửa đêm khách đi thuyền tới nghe thấy tiếng chuông chùa ngân vang

Dịch thơ:

Quạ kêu, trăng lặn, sương rơi

Lửa chài, cây bãi, đối người nằm co

Con thuyền đậu bến Cô Tô

Nửa đêm nghe tiếng

chuông chùa Hàn Sơn

(Bản dịch: Tản Đà)

"Trích theo cuốn *Thơ Đường* của Trần Trọng San có ghi lại có một truyền thuyết khá lãng mạn về bài này. Một đêm trăng, sư cụ trụ trì chùa Hàn Sơn, cảm hứng nghĩ ra hai câu thơ:

Sơ tam sơ tứ nguyệt môn lung

Bán tự ngân câu bán tự cung

Thao thức mãi trong phòng mà sư cụ không nghĩ ra hai câu tiếp. Tự nhiên có tiếng gõ cửa. Thì ra là chú tiểu cũng trần trọc vì 2 câu thơ mình mới nghĩ ra:

Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn

Bán trầm thủy để bán phù không

Nhưng cũng không làm tiếp được và xin thầy giúp. Nghe xong, sư cụ mừng quá, quý xuống tạ Phật. Vì quả thật 2 câu thơ của chú tiểu ăn khớp với 2 câu của sư cụ, thành bài tứ tuyệt mà Trần Trọng San đã dịch như sau:

Mông ba, mông bốn, trăng mờ

Nửa đường móc bạc nửa như cung trời

Một bình ngọc trắng chia hai

Nửa chìm đáy nước nửa cài từng không.

Làm xong bài thơ này lúc nửa đêm, sư cụ bảo chú tiểu đánh chuông tạ ơn Phật. Tình cờ đêm hôm đó trên thuyền, thi sĩ Trương Kế cũng không ngủ được vì không nghĩ được câu tiếp cho hai câu "Nguyệt lạc ô đề..." Tự nhiên chuông chùa Hàn Sơn đổ đến, gợi hứng cho thi nhân hoàn tất bài *Phong kiều dạ bạc* "... *Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền...*"

Còn chùa Hàn Sơn là một ngôi chùa hẻo lánh ngoài thành Ngô Huyện thuộc tỉnh Giang Tô. Xung quanh bát ngát rừng mai, phía sau dòng sông xanh ngắt lừng lờ uốn khúc, giữa hai dãy núi sừng sững vươn mình trong làn mây trắng xoá. Chùa ở bên cầu có cây phong nên gọi là Phong Kiều. Trên sông đêm có ánh lửa chài. Bài thơ của Tản Thực đời Tống có câu: "*Ô đề nguyệt lạc kiều biên tự*" (Quạ kêu trăng xế chùa bên cầu) và thơ Khang Hữu Vi đời Thanh, có câu "*Lãnh tân Hàn Sơn cổ tự phong*" (Lạnh đến cả cây phong bên chùa cổ Hàn Sơn) đều nói rõ chùa Hàn Sơn bên cầu có cây phong. Như vậy, Giang phong và Ngư hỏa trong bài thơ vẫn là cây bên sông và lửa chài, chứ không phải là tên 2 quả núi Giang Phong và Ngư Hỏa như một vài giả thuyết đã nói."

Câu chuyện, nói về tiếng chuông rất là dài, cho nên tôi chỉ nhắc thêm một việc nữa là, ngày xưa tiếng chuông, tiếng trống cũng là khí cụ thúc quân ra chiến trường mỗi khi có giặc đến hay là trong những buôn làng hẻo lánh núi non trùng điệp, dùng tiếng chuông để báo động, khi có thú dữ tìm đến quấy phá dân lành. Thật vậy, tiếng chuông cũng có công hiệu đến với mọi người...!

Tóm lại, bài viết này nói lên "hồi chuông cảnh tỉnh" cũng là tiếng lòng của ai đó, cũng có thể giống lên tiếng nói của tự tâm mình. Bệnh vực cho một ai đó bị bất công hay là cho một đoàn thể hoặc là tiếng nói ra tranh cử trước bao công chúng để đem tự do - dân chủ - nhân quyền cho Việt Nam. Hồi chuông đó cũng là hồi chuông cảnh báo cho sự sống còn do nạn dịch "corona virus." Còn báo hiệu "đỏ" cho thế giới biết sức tàn phá của nạn "đại dịch xảy ra là khiếp đảm như thế nào?" Có phải chăng bàn tay ai đó thừa nước đục thả câu, mà chế ra vũ khí sinh học giết hại người dân vô tội, cho nên chúng ta cần ra sức giúp cho những người gặp hoạn nạn. Cũng là công việc nhắc nhở chính bản thân chúng ta cần phải thận trọng trong cuộc sống, giao tiếp hằng ngày và giữ vệ sinh cho thật tốt. Hồi chuông ấy còn báo hiệu cho mọi người tìm về với sự an lành, sau khi cuộc đời trải qua bao thăng trầm. Nó cũng có thể giống lên hồi cảnh cáo những ai còn mê muội đắm chìm trong cõi dục vọng trần lao hay đắm chìm trong cõi vô minh. Hãy mau thức tỉnh về với Phật đà, hồi tâm chuyển ý không còn bụi trần đen đui lấm dầy. Hỡi! Những ai đã lầm đường mù quáng không biết lối về, hãy nghe tiếng Chuông Đại Hồng mà thức tỉnh quay về bến giác. Nhất là cộng đồng hãy ý thức cuộc sống cho dân chúng đừng làm những việc trái lương tâm, đi ngược lòng dân sẽ bị bánh xe lịch sử nghiền nát. Nên ý thức trước trào lưu tiến hóa của xã hội. Mong sao nạn dịch "Corona virus" sớm ngừng phát triển, để mọi người kịp thời có biện pháp khống chế, không cho "đại dịch hoàn cầu" chúng phát sinh nữa. Mong sao mọi người trên thế giới này sẽ có cuộc sống an lành, tươi mát nơi không khí trong lành, ấm êm.

Mong lắm thay!!!

CA ngày 25-2-2020

Nhuận Hùng



TẢN MẠN ĐÊM MƯA

*Ta vội đến
Ta vội đi
Cuộc hành trình không dấu ấn
Ta hư cấu lên một huyền thoại hoang đường
Từ buổi bình minh của nhân loại
Hay hồng hoang của vũ trụ sơ khai
Ta lang thang giữa ngã đường thiên lý độc hành
Lặn hụp trong tử sanh vô tận
Và đối diện với chuỗi dài nghịch lý
Những bi kịch tồn sinh
Những mâu thuẫn hơn thua, lợi danh ích kỷ
Thương ghét hận thù với đồ kỹ nhỏ nòi
Ta cô độc
Ta lẻ loi
Ta mơ hồ giữa dòng đời Mộng-Thực
Chợt tỉnh chợt mê trong tiềm thức
Trong hư ảo hữu hình
Ta chôn chân trong cát bụi
Mịt mờ hoang tưởng tìm chân lý xa xăm
Cuộc lữ hành trăm năm
Ta chưa từng đến
Chưa từng đi
Và chưa từng hiện hữu
Con gió thoáng lạnh giữa phù vân tan hợp
Ta bông giặt mình
Nghe xào xạc tiếng mưa đêm...*

thơ

THÍCH NỮ
HUỆ HOÀN

Mùa hạ chiều phương ngoại

DU TÂM LÃNG TỬ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mùa hạ chiều phương ngoại đẹp lắm, đẹp đến nao lòng. Trời xanh mây trắng vẫn bay như ngàn xưa... Mình đến để rồi đi, nhưng đi về đâu? Có bao giờ tự nhủ lòng như thế chẳng? Nhà Phật vẫn thường cảnh tỉnh: "Sinh ư hà xứ, tử ư hà quy." Nếu em còn thao thức ắt phải tìm lời giải của câu hỏi khó mà trả lời này!

Mình đến để rồi đi, người xưa đã qua, người sau đang đến! Mình là vệt nổi giữa trước và sau. Mình là kẻ thừa hưởng quá khứ và truyền lại cho tương lai, bởi thế mới có hai chữ truyền thừa. Đời trước còn có đời trước nữa, đời sau còn có đời sau nữa, quá khứ vô thủy, vị lai vô chung. Cuộc đời này là miền viển. Cuộc đời này ràng buộc bởi cơm, áo, gạo, tiền... mà nào chỉ có thế, còn vô vàn thứ khác nữa: sắc dục, danh tiếng, ăn chơi, hưởng thụ... Trăm ngàn thứ nó bỏ buộc con người. Nhà Phật đúc kết lại là "Ngũ cái." Năm cái dù nó che lấp mất bản tánh thanh tịnh của mình. Ngũ cái là năm món: tài - sắc - danh - thực - thủy. Dù là ông vua hay phó thường dân, ai ai cũng bị năm cái dù này che choáng mà không còn thấy được chơn tâm. Năm cái dù này làm cho mình triền miên trong sanh-tử, oằn oại trong khổ đau, vật vờ trong cuộc đời... Mỗi người có những nỗi khổ khác nhau, cái khổ nó dày vò, giằng xé, bó buộc con người. Thân và tâm ngày đêm như thiêu đốt (xí thạnh) vì mưu cầu tài - sắc - danh - thực - thủy. Bởi thế nhà



Phật mới dạy mình con đường giải thoát, giải thoát cái gì? - Giải thoát những ràng buộc, những khổ đau của cuộc đời. Giải thoát (liberate) là ước mơ, là mục tiêu, là con đường hướng thượng mà những ai thao thức trong đời ắt phải tìm về.

Chuyện kể có gã du tử trẻ trở về nguồn cội để bái kiến sư phụ mong cầu chỉ giáo con đường giải thoát. Sư phụ hỏi: "Ai trói buộc người?" Gã du tử tình ngộ lập tức và thưa: "Bạch thầy, không có ai trói buộc con cả!" Thế đấy, mình tự buộc mình, em tự buộc lấy em! Không có ai trói buộc mình thì làm sao nhờ người ngoài giải thoát cho mình được cơ chứ! Chính cái vọng tâm của mình nó buộc lấy mình, chính "ngũ cái" nó bó buộc mình. Mỗi người mỗi nghiệp khác nhau. Có kẻ nặng về tiền bạc nhưng có

người lại sống chết vì sắc dục. Sắc dục là thứ trói buộc bền nhất trên thế gian này, nó là khoá xích chắc nhất, là nhà tù kiên cố nhất. Sắc dục là thứ mà con người từ cổ chí kim, từ cao sang đến bần hàn, từ trí chí ngu đều khổ lụy và sống chết vì nó. Gã du tử trẻ kia cũng là con người thì đâu có lẽ nào nằm ngoài vòng cương toả của nó. Gã du tử cũng từng thao thức, khát khao, hy vọng, khổ đau... chỉ vì một nụ cười, một ánh mắt! Gã từng mơ đưa em về vườn địa đàng nào đó nơi không có vết chân người. Gã từng lo lắng thế gian này không có đủ cánh hoa để rải trên đường dưới mỗi bước chân son. Ràng buộc thế đấy! Sắc dục như nước muối, càng uống càng khát. Sắc dục như mật ngọt trên lưỡi dao, càng liếm càng thương đau... Nhưng mấy ai hay, mấy ai tỉnh để mà buông!

Có những người vâng lời Như Lai buông xuống cả, cuộc đời chỉ một bất ba y mà thông dong trên bước đường đời. Những người vâng lời Như Lai đã tự giải thoát mình và ngày đêm chỉ dẫn cho người. Những người vâng lời Như Lai cũng chỉ là trợ duyên, là ông thầy chỉ đường chứ không thể giải thoát giúp được! Muốn giải thoát thì phải tự mình. Không có ai trói buộc mình thì cũng không có ai giải thoát cho mình!

Hãy dẫn bước (let go), hãy buông xuống (let down) mà thôi! Người ta bảo rằng: có ông chủ dẫn cậu con trai vào hãng chơi. Chú bé thấy những chai lọ thủy tinh đầy màu sắc và vô

vàn bong bóng nên thích lắm. Chú bé cố ôm lấy cho thật nhiều nhưng càng ôm thêm, thì càng rơi rớt, đổ bể. Đến lúc ra về, chú bé lại cố buộc cho thật nhiều bong bóng nên càng vướng víu chẳng thể nào đi được. Ông chủ nhìn chú bé một cách triu mến và bảo: "Let down let go." Chú bé vâng lời cha buông xuống cả, lập tức thấy nhẹ tênh nhảy chân sáo mà miệng hát líu lo... trông rất thoải mái và tự do như chưa từng bị bó buộc bao giờ! Thế đấy, muốn giải thoát, muốn tự do thì phải buông xuống và dẫn bước mà thôi!

Thế đấy em ơi! Ngũ dục như bóng bóng, như ve chai tuy đẹp lấp lánh đầy màu sắc và hấp dẫn nhưng càng ôm lấy thì càng ràng buộc và rơi rụng. Mình cũng như chú bé con khờ khạo kia, một mai buông đặng là lập tức tự do; khi ấy ngại gì mà không lên cao sơn hú một tiếng vọng cả đất trời, ngại gì mà không ra bể cả ca cho dậy sóng nước trùng dương. Tài-sắc-danh-thực-thuỷ có ai hơn được thái tử Tất Đạt Đa nhưng rồi ngài buông bỏ như chiếc dép rách. Kế tiếp tổ sư cũng thế, ngài An Sĩ (Thế) Cao là vua của nước An Tức (Iran ngày nay) cũng buông bỏ để làm trưởng tử Như Lai. Ngài Bồ Đề Đạt Ma là thái tử con vua nước Hương Chí (một nước cổ ở Tây Vực, nay thuộc Ấn Độ) cũng rũ bỏ nhẹ như bụi trần. Vua Trần cũng bỏ ngôi mà lên yên Tử hành hạnh đầu đà... Thế đấy! Các ngài buông bỏ và dẫn bước. Các ngài nêu tấm gương cho mình ngưỡng vọng và noi theo.

Dã sử kể Alexandre Đại Đế là ông vua vĩ đại nhất của loài người. Ông ấy từng chinh phục ba phần tư thế giới thời cổ đại, từng mang quân từ Macedonia vượt qua cả sông Hằng. Ấy vậy mà khi chết di chúc rằng: bắt những thầy lang giỏi nhất khiêng quan tài cho ta, quan tài khoét hai lỗ và để hai bàn tay ta ra ngoài, vàng bạc của ta rải hết trên đường di quan... Dã sử không phải là chính sử, có nhiều huyền hoặc, thêm

bớt, dã sử là chuyện giai thoại không có tính chính xác... nhưng cái thông điệp kia mới tuyệt vời làm sao. Thế gian này vốn vô thường, tranh đoạt cho lắm cũng thế thôi. Mình đến thế gian này hai tay trắng thì khi ra đi cũng trắng hai tay, tất cả bỏ lại hết, cái duy nhất mang theo là những nghiệp thiện-ác đã làm trong một đời. Cuộc trăm năm ngắn ngủi lắm em ơi! Nói trăm năm là ước lệ, là văn vẻ thế thôi, thật sự thì một khi hơi thở không vào ra là tất cả chấm dứt, lúc bấy giờ muốn buông thì cũng muốn mang rời.

Thân này không thật, nó chỉ là giả hợp của những tế bào, nó chỉ là duyên sanh của tứ đại-ngũ uẩn. Thế giới này không thật, nó chỉ là sự kết hợp của những nguyên tử vật chất, nó là tạm kết thành của những yếu tố cần và đủ. Thời gian không thật, quá khứ - hiện tại - vị lai khởi từ một niệm vọng tâm... Vậy thì ngũ dục làm sao thật được em ơi! Ngày tháng qua mau, mình đến rồi sẽ đi sớm thôi. Gã du tử tìm về nguồn cội, con đường nhiều chông gai trắc trở, lắm lúc lòng lung lay lắm, con đường miên viễn độc hành đôi khi lại mê bươm đẹp hoa thơm và nghe lời rù quên của ma quân mà xao lãng mục đích ban đầu. Gã du tử cũng là một con người đầy thất tình lục dục kia mà, tuy vậy lòng vẫn hướng về Như Lai, nhớ về chư tổ. Các ngài như ánh trăng trong đêm trường, như hải đăng cho những con tàu tròng trành sóng nước trùng khơi tìm về bến bờ bình an.

Em ở đâu? Vẫn mắt biếc trong đời làm cho lòng ta thao thức, dù rằng tập tễnh học hạnh buông nhưng đầu để một sớm một chiều! Mắt biếc, má đào, vóc hạc, gót son... chao ôi cả một trời tư tưởng, mùa hạ chiều phương ngoại đẹp lắm, lòng nao nao vẫn nhớ về cố quận. Hình bóng cố quận là mái chùa làng cổ sơ, là góc phố nhỏ đêm khuya, là phần mộ tổ

tiên, là hồn thiêng sông núi... dẫu cho những thế lực vô minh, hôn ám làm cho ít nhiều hư hao nhưng cố quận vẫn còn đó, hết suy sẽ có ngày hưng thịnh! Tuy nhiên sẽ cần nhiều thời gian, công sức và đôi khi cả máu xương. Cố quận vẫn lung linh lay động trong tâm hồn. Nhà Phật bảo:

*"Thập phương hư không
bất ly đương xứ
Cổ kim tam thế bất ly
đương niệm"*

Thế đấy! sơn hà đại địa, vũ trụ hư không cũng từ một niệm mà ra; thời gian, không gian cũng một niệm tâm vậy! Vậy thì em mắt biếc cũng không ngoài một niệm tâm! Cũng từ một niệm tâm mà tháng ngày phương ngoại lắm lúc hồn mênh mông, lòng lung linh lạ lùng thay. Gã du tử vẫn thường:

*Rót ly vang đỏ tự mừng
Mấy mươi năm lẻ đã từng
vậy sao
Ừ thì chẳng đón đưa nhau
Thưa rằng quên đã từ lâu
lắm rồi*

(thơ TLTP)

Thưa rằng quên đã từ lâu, ừ thì em vẫn mắt biếc trong đời, ừ thì mình chẳng đón đưa, có thật quên chẳng? Một niệm tâm em ơi! một quãng đường đời như thế, một cung trời ngoại phương như thế!

Em ơi, mình vẫn là kẻ độc sanh, độc tử, độc khứ, độc lai! Ai cũng thế thôi trên con đường sanh-tử này! Cuộc đời dù muôn màu cũng không sao che lấp được sự lung linh lấp lánh của trang Tâm kinh. Dòng đời dù ồn ào, náo nhiệt cũng không sao khoả được lời thì thầm của Tâm Kinh.

"Yết đế, yết đế, ba la yết đế..." một chiều hè phương ngoại!

Ất Lăng thành
DU TÂM LĂNG TỬ

PHÚT GIÂY NGÃU HỨNG

HÀI THÊU HOA

Em chưa về với ngọn ngành
Mùa xuân đã biếc trên nhành hoàng mai
Thướt tha tà áo lụa dài
Giữa thành tháp thoáng gót hài thêu hoa

VỚT TRẮNG

Một ly vang đỏ đủ vừa
Ngày trong bận bịu đêm thừa dư hương
Vì chẳng chẳng đặng tình trường
Thò tay xuống nước toan đường vớt trắng

HƯƠNG THÂN

Nửa đêm nằm mộng giật mình
Cuồng cơn thống khoái ấy tình giao hoan
Đá lăn lóc lở núi non
Rạng ngày ra vẫn hầy còn hương thân

SƯƠNG SAO

Muru sinh vất vả nhọc nhằn
Đổi bao tình lực nuôi thân với đời
Chợt nhiên em đến nói cười
Đường trần khổ vậy có người sương sao

LẠNH LÙNG LỢ

Gặp nhau cất một tiếng chào
Ta - người hoan hỷ ai nào mắt chi
Vậy mà cũng có đôi khi
Lạnh lùng lơ
chẳng nói chi nửa lời

UÔNG

Ông thầy áo vải cơm chay
Cốc keng chuông mõ tháng ngày kệ kinh
Dân oan, nước loạn mặc tình
Phật cười uông cả công trình bấy lâu

QUA LÀN KHÓI

Tôi xa cố quận mấy mùa
Ngày xuân lễ Phật lên chùa ngoại phương
Nghìn trùng cả Thái Bình Dương
Qua làn khói thấy quê hương hiện tiền

NGỘ

Hoa đào nụ hầy còn non
Cung trời hải ngoại hầy còn tuyết băng
Gặp người giữa chợ ngộ rằng
Mùa xuân chẳng nệ vẫn hăng hỷ hoan



VÔ MINH

Con chim nhỏ đậu bên mình
Liu lo nó hót vô minh tháng ngày
Vụng tu nặng nợ kiếp này
Gã khờ ngờ ngẩn còn say men tình

MỘT LẦN THÔI

Một lần thôi nhé em ơi
Một lần thôi đủ đã đời ước ao
Một lần đồng vọng xôn xao
Một lần thôi lại mãi sao một lần

VÔ TẬN TƯỜNG

Tôi chơi phố chợ thị thành
Trai xinh gái đẹp để dành cho ai
Tắc thân nặng nợ hình hài
Từng vô tận tường nên hoài tử sanh

PHONG TRẦN NHƯ AI

Của này chẳng đáng một đồng
Ơn người nghĩa trọng vàng ròng một cân
Vậy nên mới phải nợ nần
Giá không ắt cũng phong trần như ai

TƯỜNG CHỪNG

Tường chừng rất mực tình anh
Ai dè một miếng táo xanh chua lè
Nhà ra sợ chúng cười chê
Nuốt vào chẳng đặng mà tê tái lòng

NGƯỜI CHỈNH CHU

Bán mua da thịt lấy tiền
Bao nhiêu chê trách xô xiên nặng lời
Đêm qua nham nhở chơi bời
Sáng nay đạo mạo ra người chỉnh chu

thơ DU TÂM LĂNG TỬ

Ất Lăng thành, 2/2020

The Story of Citta, the Householder

Dhammapada, Verse 303

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (303) of this book, with reference to Citta, a householder of Macchikasanda town.

Citta, after hearing the Dhamma expounded by the Venerable Sariputta, attained Anagami Magga and Phala. One day, Citta loaded five hundred carts with food and other offerings for the Buddha and his disciples, and left for Savatthi, accompanied by three thousand followers. They travelled at the rate of one yojana a day and reached Savatthi at the end of a month. Then Citta went ahead with five hundred of his companions to the Jetavana monastery. While he was paying obeisance to the Buddha, masses of flowers dropped miraculously from above like showers of rain. Citta stayed at the monastery for one whole month, offering alms-food to the Buddha and the bhikkhus and also feeding his own party of three thousand. All this time, the devas were replenishing his stock of food and other offerings.

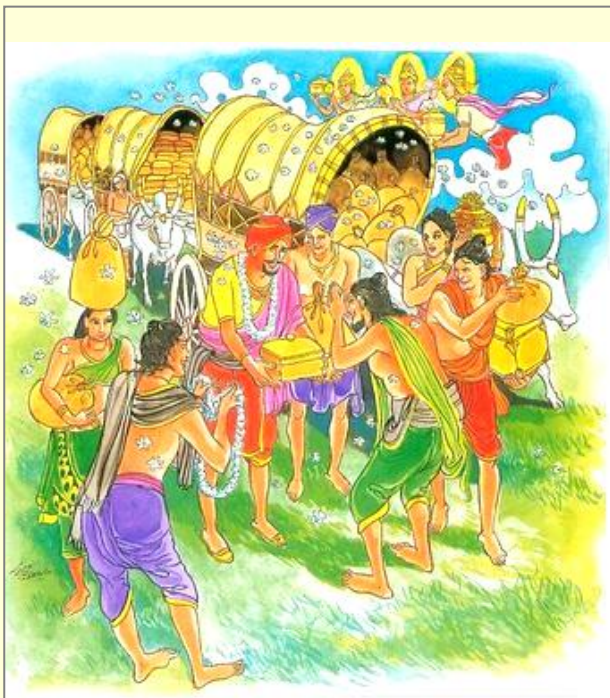
On the eve of his return journey, Citta put all the things he had brought with him in the rooms of the monastery as offerings to the Buddha. The devas then filled up the empty carts with various items of priceless things. The Venerable Ananda, seeing how Citta's riches were being replenished, asked the Buddha, "Venerable Sir! is it only when Citta approached you that he is blessed with all these riches? Is he similarly blessed when he goes somewhere else?" To him the Buddha replied, "*Ananda, this disciple is fully endowed with faith and generosity; he is also virtuous and his reputation spreads far and wide. Such a one is sure to be revered and showered with riches wherever he goes.*"

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 303: He who is full of faith and virtue, who also possesses fame and fortune, is held in reverence wherever he goes.

FAITH & RESULTS

Wherever the one with faith, fame, moral virtue, & wealth rightly gained goes, there he is honored accordingly.



Translated by **Daw Mya Tin, M.A.**,
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.

GIẾT CON CHO ĐỦ GÁNH

*Có người nuôi bảy đứa con
Một con bỗng chết, không còn sống thêm
Thì hài anh chẳng chôn liền
Trong nhà anh vẫn giữ nguyên con mình
Rồi anh cùng cả gia đình
Dọn đi nơi khác. Quả tình lạ thay!
Láng giềng thấy vậy nói ngay:
“Sao không gánh xác chết này đi chôn
Mà anh lại bỏ đi luôn
Hành vi như vậy chẳng khôn chút nào
Rất là dại dột biết bao.”
Anh kia bèn đáp: “Biết sao bây giờ
Chắc chi tôi đã dại khờ
Một con nằm chết vậy mà khó khăn
Muốn cho quang gánh được cân
Hai đầu cần có xác thân hai người
Gánh đi chôn mới dễ thôi
Mới thành đủ gánh đôi nơi cân bằng.”
Thế rồi anh chợt nghĩ rằng
Giết thêm đứa nữa dễ dàng gánh ra
Nghĩ xong anh chẳng nề hà
Giết thêm một đứa thế là đủ đôi
Hai con thành một gánh rồi
Gánh lên chôn tại núi đồi trên cao.*

**
Truyện này tỉ dụ giống sao
Người tu Giới Luật phạm vào ít thôi
Nhưng không sám hối một lời
Ăn năn cũng tránh. Tính bèn đối gian
Làm như giữ Giới đàng hoàng
Có ai chỉ trích lại càng ngang nhiên
Bao Giới Luật cứ phạm thêm
Nói rằng: “Sau đó sẽ liền ăn năn
Sẽ liền sám hối một lần
Cho thêm thuận tiện, đâu cần ngưng ngay.”
Tu như vậy sai lầm thay
Giới như ngọc quý hàng ngày phải tuân,
Tu sai thời tiếc vô ngần
Giống người ngu xuẩn bội phần kẻ trên
Muốn cho đủ gánh hai bên
Vô minh sai khiến giết thêm con mình.*

thơ **TÂM MINH**
NGÔ TẶNG GIAO
(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

The Dead Son Is About to Remain In The House

Once upon a time there was a man who brought up seven boys, one of whom died. Finding the son dead, he intended to leave the body in the house and moved out himself. A bystander said to him, "You know the living and the dead go separate ways. Since your son is dead, he should be quickly buried in a far away place with all due solemnity. Now why do you want to leave your house and let your dead son remain here?"

When the man heard this, he decided to bury his son and not let the corpse lie at home. He then thought he would have to kill another son to hang one body on each end of the pole to keep in equilibrium and carry them for burial in a long way off the forest. That seemed the only thing possible for him to do and he did it. His contemporaries laughed aloud at his unprecedented eccentricities.

A monk, who secretly broke one commandment, felt afraid to confess it. He would pretend that he had scrupulously kept all commandments and led a life free from evil and defilement.

Some wise men might then tell him, "A monk should keep the commandments just like brilliant pearls should be protected from being damaged. How can you break what you have accepted? Now you are reluctant to confess them."

The offender would answer, "Now that I have to confess, I might as well do more breakings. Then I'll confess all my sins at once."

Consequently, he broke more commandments by doing many evil things before his confession. This monk is just like that stupid man who kills another son when one dies.

(Phần tiếng Anh trích dẫn trong "Sakyamuni's One Hundred Fables" của Tetcheng Liao)

CÓ MẶT CHO NHAU



thảo luận đề tài liên quan đến công việc Hoàng pháp

THÔNG BÁO KHẨN

**Hủy bỏ buổi sinh hoạt Có Mặt Cho Nhau 7 tại Orlando, FL
và Dời ngày sinh hoạt Có Mặt Cho Nhau 8 tại Nam California**

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Kính bạch Chư Tôn Thiên Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý vị thiện hữu tri thức, quý cư sĩ, và quý đồng hương,
Kính thưa quý Huynh trưởng, Đoàn sinh GDPT và giới trẻ xa gần,

Kính thưa quý vị,

Nạn dịch Covid-19 là một cuộc khủng hoảng sức khỏe trong cuộc sống của chúng ta và cộng đồng thế giới hiện nay, vì sức khỏe quý báu của số đông và của tập thể, ban tổ chức quyết định hủy bỏ buổi sinh hoạt Có Mặt Cho Nhau 7 tại Orlando, FL và dời ngày sinh hoạt Có Mặt Cho Nhau 8 tại Nam California. Có Mặt Cho Nhau 8 được dời đến ngày thứ Bảy, 6 tháng 6, 2020 tại phòng hội Viện Việt Học như Thư Mời dưới đây. Chương trình giống nhau, chỉ có khác ngày mà thôi.

Xin thành thật cáo lỗi và mong sự cảm thông của tất cả quý vị.

Chúng tôi luôn cảm ơn sự quan tâm và ủng hộ của Chư tôn Thiên Đức Tăng Ni, quý vị đồng hương trong thời gian qua và xin hẹn gặp lại trong chương trình CMCN8 vào ngày 6 tháng Sáu, 2020.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

California, ngày 12 tháng 3 năm 2020

Thay Mặt BTC

Tâm Thường Định và Tâm Định

NAM MÔ ĐƯỢC SƯ LƯU LY QUANG VƯƠNG PHẬT



NGỌN NẾN TRONG ĐÊM

*Đêm chưa qua... đã trở lại sáng ngày,
Ngày chưa qua... đã lui vào bóng tối!
Cứ như thế, trần gian trôi quanh mãi,
Trong mịt mờ, dày đặc của... vô minh!
Bụi trần gian, ảo ảnh vây quanh
Vài tia sáng, lóe lên rồi chợt tắt...*

*Đêm càng khuya, thời gian càng hiu hắt,
Tiếng kinh cầu vang vọng canh thâu...
Trong bóng Đêm, từng Ánh Nến nhiệm mầu,
Bừng tỏa sáng, long lanh trong Đêm Tối..*

*Lời Kinh Đêm càng vút cao, cao mãi..
Tỏa lan vào ánh sáng khắp không gian..
Mỗi câu kinh, tràn ý nghĩa ngọc vàng..
Bay cao mãi, hòa tan vào vũ trụ...*

*Chân nguyên ời! Con đường từng áp ủ...
Thoát luân hồi, rũ bỏ nghiệp trần gian..
Bao nhiêu năm, lưu lạc lang thang..
Lênh đênh mãi, chưa bao giờ an trú!!*

*Trong đêm tối, sáng soi ngàn tinh tú..
Vào chân nguyên, không cửa rộng thênh thang
Ánh Đạo Vàng.. tỏa chiếu khắp trần gian.
Theo Ánh Sáng Như Lai, về cõi Phật...*

LỜI NGUYỆN CẦU

*Nguyện Cầu Đức Phật Dược Sư,
Cứu cho Thế Giới... thoát vòng dịch căn,
Cầu cho viêm phổi tan dần,
Nguyện cho Nhân Loại sống đời bình yên...*

*Cầu cho Thế Giới an yên,
Cầu cho Sóng Biển yên lành ngoài khơi,
Cầu cho Dân khắp mọi nơi,
Ám no hạnh phúc người người hân hoan
Cầu cho dân tộc Việt Nam,
Tự do nhân bản an nhiên thái bình...*

Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật

thơ

THỰC UYÊN
P.d. Nguyệt Phương Thành

Núi xanh mây hồng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG BỐN

Tiếng chuông khuya đầu tiên đánh thức tôi dậy với một nỗi buồn da diết không thể gọi tên.

Tôi không hiểu sao mình lại có thể buồn một cách dễ dàng như vậy. Đường như bao giờ thức dậy sau một giấc ngủ, dù dài hay ngắn, tôi đều cảm nghe một cái gì buồn buồn. Có lúc tôi tự trả lời với mình rằng có lẽ trong giấc ngủ tôi đã mơ thấy những giấc mơ đẹp nên khi bừng giấc là thấy buồn vì nỗi tiếc. Nhưng chắc là không đúng hẳn. Bởi tôi rất ít mộng寐 trong giấc ngủ. Và nếu như người ta nói, những sinh hoạt thường nhật gây ấn tượng mạnh mẽ có thể tác động vào tiềm thức để tạo nên những giấc mộng khi ngủ, thì lối sống kinh viện khép kín của tôi trong cửa chùa cũng đã bảo vệ tôi, không để một ấn tượng nào không tốt và bất lợi cho người học đạo được nảy sinh trong vườn tâm tôi. Tu sĩ thì

đâu có mơ mộng gì—cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng—và có biết gì đâu để mà mơ mộng! Do đó, có thể nói, giấc ngủ của tôi thường êm đềm và vắng lặng như một cõi không. Vậy thì buồn cái gì? Tôi lại tự trả lời rằng, có lẽ vì thực tế bao giờ cũng phũ phàng và cuộc đời quá nhiều đau thương đến nỗi bụng mình ra khỏi giấc ngủ là người ta rơi ngay vào một cái buồn kinh khiếp, tàn bạo — cái buồn của một kẻ ý thức rằng mình lại phải tiếp tục đối diện với cuộc sống đầy phiền tạp và đau khổ. Nhưng đó cũng chỉ là câu trả lời có tính cách suy luận, không làm tôi vừa ý. Bởi cuộc đời tôi chẳng có gì đáng gọi là thương đau khổ sở; và thực tế đời tôi hãy còn là một trang giấy trinh nguyên, giả như có nhàu đi chút đỉnh vì một va chạm nào đó thì cũng chưa đến nỗi nào so với những trầm thống mà người đời phải gánh chịu.

Thực sự trong tôi, tôi chỉ

có thể thừa nhận rằng nỗi buồn cơ hồ vô cớ kia có lẽ là do tôi quá nhạy cảm, dễ xúc động. Tôi có thể buồn một cách tầm phào và vô lý. Nhưng tôi biết tôi buồn thực sự, có điều, không thể giải thích được mà thôi. Đây cũng không phải cái buồn mà một nhà thơ tiền chiến mắc phải — "*Tôi buồn không biết sao tôi buồn*" — mà là một nỗi buồn mang mang khó chữa trị, và quái lạ nhất là tôi vẫn thích đắm mình trong đó như muốn hân thưởng một cái gì sâu nhiệm, huyền bí.

Tôi ngồi lặng tại chỗ một lúc thì tiếng chuông chùa đã tới hồi giục giã. Chuông càng đổ nhanh, lòng tôi càng nghe rộn rã.

Rất ít khi tiếng chuông khuya có ý nghĩa đối với tôi như lúc này. Bình thường, khi còn ở chùa, tiếng chuông khuya chỉ có ý nghĩa đánh thức và lay tỉnh. Khi nghe chuông, tôi sẽ ngồi dậy đọc một bài pháp kệ (nói nôm na

là một bài nguyện được viết theo thể văn vần):

"Nghe chuông rơ
Ưu thiền vơi
Trí tuệ phát
Lòng thương khơi
Lìa thống khổ
Xóa đau thương
Nguyện thành Phật
Cứu muôn phương."

Mỗi khuya đọc bài pháp kệ đó, tôi thấy tâm mình tỉnh thức và lòng thương mở rộng. Nhưng lần này, tiếng chuông mang một tác dụng khác. Nó gõ từng nhịp vào nỗi buồn đang bàng bạc trong tôi, gõ thật đúng lúc và hiệu quả. Nó vừa lay động tâm hồn tôi, vừa như thôi thúc tôi làm gấp một cái gì. Tôi cảm thấy nóng nảy muốn đứng dậy lập tức, muốn ra đi lập tức, muốn thực hiện một cái gì đó lập tức. Nhưng sự thôi thúc này là một tác động mơ hồ, vì nó không đẩy tôi đến một quyết định nào rõ rệt. Vội vàng xếp tã cà sa bỏ vào túi xách xong tôi mới thấy rằng không có gì phải vội vã, hấp tấp và lo sợ. Tôi nhớ đến xác người nằm chết tro vơ đêm kia. Tôi có lý và tiếng chuông cũng có lý. Cuộc đời sẽ có thể gãy đổ tan tành trong chớp nhoáng. Thời giờ không thể chờ đợi. Tôi phải làm gấp một cái gì. Tôi phải tranh thủ đạt đến mục đích tốt cùng của cuộc sống. Tôi phải nhanh chóng thành tựu lý tưởng của tôi. Vì, thời gian sẽ qua đi... Nhưng có phải rằng khi tôi bạt mạng a đầu vào một nỗ lực nào đó để vươn tới cùng đích cũng có nghĩa là tôi vô tình chìm lìm trong một khát vọng mới, một sự lãng quên mới? Và trong vội vã, hấp tấp, vội vã, liệu người ta có thể tìm ra được một cái gì siêu việt chăng? Tôi nhớ có vị Thiền sư nói: "**Bình thường tâm thị đạo**" (Giữ tâm bình thường, ấy chính là Đạo). Nỗ lực vươn lên nhưng thực không có gì đáng để nỗ lực cả. Không có gì xảy ra một cách quan trọng.

Tôi bình thần đứng dậy nhìn trời đêm bao la. Trăng vẫn im lặng và mặc nhiên ngả

KHOI VƠI



Chân đất bước lệch hai hàng
Khơi vơi theo dấu mộng vàng chưa quên
Mưa từ đất mưa tuôn lên
Đạo về có quạt bụi len mắt người
Bóng vang nổi chết bên trời
Ai khóc bèo nổi, ai cười bọt tan
Chân đất bước lệch hai hàng
Mắt sầu hun hút một màn sương đêm
Có vẻ qua giữa vô biên
Mà say tị tại trong niềm lao lung
Chân đất bước lệch vô cùng
Muôn trùng khói sóng dậy vòng tay ôm
Khơi vơi chiếc bóng chấp chờn
Hoàng hôn rụng xuống bên chiều hoàng hôn

thơ TRIỀU NGUYỄN

về Tây. Dưới chân núi là quốc lộ. Thịnh thoảng, vài chiếc xe lam rõ máy ồn ào chạy qua. Khi tiếng động cơ lắng dần ở xa, người ta có thể nghe rõ tiếng vó ngựa gõ lóc cóc trên đường nhựa. Người phu xa thường im lặng vào giấc khuya chứ không hò hét gì; chỉ có tiếng roi của ông chốc chốc lại vung lên vun vút. Một vài phụ nữ ngồi quay quần bên gánh hàng của họ, nói chuyện và chờ xe xuôi về phố. Ông lão bán thuốc lá ngồi khom như ngủ gật bên cạnh chiếc đèn dầu nhỏ đặt trên tủ kính. Tiếng trống của khóa lễ khuya trong chùa đổ ba hồi chậm rãi. Tôi lặng lẽ xuống núi. Sương lạnh lạnh hắt trên vai tôi theo làn gió sớm. Ngay trong lúc từng bước một bước xuống, tôi nghe trong tôi một cái gì miên man dâng lên, sáng khoái và rung động. Ước chừng chính lúc này, tôi, như một nhà sư xuống núi, mới thực sự dẫn những bước đầu tiên vào dòng đời thiền lụy,

mới thực sự gieo mình vào một cuộc phiêu lưu kỳ thú. Tôi khẽ đọc một bài thơ của một vị thiền sư nào đó và cảm thấy cõi lòng hân hoan mở ra:

"Bình bát cơm ngàn nhà
Thân chơi muôn dặm xa
Mắt xanh xem người thế
Mây trắng hỏi đường qua."

Dừng lại ở chân núi, tôi nhìn về phía trắng lặn. Những ngọn núi cao ngất phủ đầy mây trắng. Trắng như vén mây để về chân trời. Bóng trắng càng mờ ảo hơn sau những cụm mây thưa. Một lúc lâu thì trắng khuất hẳn; bấy giờ, các đầu núi ngập mây cơ hồ biến mất, chỉ có khoảng chân núi là lúc ẩn lúc hiện.

Tôi chợt nhớ đến Đức. Trong một bài trường ca của tôi viết về cuộc đời đức Phật, không hiểu sao Đức thích nhất câu "**Núi xanh còn đó, mây hồng nhẹ bay.**" Đức đề nghị tôi phóng câu đó làm đề cho một phụ bản của tập đặc san mà chúng tôi thực hiện. Và khi

chia tay, tôi nhớ Đức cũng đã tự ví chú như là núi và tôi là mây. Tôi mỉm cười đón nhận cái ý nghĩ hay hay đó của chú, và có lẽ tôi cũng thích tự nhận mình như là một cụm mây: cụm mây *Phiêu Bồng* (bút hiệu làm thơ của tôi lúc ấy). Tuy nhiên, làm sao tôi có thể ngăn cản được mình trong cùng lúc với nụ cười đó một nỗi buồn nhẹ nhàng lướt nhanh qua tâm hồn.

Giờ này có lẽ Đức đang đọc sách trong thiền thất. Thiền thất của Đức cũng nằm trên đồi Trại Thủy như chùa Núi (tức chùa Linh Phong) mà tôi vừa rời khỏi. Nhưng không có lối băng ngang, vì vậy, muốn tìm đến nhau từ hai địa điểm này, người ta phải xuống núi, rồi lại lên núi.

Tôi bỗng muốn đến thăm Đức. Chắc là vui lắm, dù chỉ mới xa nhau một tháng. Tôi liên tưởng đến sự ấm cúng nếu tôi có thể gặp lại Đức trong lúc thiền thất đơn sơ, với một bữa ăn đạm bạc và trong tình bạn chân thành, đạo vị. Tôi thích lắm, nhưng khi bước đến chân đồi, tôi đổi ý. Tôi quay đi. Tôi không tự hiểu được mình lúc đó. Nhìn lại một lần nữa căn thiền thất thoáng hiện trên đỉnh đồi qua màn sương khuya mờ phủ, tôi lặng lẽ giã từ và bước nhanh về bến xe. Tự dưng tôi linh tính rằng có một cuộc chia xa vĩnh viễn, hoặc sẽ không có dịp nào trở về nữa, nếu có chăng, cũng lâu xa lắm. Cái linh tính này hầu như không nảy sinh lúc tôi chia tay Đức ở ga xe lửa hơn một tháng trước. Tôi chẳng hiểu vì sao.

Phố Nha Trang hiền hòa, vắng tiếng xe cộ. Vài chiếc xích lô đạp đi một cách buồn tẻ và im lặng trong khuya. Xa xa, có tiếng chó nhà ai sủa rên lên.

Tôi có mặt tại bến xe khi phòng vé bắt đầu làm việc. Những hành khách cùng chuyến xe với tôi hôm ấy đều có mặt quanh phòng vé, và phòng vé đã dành ưu tiên cho chúng tôi chuyến xe đầu tiên (tài một) để bù lại sự không may của chúng tôi hai ngày trước.

Chúng tôi cũng không phải

xếp hàng hay chờ chực gì nữa. Sự kiện này làm cho người ta, những người được ưu tiên, có ảo giác như được ban một ân huệ lớn lao. Quả vậy, từ sau năm 1975, mua vé xe mà không xếp hàng thì thật là hạnh phúc! Đó là một ưu đãi mà trừ những cán bộ ra, người dân khó có cơ hội được hưởng. Trên nét mặt của những người đã cầm vé trên tay, tôi nhìn rõ những hân hoan không bền bờ của họ. Họ rất thỏa mãn với một cái vé. Họ nói và cười lớn tiếng hơn. Họ có thể cười vào những câu chuyện mà tôi thấy chẳng có gì đáng phải cười cả.

Tôi cũng không thể quên được rằng có một thiếu phụ người miền Trung đã nhờ tôi xách hộ chiếc va-li và giỏ đồ thật nặng của chị lên xe vì chị ấy mắc bế một đứa con chưa đầy tuổi và tay còn lại chị phải xách một giỏ đồ khác. Chị cảm ơn tôi rồi rít khi lên được trên xe; và rồi trên suốt quãng đường vào Sài Gòn, chị kể tôi nghe tất cả những nỗi khổ nào mà chị phải gánh chịu từ khi người Cộng sản xua quân vào Nam và từ khi chị lấy chồng, có con—đứa bé chị đang ẵm trên tay. Tôi không biết chị có phóng đại hay bị thảm hóa cuộc đời chị không. Nếu là phóng đại thì không sao (tôi nghe rằng nói quá sự thật là bệnh chung của người đời mà!); nhưng nếu lời chị kể đều là sự thật thì đó quả là cơ sự bất ngờ đối với tôi: nó vẽ ra nỗi khổ triền miên, thống thiết mà một tu sĩ quê mùa, khép kín cuộc sống trên núi cao như tôi không thể nào tưởng tượng ra nổi. Đến trưa, chị than với tôi là không có tiền ăn cơm, và “Khổ lắm! Chẳng ai hiểu dùm cho!” (làm như là tôi hiểu chị lắm vậy). Nói xong, chị mắng rửa đứa con thậm tệ dù nó là đứa bé chưa biết nói. Tôi không hiểu đứa bé bị mắng vì nó khóc nhè hay tại vì nó mà mẹ nó chẳng có cơm ăn. Tôi đưa chị ấy tiền và ngồi trông đỡ đạc cho chị đi ăn. Một

thiếu nữ đi buôn có vẻ sành đời lắm, nãy giờ quan sát tôi, đã lên cho tôi hay rằng đừng nên tin thiếu phụ kia, và rằng tôi có thể bị gạt gẫm, lợi dụng. Tôi gật đầu cảm ơn. Lúc đó tôi nghĩ, khi một sự gạt gẫm có lý do của nó, dù là lý do gì, nó trở nên một sự thực bình thường và hợp lý, ít nhất là đối với kẻ lường gạt. (Trên đời còn có những sự lường gạt qui mô và to lớn hơn nhiều nhưng đã được người ta che giấu hoặc sơn phết lên nó một lý do cao đẹp nào đó để rồi cuối cùng chính sự lường gạt lại được ca tụng!). Và nếu nó hợp lý đối với họ, cụ thể là thiếu phụ kia, tôi nghĩ tôi không cần thiết phải làm cho họ thất vọng. Hồi còn là một chú tiểu, có lần tôi gạt một chú tiểu khác, nói rằng tôi đau bụng quá không thể nấu cơm trong phiên trực của tôi được. Chú ấy tưởng thật, đi nấu thay tôi và tôi đã có được hơn một giờ đồng hồ để nằm ngủ nhân lúc thầy trụ trì đi vắng. Gạt được chú một lần đó tôi thấy khoái chí lắm. Càng trưởng thành, tôi càng nhận thức được những sự gạt gẫm, lợi dụng, dù là nhỏ nhặt, cũng không phải là điều tốt đẹp gì: nó tiềm ẩn cho ta thói lừa đảo, man trá. Cho nên tôi đã quyết tâm từ bỏ. Tuy nhiên, trong cuộc sống, đôi lúc tôi cũng giả đờ ngu ngơ một chút để người ta gạt gẫm mình, gọi là ban cho họ cơ hội để được khoái chí ấy mà.

Lúc trở lại, chị ấy hỏi tôi ăn uống gì chưa. Tôi nói rồi, nhưng chị ấy không để ý lắm vì chị đang lo phui chỗ ngồi và lục soạn gì đó trong giỏ xách. Khi ấy tôi mới nghe bụng mình reo đói.

Trước khi xe đỗ vào bến Xa Cảng Miền Đông của Sài Gòn, chị ấy có nói trước với tôi rằng, nhờ tôi mang hộ hành lý của chị xuống bến vì không ai đón chị ở đây cả. Tôi vui vẻ nhận lời. Xe vào bến thì đồng thời tôi cũng nhận ra rằng tôi sẽ thất vọng nếu quả là tôi muốn tìm một thứ hạnh phúc nào đó nơi thành phố nhộn nhịp xô bồ

này. Tất cả đều mới lạ nhưng không phải là thứ mới lạ mà tôi tìm kiếm. Khi tôi đặt va-li và giỏ xách của thiếu phụ xuống đất như trút đi một gánh nặng (vì chúng thật là quá nặng!), thì nổi liền theo đó là một nỗi cô đơn xâm chiếm tâm hồn. Tôi xa lạ và quạnh quẽ thật sự giữa phố người cuồng nhiệt hăm hở chung quanh.

Tiếng còi xe, tiếng mời gọi của các phu xích lô, tiếng rao của những người bán hàng rong, tiếng rầm rầm của một lò rèn hay một xưởng cơ khí nào đó, tất cả như muốn đua nhau làm rung lên khoảng trời còn sót lại trên đầu. Tôi thấy buồn quá, nhưng tôi cũng mỉm

cười. Vì sẽ không có gì quan trọng xảy ra hết: tất cả sẽ qua đi và quên đi.

Thiếu phụ lại hỏi xem tôi có thể giúp chị tiền xe để đi tìm nhà bà con hay không. Tôi trả lời rằng có thể, và đưa nốt khoảng tiền còn lại cho chị. Chị ấy cảm ơn rồi chào tôi, lên xe. Chị còn hỏi tôi ở chùa nào lúc bác xích lô bắt đầu đạp xe đi. Đó là câu hỏi mà cả tôi lẫn chị đều không mong đợi trả lời.

Tôi đứng lại một chỗ bên đường nhìn xe qua lại rồi bắt đầu một cuộc lang thang trên hè phố. Con đường nào cũng dài nhưng không xa với kẻ không nhà. Tôi thích thú bước

đi, đi mãi trong khi trời tối dần và những vì sao lác đác hiện lên giữa bầu trời tím thẫm. Tôi như một con sói hay như một loài thú rừng nào đó, lầm lũi đi qua phố thị rợp người. Tôi không ngược mắt nhìn ai; cũng không ai nhìn tôi, chắc vậy. Mọi người đều có một vấn đề gì đó để bận bịu. Nhưng tôi, một kẻ không nhà, chỉ có vón vện một tâm hồn đơn sơ, không mắc mưu, không trì trệ và dăm ba bài thơ học thuộc như là hành trang cho cuộc phiêu lưu giữa thế giới hỗn độn xoay vòng này.

(đón đọc Chương 5)

What is Coronavirus?

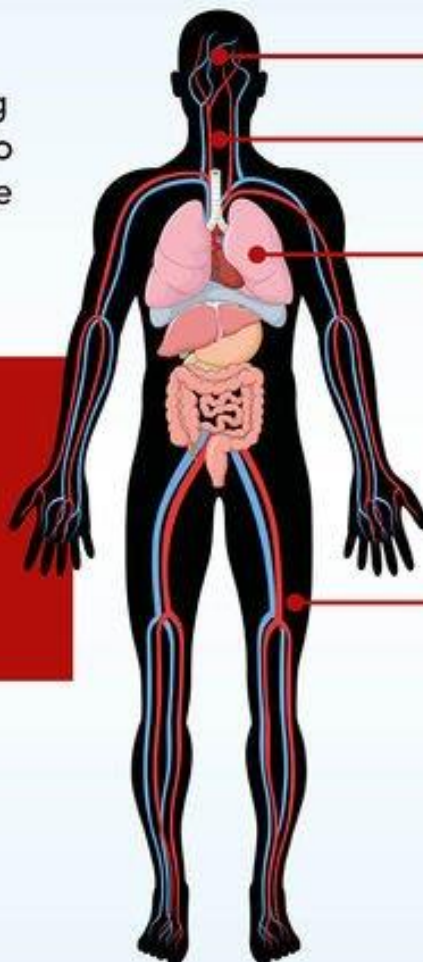
Coronaviruses are a large family of viruses that cause illness ranging from the common cold to more severe diseases like pneumonia, MERS and SARS

SEVERE SYMPTOMS

- High Fever (100.4°F or higher)
- Pneumonia
- Kidney failure
- Death

TRANSMISSION

Coughs or sneezes from infected person or touching contaminated objects



COMMON SYMPTOMS

High temperature

Cough

Shortness of breath/
breathing difficulties

Body aches/
muscle pain

EXPRESS

SOURCE: Centers for Disease Control and Prevention/ USA Today/ World Health Organisation

[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)